

Soạn-giá : HUYỀN - MẶC ĐẠO - NHƠN

# NAM PHU'ÔNG

## PHẬT TÍCH





**Sọan-giả :**  
**HUYỀN-MẶC ĐẠO-NHƠN**

---

# **NAM PHU'ÔNG PHẬT TÍCH**



In tại nhà in  
**VIỆT-HU'ÔNG**  
86, COLONEL BOUDONNET  
== SAIGON ==



# MỤC LỤC

---

- CHƯƠNG I .— Lịch sử Phật giáo trải qua các triều  
đại Việt-Nam**
- CHƯƠNG II .— Hương sơn đặc đạo**
- CHƯƠNG III .— Sài-Linh giáng thần**
- CHƯƠNG IV .— Bồ tát hiện hình**
- CHƯƠNG V .— Chơn nhưn thác tích**
- CHƯƠNG VI .— Thân sau bà vải**
- CHƯƠNG VII .— Kiếp trước ông vua.**





# CHU'ONG I

---

## KHẢO QUA VỀ LỊCH-SỬ SÙNG-THƯỢNG ĐẠO PHẬT CỦA CÁC TRIỀU-ĐẠI TRONG NƯỚC VIỆT-NAM

---

Các tông-giáo trên địa-cầu, buổi ban sơ thành lập tự một phương, rồi lần lần truyền bá qua các phương khác, đạo càng cao, đức càng hậu, thì lưu hành càng rộng ; và lại thời-đại càng lâu thì càng nhiều người tôn-tín, mới thành có nhiều dấu-tích kỷ-niệm tại các phương.

Dục tri tiền thế nhơn,  
Kim-sanh thọ giả thị ;  
Dục tri lai thế-quả,  
Kim-sanh tác giả thị (1).

Vậy muốn biết dấu-tích của tôn-giáo có kết-quả tại một phương ấy, trước hết hãy nên tìm tào như sùng giáo của một phương ấy thế nào.

Phật-giáo là một tôn-giáo thành-lập từ phương Tây, lịch-sử rõ ràng, có ký tái đủ tại các kinh sách ; đạo đức chừng nào cao-hậu, từng công nhận ở lòng sùng giáo của các nhà thiện-tín thập-phương, chẳng cần ngòi bút của kẻ bần đạo này tán-dương kỹ-thuật làm chi cho phiền, vì trải đời đã lâu, và truyền giáo đã rộng vậy.

---

(1) Đó nguyên là một bài kệ trong kinh, nghĩa là : muốn biết chuyện tạo nhơn đời trước thế nào, thì coi phước hưởng thọ ngày nay là đó ; muốn biết cuộc kết-quả đời sau thế nào, thì coi chuyện tác nhơn đời nay là đó.

Đây thì lấy nghĩa rằng : nước Việt-Nam đời sau này sở-dĩ có cái kết-quả Phật tích xuất hiện, là tạo nhơn bởi các triều-đại trước sùng Phật đã nhiều.

Một tông-giáo chân chánh tại trên thế-giới, lưu-hành ra khắp địa-cầu, đâu đâu cũng có tự-quản, tăng-ni, tiêu yết ra cáidấu-tích « từ-bi quảng-dại », cây phan, tiếng mõ, lần truyền ảnh-hưởng qua phương Á-đông.

Cứ xét trong Sử-ký Trung-Hoa, thì thấy đạo Phật truyền qua nước Tàu bắt đầu từ đời Tây-Hán, nhằm triều vua Hiếu-Võ (140-86 trước Dương-lịch kỷ-nguyên), tướng Hán đem quân đi đánh nước Hung Nô, thấy người nước ấy có tục đốt nhang cúng vái và đọc kinh, hỏi ra mới biết là họ theo đạo Phật, vậy khi ban quân về nước, rước được tượng kim-nhơn. Qua năm đầu Nguyên-Thọ (nhằm dương-lịch kỷ-nguyên thứ 2) triều vua Hiếu-Ai, Tần-Cảnh-Hiến qua sứ nước Nguyệt-Chi, có học thuộc lòng được kinh nhà Phật.

Về đời Đông-Hán, nhằm triều vua Hiếu-Minh (58-75) Ban-Siêu qua sứ các nước Tây-vực, thấy đạo Phật thanh-hành tại xứ ấy, khi về triều mới tâu bày với vua. Vua bèn sai Thái-Âm qua các nước Tây-Thiên-trước kiểm được 42 chương-kinh và rước tâu dâng là Ma-Đàng-Trước-Pháp-Lan về giảng đạo Phật. Thuở ấy thỉnh kinh về nước, dùng chõu bằng con ngựa bạch, và chứa tại Hường-Lô-Tư (tòa quan Hường-Lô), cho nên sau khi cất chùa tại kinh-đô Lạc-Dương, vua nhưn dùng chữ 1Ự làm chùa thờ Phật, mà đặt hiệu chùa là Bạch-Mã-Tư.

Từ đó đạo Phật lần lần truyền rộng, nhưng chỉ có các nhà tu-sĩ Ấn-Độ qua giảng đạo mà thôi. Đến đời Tam-Quốc (220-265) mới có người Trung-Quốc xuất gia làm tăng-ni và cũng có người qua Ấn-độ thỉnh kinh về giảng dạy.

Về đời vua AN-ĐẾ nhà Đông-Tấn (lối cuối thế-kỷ thứ 4) có ông sai đạo hiệu Pháp-Hiến đi vân du hầu 30 nước bên xứ Ấn-Độ, rồi từ cù-lao Tích-Lan theo đường biển về Trung-Hoa, đem kinh Phật dịch ra chữ Tàu, lại soạn ra bộ sách Phật-Quốc-Ký; rồi đó dân-gian mới tỏ rõ gốc tích Phật-Giáo và thấu hiểu được chơn lý đạo mầu.

Qua đời Nam-Bắc-Triều (420-588), vua Hiếu-Minh nhà Bắc-Ngụy sai tăng đồ là Tuệ-Sanh và Tống-Vân qua Tây-Vực kiểm định 170 bộ kinh đem về, từ đó đạo Phật mới thanh hành tại Trung-Quốc, kinh điển có tới 450 bộ, tự-quản có chừng ba muôn sở, tăng ni cũng nhiều tới hai triệu người.

Về đời nhà Đường (618-907), vua Thái-Tông (630...) sai Tam-Tạng Pháp-Sư Trần Huyền-Trang qua Tây-Trước cầu kinh ở đó trên 30 năm, thỉnh được 650 bộ kinh Phật. Tới đời



vua Cao-Tông (672....) lại có ông sãi Nghĩa-Tĩnh qua Tây Trước thỉnh dâng 400 bộ kinh nữa, mà đạo Phật truyền bá thêm rộng ra.

Ấy, lịch sử Phật giáo tại nước Trung Hoa, phát tích từ đời Tây Hán trải qua Đông Hán, Tam-Quốc, Tây-Tấn, Đông-Tấn, Nam Bắc Triều, hầu tám trăm năm cho tới đời Đường sắp di, qua Tống, Nguyên, Minh, Thanh, càng ngày càng thịnh. Trên đây lược thuật, dựng làm dẫn tuyến Phật sử cho nước Việt-Nam ta.

Phật giáo tại nước Việt-Nam ta khởi thủy từ đời nào, không khảo được đích, vì về thời đại Bắc thuộc, thì thổ địa thuộc Bắc, như dân thuộc Bắc, chính, giáo, lễ, tục, không chỉ là chẳng thuộc Bắc, những khoản ấy đều do Bắc sử ký tải. Xứ mình không có chuyên sử, cho nên không lấy chi làm chứng cứ mà khảo cứu được tường. Nhưng ta cứ lấy sự lý mà suy ra, thì thấy cái lễ Phật Giáo thâm nhập tới Trung Hoa từ đời nào, thì truyền bá qua Việt Nam từ đời ấy : một phần do mục thú Bắc lai đem tới, một phần do Thiên Sĩ, Tây tỵu truyền qua.

Có như sách Ngô-Chỉ chép rằng về cuối đời Đông Hán qua đến đời Đông-Ngô (giáp thế-kỷ thứ 2—3), Sĩ-Nhiếp qua làm Thái-Thủ quận Giao-Chỉ (tên quận thuộc đất Việt-Nam hồi đó), sao lên chức Thứ-Sử Giao-Châu (tên Châu tại đất Việt-Nam hồi đó), trước sau hầu bốn chục năm (187-226) khi ông trải ra ngoài, thường nghe có những tiếng : mỏ, tiêu, chuông, trống và thấy có bọn rợ Hồ đi theo cầm nhang hai bên xe hàng chục người. Coi cái nghi vệ của ông, thì hay rằng ông theo đạo Phật, mà kêu là rợ Hồ đó, là tiếng Hán đặt tên người ngoại quốc, đây chỉ là các sãi Ấn-Độ vậy. Ông đã sùng Phật, thì chắc ông đem giáo lý mà truyền bá ra dân gian.

Lại coi như sách Pháp-Vu-Thiết-Lục chép rằng : năm lối thế kỷ thứ 3 có ông sãi KAUDRA là người Đông Ấn-Độ qua Giao-Châu một lượt với ông sãi Ma-Ha-Kỳ-Vực : Truyện Lương Cao Tăng chép : sãi Tăng Hội, gốc gác là người Khương Cư, tổ tiên ngụ ở Thiên Trước, tới đời ông theo cha qua buôn bán tại Giao Châu, sau khi cha thác rồi, ông bèn xuất gia tu hành tới bậc cao tăng ...

Sách Cồ-Châu-Pháp-Vân-Phật-Bồn-Hạnh-Ngũ-Lục chép rằng : Về khoảng cuối đời Đông Tấn có vị Pháp Sư người

Ấn độ pháp danh là Ty-Ny-Đà Lưu-Chi nghe tin tại đất Giao Châu đã có Phật Giáo, năm 580 ông bèn qua trụ trì tại chùa Pháp Vân giảng dạy, từ đó Phật giáo lần lần thịnh hành.

Còn Phật Giáo do chánh lệnh của triều đình Trung-Hoa công truyền qua nước Việt-Nam ta, thì bắt đầu từ đời Tùy Đường sắp sau. Khảo cứu ở truyện Đàm-Thiên-Pháp-Sư, có lời vua Văn-Đế nhà Tùy bàn với Pháp sư định cất chùa xây tháp khắp cõi Giao Châu, đặng truyền bá đạo Phật.

Trải xem các chứng cứ ấy, và nghiệm coi từ thời kỳ tự chủ bắt đầu (968...), liền thấy Phật giáo có kết quả thịnh hành tại nước Nam ta, thì hay rằng cái tạo nhưn truyền bá qua nước ta cũng đã lâu đời lắm.

Nay xin do Việt Sử khảo cứu mà hội ra lịch sử sùng phật tại nước Việt Nam ta từ thời kỳ bắt đầu tự chủ sắp sau :

**NHÀ ĐÌNH (968 — 980).**— Vua Tiên-Hoàng nhà Đinh bính-dinh mười hai bộ sứ quân thống nhất bờ cõi, lên ngôi Hoàng-Đế, qua năm Thái-Bình thứ 2 (kỷ tị 969) phong hiệu cho vị Tăng-Thống là Ngô-chơn-Lưu làm Khuông Việt Thái-sư; dùng Trương-Ma-Ny làm Tăng nghi. Ngài khai quốc vừa Lục Đạo sĩ; trao cho Đặng Huyền Chơn chức Sùng Chơn oai-rõi, chưa rảnh việc chi, liền lưu tâm đến Thích-Điện, mà ưu đãi các nhà tăng đạo. Vậy vua Đinh-Tiên-Hoàng đối với Phật-giáo là chiếc thuyền từ chiếu độ ở nước Việt-Nam ta.

**NHÀ TIÊN LÊ (981-1009).**— Vua Đế Long-Đĩnh nối ngôi vua Đại Hành tới năm thứ 2 (văn xưng niên hiệu của vua Đại Hành là Ứng Thiên thứ 14) nhằm năm Đinh-Mùi (1007) sai Hoàng-Đệ là Minh-Sởng cùng viên Chương thư ký là Hoàng-Thành Nhả qua sứ nước Tần, hiến cho vua Tống con dê trắng dung biểu cầu kinh Đại-lạng, vua Tống ưng cho.

**NHÀ LÝ (1010-1225).**— Vua Thái Tông (1010-1028) nhà Lý húy Công Uân, mẹ là Phạm-thị đi vãn cảnh chùa Tiên-Sơn (tức là chùa Trường-Liêu tại làng Tiên-Sơn nơi huyện Yên Phong thuộc tỉnh Bắc Ninh xứ Bắc Kỳ ngày nay), chiêm bao thấy mình giao-hiệp với thần nhưn đó mà có thai, sanh ra vua nhằm năm Giáp Tuất (năm thái bình thứ 5 đời nhà Đinh 974) được ba tuổi, ông sai chùa Cồ Pháp (tại làng Đình Bảng nơi huyện

Đông-Ngạn thuộc tỉnh Bắc-Ninh ngày nay) là Lý-Khánh-Văn, nuôi lợn nghĩa tử, nhưn theo họ Lý. Vì ngài thác tích tại nơi cửa Phật, cho nên sau khi thay nghiệp nhà Tiên-Lê làm Thiên-Tử, thì liền tiếp theo ngọn đèn tổ của nhà Đinh, nhà Lê mà sùng thượng đạo Phật. Phật giáo tại nước Việt Nam này thịnh hành nhất là đời nhà Lý, khảo qua quốc điển sùng Phật của một triều nhà Lý thấy ở Việt-Sử như vậy :

Vua Thái-Tổ lên ngôi Hoàng-Đế, liền ban y-phục cho các tăng đạo, đồng một dịp với An-diễn sắc phong Dục-Đái công-Thần.

Qua năm, cải Nguyên Thuần Thiên (Cánh Tuất-1010), thăng châu Cồ Pháp là đất Phật tích của nhà vua làm phủ Thiên-Đức, phát ra hai muôn quan tiền đồng, cất tám tòa chùa tại trong hạt phủ ấy ; mỗi chùa đều lập một tấm bia chép công. Tại trong thành Thăng-Long thì cất chùa Thiên-Ngự ; tại cung Thái Thanh thì cất chùa Vạn-Tuế ; ngoài thành Thăng-Long thì cất các chùa : Thăng-Nghiêm, Thiên-Vương Cầm-Y, Long-Hung, Thích-Thọ, Thiên-Quang, Thiên-Đức. Bao nhiêu chùa chiền tại các nơi hương-ấp có chỗ nào hư hỏng đồ nát, đều phát tiền công-khố cho sửa lành lại hết thấy.

Mùa hạ tháng sáu năm Thuận-Thiên thứ 9 (Mậu-nũ-1018) sui Viên-ngoại Lang là bọn Nguyễn-Đạo-Thành, Phạm-Hạc qua sứ nhà Tống, dâng biểu thỉnh kinh Tam-Tạng, vua Tống ưng cho. Chừng lãnh về vua sai thầy sai là Phi-Trí qua châu Quảng-Nam tiếp rước, đem chứa tại kho Đại-Hung.

Năm thứ 10 (Kỷ-mùi-1019), độ cho nhân dân trong thiên hạ làm sai, lập giới-trường tại chùa Vạn-Tuế, sai các tông đồ thọ giới. Rồi phát vàng bạc trong kho ra đúc những trái chuông lớn, treo tại các chùa Hưng-Thiên, Đại-Giáo, Thăng-Nghiêm.

Năm thứ 15 (Giáp-tí-1024), mùa thu tháng chín, cất chùa Chơn-Giáo trong hoàng thành, khi khánh thành, sai các tăng đồ tụng kinh, ngự giá thân lâm giám lễ.

Vua Thái-Tông (1028-1054) nối ngôi vua Thái-Tổ, qua năm Thiên-Thành thứ 2 (Kỷ-tị-1029), ngày mùng 1 tháng 10, trời Phật ứng điềm lành : mưa xuống, gạo trắng chứt lên thành đống trước sân chùa Vạn-Tuế.

Năm thứ 4 (Tân-Mùi-103), vua thân giá đi đánh giặc Hoàn-Châu, khi ngự liễn hoàng-cung, xuống chiếu cất 150 tòa chùa, tới mùa thu tháng tám hoàn công, đặt pháp hội, nhưn ra ơn bố thí : tha tội tù và tha sưu thuế cho cả thiên hạ.

Mùa đông tháng mười, vua nghe lời xin của tăng đạo Tri-h-Tri-Không cho phép các tăng đạo chịu phép kỷ-lục tại cung Thái-Thanh.

Năm Thông-Thụy (cải nguyên lần thứ nhì) thứ ba (Bính-tí-1036) mùa xuân tháng giêng, đúc xong tượng phật Đại-Nguyên, làm lễ khánh thành tại trước đền rồng, ra ơn đại xá cho thiên hạ.

Năm Càn-Phù Hữu-Đạo (cải nguyên lần thứ ba) thứ 2 (Cánh-thìn-1040), vua sai thợ điêu họa trên một ngàn bức tượng Phật và chế trên một muôn cây bửu phan, mùa đông tháng mười hoàn công, làm lễ khánh-thành, ra ơn đại-xá thiên hạ ; thả tội tù, dỡ-lưu và nhơn mạng ; cho phân nửa thuế đinh, thuế điền.

Năm đầu Sùng Hưng Đại-Bửu (cải nguyên lần thứ 3 Kỷ-Sửu-1049) vua nằm mộng thấy đức Phật Quan-Âm ngồi trên tòa sen, dắt mình đồng lên. Tới chạng tỉnh dậy, triệu các quan cận-tần thuật lại chuyện mộng, chúng làm điếm chằng lành. Khi ấy có tăng đồ khuyên cất chùa, vua theo lời, bèn xuống chiếu nhóm thợ khởi công, đào một miệng hồ vuông bốn bề xây gạch, giữa dựng cây cột đá, cất chùa lên trên ; trong chùa thì tạc cốt Phật Quan-Âm ngồi trên tòa sen. Mùa đông tháng mười hoàn công, nhóm tăng đồ tụng kinh đặng cầu diệp thọ, đặt hiệu chùa là Diên-Hựu-Tự. Chùa này tại thôn Thanh-Bửu, thuộc huyện Vĩnh-Thuận (nay là huyện Hoàn-Long) ngoài cửa Bắc thành Thăng-Long, ngày nay bầy còn, tục gọi là chùa một cột.

Năm thứ 5 (Quý-tí-1053), mùa xuân tháng giêng, có cơn rồng vàng hiện tại mái lầu cửa Đoan-Môn, bá quan đều dựng biểu chúc mừng ; duy có ông sĩ Pháp-Ngữ tâu rằng : « Rồng hay tại trời, ấy là tượng quân lâm ngôi Cửn-ngũ. Ngày nay hạ giáng, ắt có điếm chằng lành. » Lời sư nói ắt chằng ngoa : qua mùa đông tháng mười năm thứ 6 (Giáp-ngũ-1054) vua thăng hà tại điện Trường-Xuân, tại vị 27 năm, hưởng thọ 55 tuổi. Nghiệm ra như vậy, thì có lẽ số trời đã định, mà Phật rước vua về trời từ năm Kỷ-sửu kia rồi, thế má còn diên thọ được 5 năm, là do trời phật chứng giám cho quả phước chùa Diên-Hựu vậy.

Vua Thái-Tông đã cõi rồng về chầu cửa Phật, vua Thánh-Tông (1054-1072) ngự xe phụng lên nối ngôi trời, qua năm Long-Thụy-Thái-Bình thứ 3 (Bính-thân-1056) mùa hạ tháng tư, cất chùa Sùng-Khánh tại phường Báo-Thiên, xây cây tháp 12 tầng, cao 20 trượng. Lại phát công khổ ra 12 ngàn cân đồng

đặng đức trái chuông lớn. Vua ngự chế bài văn « Minh » khắc vào bia.

Năm Chương-Thành-Gián-Khánh (cải nguyên lần thứ nhì) thứ 7 (Ất-tị 1065), vua đã bốn chục tuổi, vẫn chưa có con trai, thường ngự viếng các chùa, dựng nhang cầu tự, long giá ngự tới làng Thổ-Lôi, dân chúng xúm lại coi đầy đường, duy có một người con gái hai đầu đứng dựa trong đám cỏ lan, mà không thêm ngó tới. Vua thấy thì lấy làm lạ, bèn triệu vô trong cung, tự hiệu là Ý-Lan Phu-nhân, liền báo diềm lành, qua năm sau (Bính-ngũ 1066), sanh ra Hoàng-tử Càn-Đức, lập làm Thái-tể, cải nguyên Long Chương Thiên-tự, đại xá thiên hạ. Phong Ý-Lan Phu-nhân làm Thảo-phi, lại xưng là Nguyên-Phi đổi tên làng Thổ-Lôi là đất sản sanh ra Nguyên-Phi làm làng Siêu-Loại (nay là xã Thuận-Quang thuộc huyện Siêu-Loại tỉnh Bắc-Ninh).

Nguyên-Phi có đức từ thiện, kiêm có tài linh-tuyệt, trong cung vẫn kêu tặng là Phật-Bà Quan-Âm. Khi ấy nước Chiêm-Thành thường khuấy rối cõi biên, vua tự làm tướng ngự giá thân-chính, phú cho Nguyên-Phi ở triều gián quốc. Quân đi từ mùa xuân tháng hai qua mùa hạ tháng sáu, vẫn chưa hạ được thành, bèn dẫn quân về tới châu Cư-Lên, nghe tin Nguyên-Phi ở triều nhiếp-lý quyền-cang, trong cõi yêu binh dân tình hoan hiệp, ngài chẳng dè ngậm ngùi than-thở, mà tự nói rằng: « Kẻ kia là một vật liệu yếu đạo thờ, mà hay như vậy; còn ta dày đường đường một thân nam-tử, mà không chế nổi một nước nhỏ mọn, thì còn dùng râu mày làm chi ! » Rồi đó ngài phấn chấn càng-cang, chỉnh quân trở lại đánh nữa, bắt được chúa Chiêm là Chế-Cũ và 5 muôn sĩ-tốt, mùa thu tháng bảy, mở cờ lộ-bổ, tàu khúc hải hoàn chiab-lữ về triều, dựng tù lại nhà Thái-Miếu.

Ngẫm ra như vậy, thì biết đâu chẳng là sùng Phật tự có phước báo, mà Quan-Âm gián-đản, đặng giúp bề nội chính, đó chi ? Châu Ấp-Khương dự vào hàng-trị loạn công-thần, thì Ý-Lan-Nguyên-Phi cũng là một vị Phật sống trong liên-cung nhà Lý vậy.

Vua Thánh-Tông ở ngôi được 17 năm thì thăng hà về Lạc-quốc, Thái-tử Càn-Đức nối ngự tòa Cửu-long, ấy là vua Nhơn-Tông (1072-1127). Vua Nhơn-Tông mới 7 tuổi mà tánh rất từ-bi, vì nguyên là phật-tử nên sẵn có phật-tánh; vừa ngự ngôi báu, liền tha hết tù giam cầm trong phủ Đô-Hộ nhằm mùa hạ tháng tư. Trọn đời vua thường tha tù, cho thuế luôn luôn,

miếu hiệu Nhơn-Tông thì thiệt là nhơn, thiên hạ đời ấy khá kêu ngài là Phật-hoàng vậy.

Qua năm Thái-Ninh thứ 2 (Quý-sửu-1073), trời phạt răn tuổi ất trùng cho tự-quan : giáng điềm dữ mưa dầm chẳng dứt, vua ngự chùa Pháp-Vân cầu tạnh, thấy có hiệu quả ; chiều trời tạnh sáng lúc thời.

Nhơn đây, dân gốc tích chùa Pháp-Vân : chùa này tại thôn Văn-giáp, thuộc huyện Thượng-Phúc tỉnh Hà-dông trong Bắc-bộ ngày nay, tục truyền rằng thuở xưa có một ngày kia mây mưa sấm sét ầm ầm, té lật một cây đa lớn, người trong thôn dùng gỗ cây ấy tạc làm cốt tượng chư Phật, cất chùa phụng sự, nhơn đặt hiệu chùa là Pháp-Vân. Từ ấy những nay, có hiện-ứng rõ ràng : cầu mưa được mưa, cầu tạnh được tạnh.

Năm Quảng-Hựu (cải nguyên lần thứ 3) thứ 2 (Bính-dần 1086) cất chùa Lâm-Sơn tại xã Lâm-Sơn thuộc huyện Quế-Dương tỉnh Bắc-Ninh ngày nay) qua mùa đông tháng mười năm thứ 3 (Đinh-Mẹo 1087) hoàn công, ngự giá thân làm lễ khánh thành, đem hội yến bá quan tại trong chùa, ngự chế bài thơ « Lâm-Sơn dạ yến ».

Khi ấy nhơn định các chùa trong thiên hạ làm ba hạng : đại danh lam, trung danh lam và tiểu danh lam, mỗi chùa tùy hạng đặt ruộng hương đăng và kho tài vật, cất phu sung dịch, cho các quan sang hàng văn kiêm chức Đê-Cử.

Năm thứ tư (Mậu-Thìn 1088) ban hiệu cho ông sãi Khô-Đầu là Quốc-Sư, thường khi hỏi bàn việc nước, chánh triều, cũng như vua Tiên-Hoàng nhà Đinh đối với sãi Ngô-Chơn-Lưu, vua Đại-Hành nhà Lê đối với sãi Ngô-Thần-Việt vậy.

Năm đầu Long-Phù (Tân-Tị 1101) cải nguyên lần thứ năm, sửa lại chùa Diên-Hựu (chùa của vua Thái-Tông cất ở cầu diên thọ nhằm năm đầu Sung-Hưng-Đại-Bửu). Lại đúc chuông lớn, đúc xong thì không có tiếng kêu, đem bỏ ra ngoài ruộng. Ruộng ấy về sau sanh sản ra nhiều con rùa, người ta nhơn kêu cái chuông ấy là Quy-Điền-Chung (chuông ruộng rùa) Việc đúc chuông ấy hoặc giả có lỗi không thành cần chi, nên chư Phật không chứng quả thì chẳng biết.

Năm Long-Phù thứ tư (Giáp-Thân 1104), mùa thu tháng chín, lại sửa chùa Diên-Hựu nữa. Lần này thì trước cửa chùa xây cây tháp báu, đào hồ chứa nước trong xanh, trồng đầy bông sen ; xung quanh chạy xối hành lang dài, bắc cầu treo truyền qua.

Hàng tháng cứ tuần-ọc, vọng thì vua ngự giá-làm-hạnh. Cây tháp báu kiến trúc ròng rã 14 năm, qua năm Hội-Tường-Đại-Khánh (cải nguyên lần thứ 6) thứ 9 (Mậu-Tuất-1118) mới hoàn thành, mùa xuân tháng hai, nhưn có nước Chơn-Lạp (Cao-Miền) sai sứ lại châu, vua sai bày nghi-trượng tại trước cửa đền Linh-Quang dẫn sứ-giả cho coi.

Vua Nhưn-Tông đã năm chục tuổi vẫn chưa có con trai, hằng khi lập đàn cầu-tự. Hoàng-Thái-Hậu (tức Ỗ-Lan-Thái-Phi) cất trên một trăm toà chùa thờ Phật, lại phát tiền nội-phủ bố thí cho dân nghèo, và những con gái nhà nghèo bị cha mẹ nó đem cầm bán thì chuộc lại đặng gả cho những đàn ông ở góa.

Làm lành được phước, vẫn là báo ứng đạo trời, song cơ tạo-hóa khôn lường, quả phước chẳng đậu tại nhánh này, mà lại kết tại nhánh thứ. Số là hoàng-đệ Sùng-Hiền-Hầu cũng muốn màng hiềm hoi, phu nhưn Đồ-Thị những đêm ngày cầu trời khấn phật, được thiên-sư Từ-Đạo-Hạnh đầu thai, sanh ra con trai, đặt tên là Dương-Hoán (lich-sử chép làm một chuyện Phật tích sau đây), vua Nhưn-Tông đem vô trong cung phủ-dưỡng, được hai tuổi, vua thấy tánh trời thông mẫn, bèn lập làm Hoàng-Thá-Tử, sau nối ngôi báu, ấy là vua Thần-Tông.

Vua Thần-Tông (1128-1138) lên ngôi tới năm Thiên-Thuận thứ 4 (Bình-thìn-1131) thỉnh linh bị bệnh hóa cọp, được thầy sai chùa Giao-Thủy là Minh-Không dùng phép thần thông sửa lành. Vậy vua phong hiệu cho ông Minh-Không làm Quốc-sư, ban thực-ấp dài trăm hộ (sự tích sẽ chép tại chuyện Sài-Lĩnh-Giáng-Thần sau đây).

Qua năm thứ 5 (Đinh-tị 1132), mùa xuân tháng ba hạn hám, vua ngự chùa Báo-Thiên (tức là chùa Sùng-Khánh, do vua Thánh-Tông cất năm Long-Thụy thứ 3) kỳ đảo, đêm hôm ấy liền mưa.

Trong năm ấy khởi công cất chùa Quảng-Nghiêm Tư-Thánh và chùa Linh-Cảm, mùa thu tháng chín hoàn công, đặt pháp hội làm lễ khánh thành, ra ơn đại xá tù cả thiên-hạ.

Vua Anh-Tông (1139-1175) nối ngôi vua Thần-Tông, buổi ban sơ do tay ngoại-thích Đỗ-Anh-Võ lạm dụng cháng-quyền binh phạt phần nhiều lỗi đạo công bình, tàn sát kẻ vô tội rất trái với đạo từ-bi bác-ái của Phật-gia, nên trời phật giáng điềm chẳng lành: mùa xuân năm Đại-Đinh thứ 20 (Kỷ-mạo 1159) cọt chùa Thiên-Phù chảy máu.

Tôi chừng năm muện, vua biết sám-hối, mới dùng hiền-thần Tô-Hiến-Thành, chánh-sự cai quan, thờ theo đạo Phật. Mùa xuân tháng ba năm Chánh-Long Bửu-Ứng (cải nguyên lần thứ 3) thứ 7 (1169), nhưn điếm dữ : nguyệt thực, cá hiền chết nhiều, bèn sai tăng đạo các chùa tụng kinh, dựng cầu hương tai giải ách. Qua mùa hạ tháng tư xuống chiếu sửa lại chùa Chơn-Giáo là cảnh đại danh làm do vua Thái-Id khởi tạo từ năm Thuận-Thiên thứ 15.

Nhà Lý tới đời vua Cao-Tông (1176-1210) là vì vua hôn ám, lòng sùng Phật lần lần trở trắng, lên ngôi đã trải 10 năm, tới năm Thiên-Tư-Gia-Thụy (cải nguyên lần thứ 2) thứ 3 (Mậu-thân 1188), mùa hạ tháng tư, nhưn trời đại hạn, mới ngự giá tới kỳ đảo tại chùa Pháp-Vân, lại rước cốt tượng Phật tới chùa Báo-Thiên kỳ-đảo. Nhưng kỳ-đảo không do lòng thành tín, thì rốt cuộc cũng không có hiệu quả gì.

Năm Thiên-Tư-gia-Thụy thứ 10 (Ất-Mẹo 1195), thi học trò bằng thích-giáo đồng với Nho-giáo Đạo-giáo, kẻ trùng cách đều cho xuất thân, cũng nhưn Ắn-diễn «tam-giáo» khoa Thái-học sanh thi Nho-giáo thuở nay. Ấy nước Việt-Nam ta có khoa thi « Tam-giáo » là bắt đầu từ đó.

Tuy vậy, lòng vua đã lạt lẻo với đạo Phật, thi đặt khoa thi cũng là một lệ hư-vấn mà thôi, chớ tôn-tín chẳng phải do tự bà-tâm. Rồi đó là thuyết thừa dịp tấn vô, mà lý-gián chánh-đạo, cho nên mùa xuân tháng giêng năm Thiên-Tư-Gia-Thụy thứ 13 (Mậu-ngũ 1198), có chiếu « Sa thải tăng nhưn » là theo lời sám-gián của kẻ gian-thần Đàm-dĩ-Mông vậy.

Ôi ! Đạo Phật lấy «Quảng đại từ bi» làm tôn chỉ, mà tâm lý đã trái với đạo Phật, thì chánh sự cũng hẹp hòi tàn ngược, còn chi là «Quảng-Đại Từ-Bi»? Cho nên trọn đời vua Cao-Tông trời Phật giáng cho những điềm chẳng lành như là : địa chấn, sơn băng, nhật thực, nguyệt thực, đại hạn, đại thủy... mà nghiệp nhà Lý lần lần suy-sút, cái cơ nguy loạn đã hiện ra khúc nhạc «Chiêm-Thành» chế trong mùa thu tháng tám năm đầu Thiên-Gia Bửu-Hựu (cải nguyên lần thứ ba-Nhâm-tuất 1202). Khúc nhạc ấy ai thương sầu oán, người nghe phải rớt nước mắt ra, ông sãi Nguyễn-Thường từng đoán trước rằng : « Ta nghe nhạc âm nước loạn như oán, như giận ! Ngày nay đức chúa thượng tuần-du vô độ, giuờng triều rối loạn, lòng dân lìa tau, hiện ra tiếng nhạc ai-thương cảm-động lòng người, đó là triệu bại vong vậy ! »



Quả như lời ấy, qua đời vua Huệ-Tông (1211-1225) thì gái Phật-Kim (Chiêu-Hoàng) đã xách quả phước « Thập-Bát-Tử » (LÝ) mà liệng quách cho họ « Đông-Á » (Trần).

**NHÀ TRẦN (1225-1400).** — Thuở xưa nước Việt-Nam ta vẫn có tục cất nhiều lư-dinh dựng cho khác qua đường muốn trợ, tường hồ vôi trắng, kêu là « Dịch-Đình ». Thượng-hoàng nhà Trần (Trần-Thừa, cha của vua Thái-Tông) thuở còn hàn vi, có khi đi đường trợ tại dịch-dình nọ gặp một ông sãi coi tường mà biểu rằng : « Anh này ngày sau ắt làm nên đại-quí : « Nói vậy rồi ông sãi biểu đi đầu mất. Tới chông Trần-Cảnh chịu nử chúa Chiêu-Hoàng nhà Lý trao nghiệp cho, lên ngôi Hoàng-Đế ấy là vua Thái-Tông (1225 - 1258) nhà Trần, tôn cha là Trần-Thừa làm Thượng-hoàng. Bấy giờ đây mới thấy cái giá tôn là cha vua Thiên-tử phụng dưỡng bằng lộc thiên hạ quả nghiệm như lời ông sãi thuở xưa. Có lẽ ông sãi kia là một vị Bồ-tát hiện thân, báo tin lành cho nhà Trần hay trước vậy. Cho nên qua năm Kiến-Trung thứ 7 (Tân-mẹo 1231), vua xuống chiếu truyền cho các chủ dịch-dình đều phải tô tượng Phật mà thờ.

Nhà Trần rất sùng đạo Phật, phàm các vương, hầu thọ chức quan tăng đạo kêu là Tả-Nhai, tuy chẳng bầy vào triều ban nhưng đối với tăng đạo thì là cực phẩm, phi người thông luyện phật-giáo chẳng được dự. Theo lệ ấy, mùa xuân tháng ba năm Thiên-Ứng Chánh-Bình (cải nguyên lần thứ nhì) thứ 3 (Giáp-thìn 1248) trao cho Phùng-tá-Thang chức Tả-Nhai Đạo-Lục-Tước Tán-Lang, là đặc biệt ưu lễ một vị vương-phụ (1) thông luyện Phật-giáo vậy.

Từ đời nhà Lý, vua Cao-Tông đặt ra khoa thi Tam-giáo, phàm các nhà NHO, LÃO, THÍCH hề con nối được nghiệp cha đều cho dự thi, nghĩa là thông giáo-diễn nào thì ứng thi khoa ấy. Qua đời nhà Trần năm Thiên-Ứng Chánh-Bình thứ 16 (Đinh-mùi 1253) thi khoa thông tam-giáo thì là mỗi người đều phải kiêm thông cả ba giáo diễn Nho, Lão, Thích, cũng lấy giáp, ắt phân đẳng cấp. Khoa thi này Ngô-Tần đậu khoa giáp, bọn Đào-Diên, Hoàng-Hoan, Võ-vị-Phủ đậu khoa ất.

Mùa xuân tháng giêng năm Thiên-Ứng Chánh-Bình thứ 18 (Kỷ-dậu 1258), sửa lại chùa Diên-Hựu của vua Thái-Tông nhà Lý.

---

(1) Phùng-Tá-Thang là cha của Phùng-Tá-Châu, Tá-Châu đối với nhà Trần có công dựng đất, phong tước Hưng-Nhon Đại-vương.

Tháng ba nhuận năm Nguyên-Phong. (cải nguyên lần thứ ba) thứ 6 (Bính-thìn 1256) đúc 330 trái chuông một lượt, chia treo tại các chùa.

Vua Thái-Tông ở ngôi 33 năm, tới năm Nguyên-Phong thứ 8 (Mậu-ngũ 1258) thì truyền ngôi cho Hoàng-Thái-Tử Hoảng, ấy là vua Thánh-Tông (1258-1278).

Vua Thánh-Tông lên ngôi tới năm Thiệu long thứ 5 (Nhâm-tất 1262), thăng làng Tức-Mặc làm phủ Thiên-Trường (1) cất cung Trưng-Hoa dựng phòng khi vua tới châu Thượng Hoàng tại cung Trùng-Quang thì ngự ở đó. Nhen cất chùa Phổ-Minh tại phía tây phủ, dựng cung cho Thượng-Hoàng dung nhang cúng Phật khi sớm hôm.

Vua Thánh-Tông ở ngôi 20 năm, sau khi Thượng-Hoàng Thái-Tông đã băng, qua năm Bửu-phủ (cải nguyên lần thứ nhì) thứ 6 (Mậu-dần 1278) truyền ngôi cho Thái-Tử-Khâm, ấy là vua Nhơn-Tông (1279-1293).

Các đời vua triều nhà Trần cũng sùng Phật như triều nhà Lý, sớm hôm dung nhang lễ bái vẫn là lệ thường. Về tự-quán thì do các đời nhà Lý kiến-trúc đã nhiều, và lại giáp hai đời Thánh-Tông, Nhơn-Tông bị quân Nguyên lại xâm, việc quân bộn bề, nên không rảnh kiến-trúc.

Vua Nhơn-Tông ở ngôi 14 năm, tới năm Trùng-Hưng (cải nguyên lần thứ nhì) thứ 8 (Nhâm-Thìn 1293, truyền ngôi cho Thái-Tử Thuần, ấy là vua Anh-Tông (1293-1314).

Năm Hưng-Long thứ 2 (Giáp-ngũ 1294) Thượng-Hoàng Nhơn-Tông tự làm tướng đi đánh nước Ai-Lao, qua mùa hạ tháng sáu năm sau tẩu tiếp về triều, ngài xuất gia ở bành cung Võ-Lâm, nhen lập làm chùa. Chùa này hiện ở hòn núi nơi địa phận xã Võ-Lâm thuộc phủ An-Khánh tỉnh Ninh-Bình trong Bắc-Bộ ngày nay, địa thế đèo lặn khe lớt, trong có động hẻm, rộng lối vài chục mẫu, ngoài thì có dòng suối nhỏ quanh co, xuyên vỏ trong động, có thể dong đợc chiếc thuyền con, tức tên tục kêu là chùa Non-Nước vậy.

Khi Thượng-hoàng ở chùa Võ-Lâm, thường qua lại kinh thành Thăng-Long và phủ Thiên-Trường, tới mùa thu tháng 7 năm Hưng-Long thứ 7 (Kỷ-hợi 1299) ngài lại xuất gia, ở am Ngọa-Vân trên núi Yên-tử. Núi này tại huyện Đông-Triều (ngày

---

(1) Tức-Mặc là làng gốc gác nhà Trần, cho nên thăng làm phủ, nay ở huyện Mỹ-Lộc thuộc tỉnh Nam-Định Bắc Bộ.

nay sáp về đất huyện Chí-Linh tỉnh Hải-Dương trong Bắc-bộ), trên có đèo tên Tử-Tiên, am tại trên đèo, đồn rằng Thiền-sư An-Kỳ thuở xưa nằm tu luyện ở đó nên đặt tên là Ngọa-Vân, tới đời nhà Trần nhằm triều vua Thái-Tông thì Phù-Vân quốc-sư lập làm tỉnh-xá, nay Thượng-hoàng Nhơn-Tông xuất gia ở đây thì khởi lên làm chùa. Khi ấy ngày đã tu hành, thì thả hết cung tần thị-nữ cho về ; kẻ nào không muốn về thì cấp ruộng và cất nhà tại dưới núi cho ở.

Trong khi ngài tu hành tại trên núi, thường đi lịch lãm non sông trong thiên hạ, qua mùa xuân tháng ba năm Hưng-Long thứ 9 (Tân-sử 1301) ; ngài như đi du phương, bèn qua nước Chiêm-Thành.

Mùa xuân tháng giêng năm thứ 10, có đạo-sĩ Trung-Hoa là Hứa-Tông-Đạo theo thuyền buôn lại, triều đình cho ở phường An-hoa (tức là phường An-Đình, tại trong thành phố Hà-nội ngày nay). Ấy nước Nam ta mà có trai tiến khoa nghi do các nhà phù-thủy là khởi từ đó.

Qua mùa xuân tháng giêng năm thứ 11 (Quý-mẹo 1303), Thượng hoàng tự Chiêm-thành hồi loan, về tới phủ Thiên-Trường, đi hành cung Trùng-Quang, như mở hội Vô-lượng Phật-pháp, lập đàn chay tại chùa Phồ-Minh, phát vàng bạc, tiền lụa trong nội phủ ra chẩn cấp cho dân nghèo, lại trao kinh Giải-Thi cho thiếp hạ.

Từ đó ngài trụ-trì luôn tại núi Yên-Tử, tự hiệu Trước Lân Đạo-Sĩ, cho tới mùa đông tháng 11 năm Hưng-Long thứ 16 (Mậu-thân 1313), Ngài triệu thị-giả là thầy sãi Pháp-Loa, trở lại việc sau rồi băng tại chùa Ngọa-Vân. Pháp-Loa phụng di-chiếu theo phép nhà Phật làm lễ « Hỏa-Hóa ».

Vua Anh-Tông ở ngôi tới năm Hưng-Long thứ 22 (Giáp-dần 1319) mùa xuân tháng ba truyền ngôi cho Thái-tử Ảnh, lui ở cung Trùng-Quang. Thái-tử lên ngôi, ấy là vua Minh-Đông (1314 - 1329). Tới năm Đại-Khánh thứ 7 (Canh-thân 1320), Thượng-hoàng Anh-Tông bị đau nặng, bảo Từ-hoàng Thái-hậu triệu thầy sãi Phồ-Tuyệt lập đàn chay kỳ đảo. Thầy sãi xin bệ yết dâng tâu bày sự sống thực, ngài khước đi mà phán rằng : Chà ! thầy sãi chưa chết, biết đâu sự chết mà bảo người ta ? Rồi Ngài băng tại cung Trùng-Quang.

Từ khi Thượng-Hoàng Anh-Tông xuất-gia, thì Bảo-Từ-Thái-Hậu cũng xuất-gia ; tới chừng Thượng-Hoàng băng hà, thì Thái-Hậu vẫn trai tở, tu trì, tụng kinh niệm Phật như

xưa, nhưng không thọ phật-giới mà nói rằng : « Gái góa này chẳng nên thấy mặt thầy sãi và nói chuyện với thầy sãi, chỉ trai-khiếc đợi chết mà thôi ». Ở chùa mười năm, tới năm Khải-Hưng (niên hiệu vua Hiến-Tông) thứ 2 (Canh-Ngũ 1330) thì băng.

Vua Minh-Tông đối với Phật-giáo thì mùa đông tháng mười năm Đại-Khánh thứ 8 (Nhâm-tuất 1321), mở khoa thi các tăng như bằng kinh Kim-Cang, là một bộ thuyết-pháp của đức Thích-Ca Mâu-Ni do đệ-tử của ngài là đức Đại-Ca-Diếp soạn thuật.

Ngài ở ngôi 15 năm, tới năm Khai-Thái (cải nguyên lần thứ 2) thứ sáu (Kỷ-tị 1329) thì truyền ngôi cho Thái-tử Vương, theo lệ các vị tiên-hoàng : lui ở cung Trùng-Quang, tu trai tại chùa Phê-Minh. Một ngày kia ngài dùng cơm chay tại tâm điện, Huệ-Túc-Vương Đại-Niên vô triền yết, Đại-Niên vẫn không mộ đạo Phật, như tâu rằng : « Kẻ hạ thần không biết ăn chay, chẳng hay ăn chay có lợi ích gì chẳng ? » Ngài liền dụ rằng : « Trẫm thấy tổ tông ăn chay thì cũng bắt chước đó mà thôi, còn lợi ích gì trẫm không biết. » Coi vậy thì thấy người theo đạo Phật bao giờ cũng có đức từ-bi, có lượng quảng-đại, phải chi ông vua khác mà kẻ thần-lữ dám nói câu ngạo mạn báng bô nghịch ý như vậy, thì chắc bị khiển trách tội nặng chớ chẳng không.

Nhà Trần đến cuối đời vua Hiến-Tông sắp sau (1341-1400) là thờ Phật lần trẻ tráng, mà ngôi vua cũng lần suy sụp, trong nước bội hạn, nước ngoài xâm lăng, qua đời vua Đế-Nghiên (1377-1388) nhằm năm Xương-Phù thứ 5 (Tân-Dậu 1381) nước Chiêm-thành hằng đem quân khuấy nhiễu, binh lực nước Nam ta mỗi nát, đến đời nhà vua phải sai Thiễn-sư chùa làng Đại-Thân (thuộc huyện Gia-Bình tỉnh Bắc-Ninh) xướng xuất tăng như trong thiên hạ và bọn vô độ tăng tráng tại các nơi núi rừng quỳn thể làm binh dặng mà chống cự.

Rồi sau đó Hồ-Quý-Ly (1400-1407) cướp róc, quân nhà Minh qua xâm, giết lấy nước Việt-Nam, mà đồng bào chúng sanh ta bị một hồi trăm luân vào nơi biên khờ.

Trong thời kỳ thuộc Minh (1414-1427), thì nhà Minh đặt ra các ty Tăng-Cang, Đạo-Kỷ tại nước Việt-Nam ta, tới năm Kỷ-hợi (Minh-Vĩnh-Lạc thứ 5-1419), sai các tăng-nhơn truyền-giảng kinh Phật tại ty Tăng đạo.

Tuy vậy mà người Minh thi hành chánh sách « Ma-Vương-Quý Sứ » xô đẩy dân Việt-Nam vào cảnh giới tam-Đồ, trong 14 năm trường, chịu biết bao nhiêu sự khổ-não ! Trời Phật thương chúng sanh Việt-Nam vẫn là tín đồ của Phật, nên giảng dân một vị Bồ-tát tại núi Lam-son, hơi chiếc thuyền từ lễ-độ chúng sanh qua khỏi bến mê, bước lên bờ-giác, mà tô điểm cõi non-xanh nước biếc, trở nên thế-giới cực lạc, ấy là thiên hạ nhà Lê.

**NHÀ LÊ (1428-1788).** — Vua Thái-tổ khởi nghĩa Lam-son, mười năm bình-định thiên-hạ, lên ngôi Hoàng-đế, kỹ nguyên Thuận-Thiên (1428-1433) qua năm thứ 2 (Kỷ-dậu 1429) liền lưu ý chấn hưng Phật học : mùa hạ tháng sáu, sắc cho các tăng-đạo hễ là người thông kinh điển, cần giới-hạch, phải tới sân đường khảo-thí, kẻ trúng cách thì cấp bằng cho làm tăng, còn thi phải hoàn tục.

Ngài ở ngôi 6 năm thì băng-hà, Thái-Tử Nguyên-Long nối ngôi, ấy là vua Thái-Tông (1434-1442). Vua Thái-Tông đối với Phật-giáo cũng đề ý tôn sùng, năm đầu Thiệu-Bình (Giáp-dần 1434), mùa hạ tháng tư hạn-hán, rước cốt tượng Phật chùa Pháp-vân lên kinh-đô Thăng-Long kỳ-đảo. Đêm hôm ấy tại Đông-kinh liền mưa, lại ở các lộ Thanh-Hóa. Tuyên-Quang cũng đều có sớ tâu báo tin mưa, sắc cho bá-quan bài tạ.

Tháng năm sửa lại chùa Báo-Thiên, tên thợ mộc là Cao-Su-Đãng bị cung địch phiến-lao, nói ra lời gièm pha, quan phụ-chánh là Đại-tư-dồ Lê-Sát bắt hạ ngục Thần-Hình ng bị án trăm-quyết.

Qua mùa thu, nhằm tuần rằm tháng bảy, mở hội Vu-Lan giải cứu tội-nghiệp cho chúng sanh, xá tù-tội nhẹ 50 người phát tiền nội phủ 220 quan ban cho các tăng đạo.

Mùa hạ tháng tư năm thứ 2 (Ất-mẹo 1435), hạn đồ y-phục màu tía (đồ sắc phục các quan văn-võ ngũ phẩm trở lên), cho thầy sãi chùa Báo-Thiên là Huê-Hồng.

Mùa thu tháng tám, đúc tượng Thái-Tổ-Quốc-Thái-Mẫu (mẹ vua Thái-Tổ) bằng vàng, sai thầy tăng làm phép « diêm-nhơn », rồi mới rước lên Thái-Miếu phụng tự.

Trọn đời nhà Lê từ sau triều vua Thái-Tông sắp di, các triều đối với lễ nghi thờ Phật đều chiếu theo điển-lệ thường của các đời trước không có đổi chác chi mấy, xét trong sử ký chỉ thấy có ít việc lục ra sau đây:

Triều vua Nhơn-Tông (1443-1459), nhằm năm Thái-Hòa thứ 6 (Mậu-tân 1448), mùa hạ tháng tư, nhơn trời nắng lâu, vua suất bá quan ngự giá tới chùa Báo-Ân nơi cung Cảnh-Linh cầu mưa, rồi lại rước cốt tượng Phật chùa Pháp-vân về chùa Báo-Thiên, sai tăng-nhơn tụng kinh kỳ đảo. Vua cùng Thái-Hậu thân ngự giám lễ. Bữa ấy thả những tên tù án ngờ 24 người.

Triều vua Thánh-Tông (1460-1497), năm đầu Quang-Thuận (1460) hoàng-phi Nguyễn-thị được tuyền vô châu, ở cung Vĩnh-Ninh. Khi ấy vua chưa có con trai, Quang-Thục hoàng hậu thường vì phi kỳ-đảo, lại sai cha của phi là Nguyễn-Đức-Trung đi làm lễ cầu tự tại am Từ-Công (Từ-Đạo-Hạnh) nơi núi Phật-tích (tục gọi là Sài-Sơn) bên sanh ra hoàng-tử Tăng, lập làm thái-tử, sau nối ngôi bửu-cực, tức là vua Hiến-lông.

Triều vua Hiến-Tông (1497-1504), ngài nghỉ vì Thái-Hậu thuở xưa cầu tự tại am Từ-Công nơi núi Phật-tích mà sanh ra ngài, cho nên sau khi lên ngôi tới năm thứ 2 (Kỷ-mùi-1498) nhằm mùa thu tháng 8 xuống chỉ sửa lại chùa Thiên-Phước là cảnh giả lam của Từ-Công cất thuở xưa, truy hiệu Từ-công là Hiến-Thụy, dựng bia ghi chép dấu thiêng.

Từ sau khi trung-hung (1533 1788), quốc quyền nhà Lê thuộc về nhà họ Trịnh, thì chánh sự trong nước cái gì cũng do tay chúa Trịnh chuyên chế hết thảy. Về triều vua Dụ-Tông (1706-1729), nhằm năm Vĩnh-Trị thứ 10 (Giáp-ngũ 1715), chúa Hi-Tồ-Nhơn-Vương Trịnh-Cường khởi công sửa lại chùa Phước-Long là cảnh chùa do chúa Văn-lồ-Nghi-Vương Trịnh-Tràng cất lên từ năm Phước-thái (niên hiệu vua Chơn-Tông thứ 6 (Mậu-tí 1648), bắt dân xâu ha huyện: Gia Định (nay là Gia-Bình), Lương-Tài, Quế-Dương sung dịch. Nhưng tới năm thứ 15 (Ất-hợi 1720) có kẻ nói là nhọc dân, lên bãi công việc công tác.

Triều vua Đễ-dụ-Bành (1729-1732), mùa đông tháng mười năm Vĩnh-Khánh thứ 2 (Canh-Tuất 1730), chúa Dụ-Tồ Thuận-Vương-Trinh-Giang sửa lại hai toà chùa: Quỳnh-Lâm về địa phận xã Hạ-Lôi, tại dưới núi Quỳnh-Lâm thuộc huyện Đông-Triều, đạo Hải-dương, do Thiền-su đời nhà Lý là Nguyễn-minh-Không kiến-trúc; 2<sup>o</sup> Chùa Sùng-Nghiêm tại xã Nam-Giản thuộc huyện Chí-Linh trong đạo Hải-dương (không tường kiến-trúc từ đời nào), triết phủ Cồ-Bi lấy cây gỗ chở sông đem xuống làm tài liệu công-

tác, bắt dân xây ba huyện : Đông-Triều, Thủy-Đường ( nay là Thủy-Nguyên), Chí-Linh sung dịch, tha cho tiền sưu-dịch về đắp đê, phu trạm mộ năm. Sau lại khai đường sông đặng thông lối chở cây, đá, công-dịch thường tới muôn người.

Qua triều vua Ý-Tông (1735-1740), năm Vĩnh-hựu thứ 2 ( Bình-Thìn 1736), chúa Trịnh-Giang lại kiến-trúc hai toà chùa : 1° Hồ-Thiên tại núi huyện Bảo-Lộc thuộc trấn Kinh-Bắc ; 2° Chùa Hương-Hải tại xã Phú-vệ Thuộc huyện Chí-Linh đạo Hải-dương. Bắt dân xây các huyện : Giáp-sơn, Thủy-đường, Đông-triều, Kim-Thành và Thanh-Hóa cung dịch ; các quan trong thì đạo đi lữn phía, thâu kiếm tài liệu, sửa sang đều rất tráng-lệ huy-hoàng.

Trong năm ấy, chúa Trịnh-Giang lại đúc cốt tượng Phật lớn tại chùa Quỳnh-Lâm, truyền lệnh cho bá quan trong triều, cứ tùy theo phẩm cấp cao, thấp mà nạp đồng nhiều ít.

Coi vậy thì chúa Trịnh đối với việc thờ Phật, như thế là rất cần. Song, lấy lẽ quã đáng bàn ra, mà tìm tới chân lý của đạo Phật, thì ở kiệm ước, ở chất-phác, ở nhơn-tử. Thế mà chúa Trịnh lại đi dùng hết của nước, nhọc mỗi sức dân kiến trúc nền tự-quán tráng lệ nguy nga, đề cung sự du-quan sa sỉ, thì chỉ là kiệm ước, chỉ là chất-phác, mà chỉ là nhơn tử ??? trong một sự tôn-sùng mà trái hẳn với tôn-chỉ đức Phật. Tưởng vậy là nịnh Phật dựng cầu phước, nhưng Phật nào ưa nịnh, đã trái với đạo Phật, thì Phật có chứng quã bao giờ ? Cho nên phước chẳng thấy đâu, mà họa đã đem đến, chẳng bao lâu nghiệp chúa lần lần suy-sút, mà theo nhà Lê bị tiêu diệt về Tây-Sơn (1788-1802).

Đến như nhà Tây-Sơn thì lại là chánh-sách cường quyền, dùng võ lực mà lấy thiên-hạ. Đối với đạo Phật, thì ra mặt bạo-mạn : đi tới đâu thì phá hoại tự-quán, tiêu-hủy chuông, chùa, tượng Phật, lấy tài liệu đem chế làm đồ binh. Cho nên quã báo luân hồi được bốn năm thì nghiệp nước đã tiêu diệt với nhà Hoàng-Nguyễn.

**NHÀ NGUYỄN (1802...).**—Nhà Nguyễn gia phong nhơn-hậu, từ các vị tiên-vương phát tích ở cõi Nam trải 10 đời, hầu hai trăm năm, đều lấy nhơn-nghĩa làm gốc khai-cơ, rất hợp với tôn-chỉ « quang-dại-từ-bi » của Phật giáo. Ngày nay ta chẳng rành nhắc ra từng điều kiện chánh sách, nhưng coi trong cuốn sách « Liệt-Thánh-Bổn-Kỹ » thấy đời đời lòng người cảm-độ, mà tôn

xung bằng huy-biêu từ-thiện, thì đủ thấy cái phước-quã của các vị « Phật-Vương » là từ-bi quang-đại. Xin lược kể ra sau đây :

Đức Thái-Tổ an phủ quân-dân, thâu dụng hào kiệt, nhẹ dao-dịch giảm thuế má, lòng người duyệt phục, mà xưng là chúa Tiên.

Đức Hy-Tông thì phát chánh thi nhơn, đều đủ thiếp-phục lòng người, nên dân xưng là chúa Phật.

Dân xưng đức Thần-Tông là chúa Thượng, xưng đức Thái-Tông là chúa Hiền, cũng là vị các ngài theo một mạch nhơn-hậu truyền gia, mà ơn trạch kịp tới quốc-dân vậy.

Đức Anh-Tông khoan-bình, nhẹ thuế, bá tánh hoan hân mà xưng là chúa Nghĩa.

Đến như đức Anh-Tông tự hiệu Thiên-Túng-Đạo-nhơn, đức Túc-Tông tự hiệu Văn-Tuyên-Đạo-Nhơn, đức Duệ-tông tự hiệu Khánh-Kỳ-Đạo-nhơn, đủ thấy các ngài đều lấy đạo sửa mình, trị người vậy.

Đức Thế-Tông xuất thế, ứng điềm « Ưu-Đàm-Khai-Hoa » tới chùng lên ngôi, chế độ hết thấy canh-tân, lại là một vị « vạn-gia-sanh-phật ».

Theo thuyết « tạo nhơn kết quả » của nhà Phật, thì trồng cây ắt có ngày ăn trái, cho nên tới đời đức Thế-Tổ (Gia-Long) bình Tây-Sơn thống nhất thổ võ, năm Nhâm-Tuất (1802) lên ngôi Hoàng-Đế, đoàn viên phước-quã, truyền bửu-tọa cho tới ngày nay.

Về việc kiến-trúc tự-quán của nhà Nguyễn, thì trong đời vua Thế-Tổ nhằm năm Gia-Long thứ 14 (Ất-hợi 1815), triều-đình sắc sửa lại chùa Thiên-Mụ tại kinh thành Thừa-Thiên. Lại triệu vị Thiên-sur người tỉnh Quảng-Nam pháp-biêu là Mật-Hoàng về kinh cấp bằng tăng-cang, cho trụ-tri chùa Quốc-Ấn.

Qua triều đức Thánh-Tổ, nhằm năm Minh-Mạng thứ 7 (1826), triều mang sửa lại chùa Thánh Duyên ở gần cửa biển Tư-Hiền thuộc phủ Thừa-thiên. Chùa này do quốc triều kiến-trúc từ đời đức tiên-vương Hiền-Tôn (1691-1725), sau bị Tây-sơn phá hủy.

Đời vua Hiến-Tổ, nhằm năm Thiệu-Trị thứ 4 (Giáp-Thìn 1811) Hoàng-Thượng vân di chiếu đức Tiên-Đế Thánh-Tổ : sắc cho bộ công xây một cây tháp lớn tại chùa Thiên-mụ, đặt hiệu là



Từ-nhơn-Tháp, năm sau đổi hiệu là Phước-duyên-bửu-tháp : Qua năm thứ 6 (1846), sắc cất chùa Diệu-Đế tại sau phủ củ của ngài khi ngài còn ở ngôi Đông-Cung.

Đời vua Dục-Tôn, nhằm năm Tự-Đức thứ 3 (1850), triều nghị chuẩn các chùa công nhà nước như : Thiên-Mụ, Giác-Hoàng... đều có một vị tăng-cang trụ-trì, đặng làm nghi-thức cho tăng chúng, lương bổng do Triều-dình trích công nhẹ-chi cấp; tháng chạp năm thứ 7 (1853), triều sắc cấp công điền cho các chùa nội địa kinh thành như : Thiêm-Mụ, Diệu-Đế, Thành-Duyên, Linh-Hựu, Long-Quang và các chùa lớn ở các tỉnh ngoài như Tam-Thai, Ứng-chơn ở Quảng-Nam, Khai-Tường ở Gia-Định.

x  
x      x

Bao nhiêu lịch-sử sùng Phật trên đây đều là chuyện quốc-gia Việt-Nam đối với Phật-giáo ; còn ở nơi dân-giã ta thường thấy mỗi làng ít nhứt cũng có một tôn chùa Phật thì sẽ hay chúng sanh Việt-Nam ta vẫn là đệ-tử nhà Phật mà xã-hội Việt-Nam ta vẫn là nước phụng Thích-Giáo thuở nay.

Bởi vậy cho nên chư Phật chứng minh, mà từ xưa tới nay đã có bao nhiêu Phật-tích xuất hiện tại trong cõi nước biển non xanh, để cho nhà mộ Phật được có chỗ khảo cứu.



# CHƯƠNG II

---

## HƯƠNG-SƠN ĐẶC-ĐẠO

(Thuật theo sách HƯƠNG-SƠN-KÝ hay là QUAN-ÂM XUẤT THẾ)

---

Chùa Hương-tích, Phạm-Võ ở trong động núi Hương-tích. Núi ấy ở địa phận làng Yên-Vĩ, thuộc hạt phủ Mỹ-đức, tỉnh Hà-dông trong Bắc-bộ nước Việt-Nam ngày nay. Cảnh già-lam do thiên tạo địa thiết tại giữa bầu non nước hữu tình, hề nhắc đến bửu-hiệu chùa Hương, thì chẳng những Thích-tử Việt-Nam ta, dầu là du-khách thập phương, ai nấy đều mơ màng trong trí óc là một cảnh danh-thắng thứ nhất của cõi trời Nam. Vua Thánh-Tổ nhà Nguyễn đã ngự bút tiêu đề năm chữ « Nam-thiên đệ nhất động » khắc vào vách đá cửa động là đó.

Đối với Nam-phương Phật-tích, bản đạo vẫn có lý-tâm muốn khảo cứu và ký-tái từ lâu, vậy lưu ý trước hết ở nơi danh lam thứ nhất là Phật-tích chùa Hương, mà khảo cứu không ra. Coi quyển sách *Chùa Hương-tích* của ông Dương-tự-Giáp là người làng Văn-Jinh, phủ Ứng-hòa cũng chỉ thấy chép những phong cảnh kỳ-quan, và dẫn đường chỉ lối cho khách thập phương biết nẻo tới chùa lễ Phật văn cảnh mà thôi, chớ không có chỗ nào nói chùa này là linh-tích của chư Phật Bồ-tát nào hết. Vậy té ra bản đạo từ thuở nay đối với Phật-tích của chùa Hương-tích, vẫn đề huyền khuyết trong giấc mộng mơ màng!

May có thiện-duyên : Bữa kia bản đạo thỉnh linh dem câu chuyện ấy than thở cùng một đạo hữu là Chân-An Đạo-nhan,

Đạo-nhân liền biểu đồng tình, lấy đạo tâm hết sức điều-tra, kiểm được cho bản đạo một quyển *Hương-son-Ký* do người Trung hoa trước tác và xuất bản, ấy là một tập thi-sử truyền chép bằng thơ, chép sự tích Quan-Âm xuất thế. Bản đạo duyệt suốt một lược, mới thấy Hương-son tức là núi Hương-tích tại đất Việt Nam ta, mà là nơi đặc đạo của đức Phật bà Quan-Âm. Vậy nay bản đạo xin noi theo lịch-sử Phật-tích ở quyển sách này mà cung lục ra san đây, hầu thế làm chén trà « lão-ma » là thổ-sản chùa Hương, dâng hiến cho các bạn thiện nam-tử thiện nữ-nhơn thuở nay khát vọng.

000

### 1.— TRANG-VƯƠNG DÂNG NHANG CẦU TỰ

Nhằm lối giữa thế-kỷ thứ 7, tại nước Tây-Vực (Tây-thiên-trúc) một nhà quý-phái, vốn dòng Thái-Hiệu-Kim-Thiên, họ Bà tên Già, có tài văn-võ kiêm toàn, văn tự xưng biểu hiệu là *La-Ngọc anh-hùng hán*, Năm mươi sáu tuổi, hưng binh chinh phục nước Tây-vực, thống nhất non sông, tự lập làm vua, xưng hiệu Diệu-Trang-Vương, đặt tên nước là Hưng-Lâm Quố, lập nàng Bà-Nha làm Chánh-cung vương hậu.

Thuở ấy trong triều-đình bá quan túc mục, dầu ban văn thì có Triệu-Chấn làm Tề-Tướng, dầu ban võ thì có Chử-Kiệt làm Tuớng-quân, đều là trang anh-tài, giúp giúp nhà vua, trị an trong nước. Vua sáng tối hiền, khá kêu là nước thái-bình vậy, chỉ phiền một nỗi là Vương và Hậu khi ấy đã ngoài bốn chục tuổi, vẫn còn hiếm hoi, chưa sanh dặng chút Vương-tử Vương-nữ nào.

Ngày kia Trang-Vương ngự trên đèn vàng, triệu hội bá quan văn võ, xuống chỉ nơi quan hộ giá, định ngày làm hạnh núi Tây-hoa, bái yết nhạc-thần, dặng mà cầu tự.

Bá quan phụng chỉ, lựa lấy ngày lành tháng tốt, được ngày mười chín tháng hai, lập đàn chay tại trên núi Tây-hoa, triệu lập tăng đạo trăm viên, cúng Phật cầu Thần, tụng kinh tuyên kệ. Vương cung hậu giá làm lễ bái, đem dạ kiền thành, ròng-rã bảy ngày, khói nhang đã thấu tới chín lần Thiên-khuyết. Vị Nhạc-thần núi Tây-hoa cảm động, tức thời biểu tấu Thiên-đình, xin cho giáng dân thiện-nhơn, khiến nước Hưng-lâm khỏi bề tuyệt hậu.

Ngọc-hoàng chuần tấu, giáng sắc cho Toà Nam-tào hội nghị, xét ra được nhà họ Thi vốn là dòng giống tu hành, tích thiện đời đời, sanh đặng ba con trai là Thi-Văn, Thi-Tuấn và Thi-Thiện, đều giốc chí tu thân luyện tánh, chỉ nhưn chẳng cứu cuộc loạn Vương-Triết (?), nên bị tội giam cầm, tại trong động Thân-tiên. Nay đình nghị tiêu án cho nhà họ Thi, khiến đặng miễn tội, ba anh em biến thân trai làm thân gái, đầu thay giáng sanh làm Công-chúa nước Hưng-lâm. Nhứt là chú ý ở Thi-Thiện cho hoàn nguyện tu-hành, kiếp này đặng chứng làm thân bồ-đề đại-pháp.

## 2. — THI-THIỆN ĐẦU THAI GIÁNG TRẦN

Sau khi tán đàn trai-tiến, Vương cùng Hậu ngự giá hoàn cung, thắm thoát đã trải mấy xuân, luôn hai kỳ báo diễm và hỷ (diễm sanh con gái), no ngày mãn tháng, cung quế lần sanh hai ả Tố-Nga, mạng danh *Diệu-Thanh*, *Diệu-Âm*, ấy là hai nhánh đào yếu trưởng và thứ; kỳ thứ ba lại nảy thêm một nhánh liễu Chương-dài nữa, giáng trần nhằm giờ tý đêm mười chín tháng hai, hương lạ đầy nhà, mây màu vãn cửa, hiện diễm Quang-Âm xuất thế, *Diệu-Thiện* mạng đặt làm tên.

Cả ba vị nữ vương-tử đều dung sắc nỹ-miêu: mắt phụng mày ngài, vóc oanh minh én, mười phần diễm lệ, tổ màu lá ngọc cành vàng. Nhứt là *Diệu-Thiện* Công chúa lại càng rạng vẻ cung trang, và lại tánh tình khác dứt với người phàm: cách khởi cư thanh-tịch lạ thường, ăn uống thì nhứt thiết không dùng đến những mùi ngũ tân ngũ uế, kim thân đặc biệt, rõ ràng Phật sống phương Tây.

« *Gái hiền hơn trai* » ấy là hạnh phúc của nước Hưng-lâm vậy. « *Chẳng trọng sanh trai trọng sanh gái* », vẫn là lòng cha mẹ người ta. Thế mà đức Vua *Diệu-Trang* lại đi khác với thường tình, lộ ra ý ưu sầu phiền não. Vì ngài những ước sanh lấy vị đông-cung thái-tử, đặng mà nối nghiệp đế-vương. Cái này lại đi sanh toàn loài liễu yếu đào thơ, rồi đây nghiệp cả non sông, sẽ phú thác cùng ai cho đặng?

Các quan văn võ thấy vậy thì đều dân số khuyên giải, đại ý thấy nói như vậy:

— Muốn tâu bệ-hạ, theo ý ngu của kẻ hạ-thần thì tợm tưởng: đầu trai đầu gái, Âu cũng mạng trời. Cúi xin bệ-hạ bảo trọng mình vàng, đừng nên vu-lự-làm chi nữa, để tổn hao thánh thể.

Dầu có sanh dựng đông-cung thái-tử đi nữa, cũng chẳng qua là chuyện nối trị ngôi trời mà thôi, thì rồi đây ba vị Công-chúa trưởng thành, sẽ lựa chọn rê hiền, một là cùng Công-chúa đẹp duyên, hai là nối nghiệp sau khi bệ-hạ vạn-tuế. Kia thuở trước vua Thần Nghiêu truyền ngôi cho rê là Ngu-Thuấn, tiếng thơm để lại muôn đời, hưởng chi đường-duơng đại-quốc Hung-Lam há chẳng nối được di-phong ấptổn ?

Diệu-Trang-Vương nghe lời bá quan khuyển giãi, thì mặt rờng hớn-hở tỏ ý vui mừng mà phán rằng :

— Trẫm nghe được chư khanh cao luận, như mở lối mề. Vậy từ đây cời hết mối sầu, không còn bận lòng chi nữa.

Rồi đó đức vua truyền chỉ cho tòa Quang-lộc, đại khai diên-yến, ban tiệc cho bá quan tại nơi Đông-các, tỏ ý quân thần tương đắc, triều-trữ thái hòa.

### 3. — CHỊ EM CHƠI VƯỜN TRÒ CHUYỆN

Từ thuở ba vị tiên-nữ giáng trần, tháng lụng ngày qua, quang-âm đã trải mười chín năm tròn. Bữa kia nhằm buổi ngày xuân hòa-ấm, ba vị Công-chúa cùng đời gót ngọc dạo chơi trong chốn ngự viên. Trước mắt bên tai, đầy những thái-trạng hoa cười oanh nói. Đem tình đối cảnh, Diệu-Thanh Công-chúa mới kiếm câu chuyện chí-linh hoan-lạc mà đàm-đạo cùng hai em rằng :

— Chị em ta nhờ phước vương-cung, đội ơn cha mẹ, một nhà đầm ấm, cùng hưởng vinh-hoa. Nguyên sao sum hiệp trọn đời, ngoài ba mình ra còn có thân ai hơn nữa ?

Diệu-Âm Công-chúa đáp lại : « Chị nói lắm quá : Thừa chị, ở đời chị em sum-hiệp, chẳng qua là một buổi tạm thời mà thôi, chớ sau khi trưởng-thành, khỏi lần nào xuất giá tòng phu, rồi đó đồng tây chia tay, ai riêng nhà nấy, chớ có lẽ nào chị em tự thủ, ôm nhau cho tới bạc đầu ?

Nghệ lời hai chị biện-luân cùng nhau, thì Diệu-Thiên Công-chúa chỉ chum-chim môi đào, mỉm cười mà không nói. Hai chị đều lấy làm lạ, mà hỏi gạn rằng :

— Em ta riêng có chủ ý gì, mà lại đi cười thăm hai chị như vậy ?

Bây giờ đây Diệu-Thiên Công-chúa mới ngỏ lời vàng sang-sảng đem thiên-lý mà diễn thuyết cùng hai chị rằng :

— Thừa hai chị, như lời chị Âm nói, thì tức là một lẽ « khồ-đế » trong giáo-lý nhà Phật rằng : " Ly-biệt cái người mình yêu,

mà sum hiệp với người mình không thích vậy. Còn sở nguyện của chị Thanh như vậy, thì có thể toại được sao? Cuộc sang giàu của đời người, chẳng khác gì giọt sương buổi sớm vậy: dầm-đìa trong một thời-khắc chẳng khỏi lặn gặp nắng liền khô. Ta thường ngó thấy nhơn tiên, bao nhiêu cuộc hưng suy thành bại. Nhất là từ tam vương sắp xuống, lấy thiên hạ làm của riêng một nhà, mà theo vận trời dầu biển dầu, có nhà nào giữ được non sông trọn kiếp. Lại mấy kẻ anh-hùng oanh-liệt, qua một đời còn có thấy ở đâu. Còn nói về đời riêng của từng cá-nhơn, thì thân chi cho bằng cha mẹ vợ con, cũng sao khỏi mạng vô thường đem tới; thương chi cho bằng chồng với vợ, cũng khôn giữ nhau cho tới trăm năm; lại báu chi cho bằng gia-tài, cũng khó bề đem theo được xuống cõi âm. Than ôi! bèo dậu bến mê, bọt trôi biển khổ, ích ra thấy đều là trò tục-lụy, mà người đời chẳng hiểu cái lẽ già hay chơn! Theo chí nguyện của em, thì chỉ muốn tìm nơi danh sơn tự-viện tu-hành, dựng cầu lấy trọn kiếp đời thanh tịnh. Nếu may được thanh công về chơn-quả, sẽ tiêu-diêu trong thế giới ba ngàn. Đích thân mình bước lên cõi trường sanh, độ hết thầy phạm trần khổ-não! Trước hết độ cho đấng chí thân cha mẹ, dựng nung chơn bằng cửu phẩm hương liên, sau nữa là độ cho hai chị siêu-thăng, đều tới cõi Liên-tri cực lạc. Chớ chẳng thêm hóa là hung-thần ác-sát, làm tai ương cho bọn chúng sanh.

Chị em trò truyện chưa rồi, thì xảy có tên thế nữ lật đật chạy đến, truyền lệnh phụ-vương và nãi-nậu, tuyên triệu ba vị Công chúa về cung.

Về tới diêu-cung, mới hay rằng phụ-vương đã lựa hai gả văn võ tân-khoa, thấy đều tướng mạo siêu quần, hơn tài xuất chúng, dựng hạ giá hai vị vương cô trưởng và thứ: Trang-nguyên khoa văn là Triệu-Khôi kết duyên cùng Diệu-Thanh Côn-chúa, trạng nguyên khoa võ là Hà-Táoh sánh đôi cùng Diệu-Âm công-chúa. Tức thời khai yến, tế cáo thiên địa, tham yết tông-miếu, là lễ hoàn hôn. Rồi đó phân cử hai phủ đông, tây dựng lư trú hai vị phò mã.

#### 4. — DIỆU-THIỆN TỪ HÔN BỊ CÀM

Bữa kia nhằm lễ sanh-nhật lục tuần của đức vua Diệu-Trang, bá quan văn võ và vương-cung phò-mã công-chúa dâng chén Nam-son, làm lễ vạ-thọ, áo xiêm râm-rấp, đờn sáo vang

đầy. Tiệc đã tàn rồi, ngự giá về điện Vinh-an yên nghĩ. Nhơn đó, đức vua ngài lại càng lộ ra vẻ phiền não, vì nỗi tuổi già tác yếu, mà non sông nghiệp cả, thiếu kẻ thừa đương, nghĩ ra bất hiểu có ba, lớn hơn hết là tội vô hậu! Chỉ nghĩ có một cách là còn chút tam cung Công chúa, thì lựa chọn lấy kẻ trong-trực hiền-lương làm rể, rồi sẽ lập làm Thái-tử mà truyền ngôi đại-bửu, ấy là nghĩa vô nam dụng nữ mà thôi.

Bởi nghĩ vậy nên ngài khâm sai viên Thái-giám điện Hoài-an qua Đông-cung thỉnh vương-hậu Bá-Nha, đặt bàn việc đó. Lại sai thế-nữ qua hiền Cảnh-mai tuyên triệu tam cung công-chúa Diệu-Thiện, đặt mà thương lượng cùng con. Công-chúa vàng chì vô chầu, thì đức vua ngài phán :

— Cha mẹ chỉ sanh dựng ba con là gái, non sông này biết nấy cho ai? Chỉ đành theo cổ-đạo Đường Ngu, học Nghiêu-đế truyền ngôi cho rể. Vậy vẫn về trượng-nguyên ở đó, mặc ý con lựa lấy lưá đôi, dựng sau này nối dẫu Nga, Anh (1), cho dành dạ cha già ý vọng.

Công-chúa nghe lời ngọc dụ, liền khẹp vạt áo cúi đầu năm lạy, quì gối tâu rằng :

— Muốn tâu phụ-vương bệ-hạ, phận con là gái, tông phụ vẫn là đạo tại gia. Song, chỉ con chỉ thích thanh nhàn, những ao ước tu hành lạc đạo. Vậy cúi xin phụ-vương cho phép con tìm nơi danh sơn thắng cảnh, dựng an tâm qui Phật thủ bản, ước mong sao tới cõi bờ-đề, nguyện siêu-độ song thân ra khỏi thế trần, ấy là đền đức cù-lao được một phần muốn vậy. Còn muốn năm nghiệp cả, xin phụ vương ủy thác cho hai chị con.

Đức vua nghe lời Công-chúa tâu bày, thì mặt rồng nổi giận lời đình, lớn tiếng quở mắng :

— Húy! Mỵ nói chi vậy? Há có lẽ một vị thiên-kim Công-chúa, mà lại theo kẻ tỷ-kheo-ny lời thôi bệ rạc bày sao? Từ đây phải chừa nốt ấy đi, không được nói bày ở trước mặt ta nữa.

Công-chúa bị quở, cúi lạy dập đầu mà tâu lại rằng :

— Trăm lạy phụ-vương xá tội cho con, dựng con thừa lại : Lòng con trộm tưởng : Vinh hoa phú-quí, chẳng khác gì đám

---

(1) Nga-Hoàng, Nữ-Anh là hai con gái của vua Đường-Nghiên giả cho ông Ngu-Thuần, rồi sau truyền ngôi vua cho.

mây nổi giữa trời, rày hiệp chốc tan, chẳng có chi là chắc chắn. Nếu phụ-vương quyết chí vì con kén rề, thì xin lựa lấy một chàng y-sĩ, chữa cho thiên hạ không nắng không lạnh, chữa cho người thế-gian không ai có lòng tham muốn, không ai mắc phải những khổ-đế : sanh, lão, bịnh, tử, không ai nhiễm ba tật độc : tham, sân, si, đồng một loạt không ai giàu, ai nghèo, ấy là màn nguyện bồ-đề của con, thì con xin kết lam vợ chồng đời bạn.

Đức vua nghe nói, lại càng thêm giận, mà thấy Công-chúa trơ-trơ một lòng sắt đá, không thể cấm ngăn. Ngài bèn thét sai viên quan cận-thị là Hà-Đạo lột trần áo gấm xiêm thêu, cho mặc quần áo vải, bỏ, giam cấm trong chốn ngục-viên, dặng cho đói rách khô thân, mà phải chữa di cái lậu ngang-ngạnh.

Công-chúa cúi đầu lạy tạ, vãn mạng ra tạm trú vườn sau. Nhưng nhờ đó mà lại càng hợp cảnh tu-hành : dưa muối chay lòng, nấu-sống thích thề, bạn cùng trăng thanh gió mát, tiều-diều tự tại, không câu không thúc, quên phứt đi cả mùi phú-quí vinh-hoa.

## 5.— BẢ-NHA VƯƠNG-HẬU NHỚ CON

Từ khi Diệu-Thiên Công-chúa bị phụ-vương giam cầm mẫu-hậu ở trong cung những đêm ngày thương nhớ, chẳng biết dung-nhan rày ra thế nào. Ngày kia sai hai tên thê-nữ tới thăm tại trong vườn, và dặn kiếm lời khéo khuyên-giải. Hai tên thê-nữ lãnh mạng, liền song-song dời gót vô vườn, lạy chào Công-chúa và bạch rằng :

Chúng tôi vâng cung-mạng tới rước xe lượn Công-chúa về cung, cái xin Công-chúa nghĩ lại. Công-chúa nên biết rằng ở đời lấy hiếu làm gốc, trong trời đất còn ai thân bằng mẹ cha. Kể làm con mang ơn non nặng biển sâu, phải lo báo-đáp ở lúc hiện tại; chớ để trăm năm biển khô non lở, chừng đó dầu oán-hận, còn có ích gì ? Huống chi gầy-dựng thất-gia, vẫn là ý tốt của cha mẹ, mà vợ chồng là đầu vương-hoá, người thế-gian ai lột khỏi vành di-luân ? Nay Công-chúa đôi tám xuân xanh, đừng lỡ độ hoa đào đương nở. Động-phòng là chuyện khoái-lạc đệ nhất, e chừng xuân trăm tuổi dề già. Vả cả đấng Công-chúa ôm cái giá quý lá ngọc cành vàng, há như kẻ tầm-thường hạ-dẳng ? Cần gì mển không-môn khổ-lạnh, ném những mùi trà lạt cơm chay ? Xin nghe lời can-gián của kẻ nô-tỳ, dặng hưởng trọn trăm bề hạnh-phước.



Công-chúa nghe lời khuyên giải của tụi ấy, thì mỉm miệng cười mà đáp rằng :

— Chà ! tụi my biết chi, mà mứa mỗ khua mồi làm vậy ? Những ý-kiến phạm-tặc ấy, có thể thấu hiểu dạng lòng ta sao ? Ta há chẳng hay cái lý thông thường, nhưng cách tu hành của ta tự có nơi chơn-diệu : ta lo báo đáp công ơn cha mẹ ta ở đó, ta tính bồi-đắp cái nền hạnh phúc của ta ở đó, chớ vinh-hoa phú-quí có dùng làm chi ? May mà phụ-vương đưa ta đến đây, dường như khiến cho thân ta ly thoát khỏi vòng đại nạn. Nhờ được tam quang thân lực ủng hộ, dạng tùy tâm mãn nguyện tu hành, chính là cảnh muôn dặm trường-không, muôn tượng đều xuân, chẳng có chút mây mù che ám. Ta phiền tụi my lại tâu phụ vương mẩu hậu, đừng bận lòng thương nhớ đến ta làm chi. Rồi đây ta tu cho chánh-quả đoàn-viên, sẽ độ cho cả tụi my là bọn chúng sanh dưới trướng của ta thuở trước nữa. Thôi tụi my về quách, đứng ở đây tán giốc, lời my không thể nào lọt vô lỗ tai ta dạng đâu.

Hai tên thê-nữ đã lục lổ! oanh, coi mồi không thể nào khuyên giải dạng công-chúa, đành chịu lay chào từ biệt, dắt nhau về điện Vĩnh-an, song-song lay trước điện cung, qui đem sự-nhơn hồi tấu :

— Cung chúc nương-nương vạn tuế ! Chúng con vâng cung-mạng tới ngự-viên tham yết tam cung Công-chúa, dâng lời khuyên-giải, đã hết mọi tình. Nhưng ngặt vì lòng công-chúa như sắt đá trơ trơ, dầu chúng con dốc cạn tắc thành cũng không thể nào lay chyuền dạng. Công-chúa chỉ căn-dẫn kẻ nô-ly này về phúc tấu vương-hậu bệ-tạ : đừng bận lòng lo ngại cứ chờ lúc mây hương vẫn quanh dưới gối, ấy là kỳ Công-chúa dền ơn cù-lao sanh dưỡng mà thôi,

### 6.— NGỰ GIÁ TỚI THĂM CÔNG-CHÚA

Vương-hậu nghe lời hai tên thê-nữ tâu bày, chưa kịp hỏi lại, thì xảy nghe cung-tý báo tin đại-vương ngự giá tới cung thăm viếng. Vương-hậu ân cần tiếp giá, thì thấy Trang-vương mặt ủ mày chau, ngồi trên long-sàng, chẳng dè lệ rơi thăm-áo. Vương-hậu đón hỏi duyên cớ, thì đức vua nghẹn lời đáp rằng :

— Con nhỏ tánh tình ngang nghạnh, làm cho trăm nỗi giận mà giam cầm trong vườn. Ngày nay tưởng nhớ đến con,

chẳng dè ruột đau như cắt !. Kia dừ như cọp, độc như rắn, cũng còn biết thương con thay ; huống chi người ta, há chẳng xót đến tình thân cốt nhục ? Trăm nay tuổi dư sáu chục, chỉ sanh dạng ba chút đảo thơ ; hai chị nó đã đành yên bề gia-thất rồi ; còn nó trái tánh lạ thường, biết làm sao cảm-hóa được nó ? Vậy trăm lời đây cùng ái-khanh thương lượng, liệu có kế nào làm cho nó hồi tâm dạng chẳng ?

Vương-hậu nghe lời đức vua phân-nân, thì cúi đầu tâu lại :

— Chẳng những bề-hạ vì con ái-nấy, lòng thiếp đây cũng đau đến trăm bề ! Thôi cúi xin rộng lượng xá tội trước cho con, đừng kiếm thế lẫn lần khuyên-giải.

Vương nghe lời hậu nói, tức thời tuyên triệu đội lính thị-vệ nơi điện Hoài-an, kíp truyền sứ-soạn xe loan, đặt cùng hậu ngự vườn ghé thăm Công-chúa.

Nhắc lại chuyện trong ngự-viên từ lúc hai tên thê-nữ từ biệt về cung phục chỉ, thì Diệu-Thiên Công-chúa-liền đốt nhang khẩn vái Phật trời, cầu xin ủng-hộ, tu hành cho trọn công-quả. Lúc này đương ngồi tụng đọc kinh sám, xảy được tin vương-hậu giá lâm. Công-chúa vội vàng đứng dậy tiếp nghinh, đức vua ngài cả lấy cườm tay, rơi lệ đầm-dề, mà ban lời ngọc-dụ :

— Bởi con trái lời cha dạy, làm cho cha giận mà trách phạt tại đây, ngày dè đã trải mấy tuần, vắng mặt con ở bên tả hữu. Lòng cha mẹ những là thương nhớ, hỏi lòng con có biết hay chẳng ? Rày cha mẹ lại đây đem con về chốn cung-vi, đặt cùng hưởng cao lương cầm-tú. Đạo làm con phải thề lòng cha mẹ, chừa đi lối trước, cho vui lòng dựa cửa hôm mai.

Công-chúa cúi đầu năm lạy mà tâu rằng : Cúi xin phụ-vương mẫu-hậu đừng quan-hoài đến con làm chi, thân con biết tội đã nhiên, vì làm con mà chẳng vâng lời, là điều bất hiếu thứ nhất ! Song tánh con không thể nào bề luyện trần duyên dặng, trăm lạy phụ-vương mẫu-hậu rộng dung cho con tu hành trọn quả, sẽ có ngày báo đáp ơn sâu.

Bá-Nha vương-hậu thấy Công-chúa một mực khăng khăng, cũng phải phát giận mà quở :

— Thần-tiên là chuyện hư huyền, mà con mê-tín làm chi ? Dạy con, con chẳng ăn lời, dè cho cha con quá giận mà

quả phạt thật thê, thì mẹ không thể nào mà bào chữa cho dặng nữa.

Công-chúa nghe vương-hậu nặng lời quả trách, thì khóc lã ra dất, hầu đến dứt hơi. Các cung-tỳ xúm lại khuyên lơn, giã lâu mới nín. Rồi đó chùi khô nước mắt, mà tâu lại rằng :

— Con trộm tướng : Vinh-hoa phú-quí, trăm năm nào có bao lâu, mà đem thân buộc lấy nợ trần, rồi chẳng khỏi muôn đời, truy-lạc. Còn tu là cội phước, một kiếp tu siêu-thoát ngàn đời. Cô-ngũ nói rằng : « Một con xuất gia, độ cho chịu họ », huống chi đối với công cha nghĩa mẹ, há lại chẳng có phương đền-dáp hay sao ? Thôi cúi xin cha mẹ coi con như giọt máu rơi, phần phụng dưỡng để nhờ hai chị con thay-thế. Nếu cha mẹ quyết chẳng rộng ơn tha-thứ, thì dầu búa rìu cũng xin cam chịu, chớ không thể nào bỏ đường thẳng mà bước vào lối mé được.

Đức vua nghe lời Công-chúa biện-bác trái tai, thì rán nén giận mà ban lời phán nhủ :

— Ta tưởng mấy kẻ xuất gia làm tăng làm đạo, đều là tướng gón-bạ cô-đơn, hay là quân biếng-nhác ngu-ngoan, không có kế sanh-nhai nuôi miệng, vậy mới làm nghề buôn bán Phật, kiếm miếng cơm manh áo, dặng mà độ thân. Chớ như con giá quí ngàn vàng, cơm vua áo chúa thiếu gì, mà lại đi học theo phường vô lại !

Công-chúa cúi lạy dập đầu chảy máu. rơi lệ tâu rằng :

— Trăm lạy cha để phước cho con, con thường nghe cô-ngũ rằng : Chư Phật là bậc Thánh-Thần, trừ bỏ ngũ dục mà dặng toàn thân chứng quả ; còn mấy nhà xả thân qui Phật, đều là trang trí-tuệ, thông-minh, chớ đâu có phải kẻ tầm thường, cúi xin cha đừng hủy-báng quá lời, dặng cho con thêm nặng tội !

Trang-Vương thấy Công-chúa một lòng sắt đá chẳng dời, thì nổi giận không thêm nói nữa. Liền dất Vương-hậu lên xe loan trở lại. Ngài lớn tiếng la mắng những là « đứa con bất hiếu, trái mạng cãi lời ! » Rồi đó ngài truyền chỉ cho viên quan quản-viên : phong khóa cửa vườn, cấm Công-chúa không dặng ra khỏi vườn nửa bước.

Công-chúa thấy phụ-vương và mẫu-hậu đã về khỏi, thì mặt mày trở lại tươi tỉnh, mĩa miệng cười lạt, mà tụng kinh niệm kệ như thường.

## 7. HAI CHỊ GHÉ VƯỜN KHUYÊN EM

Nói về hai vị Công-chúa Diệu-Thanh, Diệu-Âm nghe được tin chuyện nhà rắc rối, vì em mình trái lời cha mẹ, đến đời phải bị quả phạt mà giam cầm tại nơi hiu quạnh trong vườn. Tình chị em máu mủ ruột rà, chẳng khỏi động lòng đau xót. Ngày kia hai Công-chúa rủ nhau tới vườn thăm viếng, coi em mình chừng nào vui buồn mạnh yếu, và hòng có kiếm lời nghĩa lý khuyên giải đặng chăng.

Lúc này Diệu-Thiện công-chúa đương ngồi trong trai-phòng niệm Phật tụng kinh, vắng nghe có tiếng gõ cửa. Sai đưa hầu ra mở cửa thám dò, mới hay những vị khách tới đây là hai bà văn võ trạng-nguyên đương vui lòng ném mùi phú-quí cõi trần, đối với vị ny cô ngồi tu thầm trong xó vườn này, nhục-thê có đồng, mà tâm sự thì khác. Công-chúa vội vàng đứng dậy ra cửa tiếp rước, chị em gặp mặt, tỏ bề nửa lệ nửa mừng, tay lại cầm tay, lấy lời cảm tạ :

— Em đây là kẻ có tội, bị cha mẹ ruồng rẫy giam cầm tại đây, dềnhọc lòng hai chị nhớ thương, mất công xa đời gót ngọc tới viếng.

Hai công-chúa đồng thanh đáp lại : Chị em tương biệt kẻ đả hèn lâu, những là mắc bận công chuyện cửa nhà chưa rảnh qui ninh, trước là định tình song thân, sau nữa cùng em hợp mặt. Rày nghe tin em bị phụ vương giam cầm, dường như dao cắt khúc lòng ! Vậy vội tới đây thăm em mạnh yếu chừng nào và rủ em về cung, đặng cùng hưởng vinh-hoa phú-quí. Chớ tội chi mà đem thân dày dọạ chịu những đời thê-lương khổ nảo, cho uồng phí một đời xuân xanh !

— Cảm lòng hai chị, lời hai chị dạy vẫn là luân-lý đạo thường. Song cái chí ngu của em, đã ngổ cùng hai chị, trong khi ngày xuân du-ngoạn ngự-viên độ trước, ngày nay em xin thực hành chí ấy, đã tây trừ tục-lữ, khiến cho sáu căn thanh-tĩnh, năm uế ly phân, coi sự vinh hoa phú-quí ở đời khác gì đám mây nổi vậy. Nếu hai chị muốn cho em trở lại cõi trần hưởng mùi tục khoái lạc, thì dầu biển khô đá cháy, em cũng quyết chẳng đời đổi tấm lòng.

— Em ôi ! Em phải nghĩ rằng : đạo làm con phải vâng lời cha mẹ, huống chi thân ngàn vàng của em là trọng, há nên bỏ nền-nếp phong-lưu, dấn vào đường khổ-hạnh, dề trước là

cướp công cha mẹ, sau nữa thiệt đời xuân xanh ? Lòng cha mẹ trông con chỉ có bao nhiêu đó mà thôi; còn đối với tình máu-mủ ruột-rà, nên hai chị phải hết lòng khuyên nhủ. Em kíp nên tỉnh lại, kéo rời tuổi xanh quá lớn, ăn năn không kịp nửa đâu.

— Thôi xin hai chị đừng nói rậm lời làm chi, tâm sự người nào đều theo chủ ý của người này, Thiên-đường địa-ngục, mặc ai tìm lối mà đi. Còn em, quyết chi cắt đứt ái-ân, chuyên lòng theo đạo, may đặng vẹn tròn công-quả, sẽ có ngày đền ơn cha mẹ và đáp tình hai chị về sau.

Hai Công-chúa thấy em mình nói ra những lời chặt sắt bẻ đinh, thì đều nổi giận mà la mắng :

— Thứ đồ ngu-si bèn-hạ, chẳng biết nghe lời nói ngay ! Rồi sau này sẽ thấy trăm bề khổ-bận gian-truân, trời kộ thâu mây chịu lấy !

Nói vậy rồi rủ áo vùng-vãng đi quách, còn một mình Diệu-Thiện ny-cô lại dẫn lòng tụng kinh niệm Phật, đối với cảnh vườn quanh hiêu.

### 8.— GIÃ NHÀ TÌM CẢNH LONG-THỌ

Lại nói đến Bá-Nha vương-hậu không thể nào ngo tình với con gái út của mình được, lại sai hai tên-thê-nữ tới ngự-viên khuyên-giải Công-chúa một lần nữa. Hai tên thê-nữ vâng mạng vô tới trong vườn, cúi đầu lạy chào Công-chúa mà bạch rằng :

— Chúng tôi vâng cung-mạng tới rước Công-chúa về cung đây, cúi xin Công-chúa châm-chước đáng tình, đừng như chuyện nhỏ mà thương tổn khí-hòa, phải giữ trọn thân luân đại nghĩa. Dầu công-chúa chẳng thuận tình vừa ý, chúng tôi cũng cứ việc khiêng Công-chúa về.

Nó vừa nói vừa xúm lại xốc cánh Công-chúa, làm cho Công-chúa phát giận mà mắng rằng :

Mấy đứa con nít này làm chi vậy ? Tại bây muốn tốt thì về đi, từ rày không được lên đây mà khuấy rối ta nữa. Ta nghe đồn tại huyện Long-thọ thuộc hạt châu Nhữ có tòa chùa tên gọi Bạch-Hạc, có vị cao tăng trụ-tri ở đó, tăng-ny đồ-đệ đông tới năm trăm người, Ta sẽ tới đó tư-hành, tại đây về cung xin phép phụ-vương mẫu-hậu cho ta, rồi ta sẽ thưởng cho được có nhiều hạnh-phước.

Không thể nào ép được Công-chúa, hai thê nữ đành chịu về cung phục chỉ, chính nhằm lúc đức vua Diệu-Trang ngự giá tới nơi hậu-cung, nghe được chuyện Diệu-Thiện Công-chúa định qua Nhữ-châu tu-hành nơi chùa Bạch-hạc, ngài bèn sanh ra một kế, một bề sai sứ tới huyện Long-Thọ, truyền chỉ cho chủ chùa Bạch-hạc phải khuyên Công-chúa trở về, nếu không thì trị tội hết thầy tăng nọ, không tha một kẻ nào hết, lại một bề sai người tới trong vườn truyền mạng Công-chúa, cho phép tới tu-hành tại chùa Bạch-hạc nơi hạt Nhữ-châu.

Viên Thái-giám diện Hoài An tiếp ngọc chỉ khám ban, liền phả phất thuộc-viên vàng mạng đi ra các nẻo. Diệu-Thiện Công-chúa nghe được mạng ấy, hết sức vui mừng, tức thời trở lại vương-cung, bái từ cha mẹ. Dè đâu tới chường tấn yết phụ-vương bệ-hạ, lại nghe lời ngài trở ý phán rằng :

— Làm sao mà con ta cứ ôm cái tánh ngu si mê tín những thuyết hoang-dàng huyền-hoặc ? Khiến cho cha phải ra sai giận dữ, giam cấm trong vườn ! Bữa nay kêu con về đặng khuyên con trở lại đường ngay, từ rày cha cấm con không được nói đến chuyện tu hành nữa.

Diệu-Thiện công-chúa nghe lời ngọc-đự trái dứt với mạng cũ, thì dập đầu chảy máu, mà tâu lại rằng :

— Con trái mạng cha mẹ tu hành, đã cam chịu tội bất hiếu. Bữa nay con xin bái biệt cha mẹ, chờ ngày sau sẽ tụ hội tại chốn Kỳ-viên.

Nói rồi, dập đầu tám lạy, vội vã vãng mình ra khỏi kim-loan bửu-điện, lẹ bước như gió bay. Các quan văn-võ và hai cung Công-chúa nghe được chuyện này, đều vội vã rước theo cầm lại, mà không thể kịp, vì dường như có thần tiên hộ-vệ gót ngọc, Công-chúa xông pha ngàn cây nội cỏ, ò cọt hang beo, chẳng chút e ngại dặm hiểm nghèo, trông một dãy non xanh mây trắng, chỉ miền huyện Long-thọ lướt đến chẳng mấy lâu đã tới nơi Bạch-Hạc thiên-lâm.

### 9.— TRỤ CHÙA BẠCH-HẠC TU HÀNH

Chùa Bạch-Hạc là nơi đại thiên-lâm, do một triều đình đời xưa hưng công sáng tạo, trải dư ngàn năm đời đời tu bổ, tới nay thành một danh lam đệ nhất trong cõi Nhữ-châu. Vị sư-trưởng trụ-trì chùa này hiện thời họ Thái, tên

Trung-Tâm, pháp-hiệu Mã-Chánh, đạo hạnh thâm diệu, phép thuật cao kỳ, tin đồn rất đông, trong chùa có tới năm trăm sãi vải. Một buổi sớm mỗi ngày kia, mây quang gió lặng, sư-trưởng thỉnh-linh lặc chuông ra hiệu đòi các sãi vải mà truyềa rằng:

Bữa nay sẽ có vị tam-cung công-chúa là một bậc kiến tâm tiết-nữ cầu lại qui y thọ giới cảnh này, các người phải sửa soạn nhang huê, bày ra cửa ngoài tiếp rước.

Sư nói vừa dứt, thì giữa trời xảy có áng mây từ che phủ, một làn gió hương do từ phía bắc thoảng qua, ngoài cửa tam-quang, một người con gái tác chừng đôi chín xuân xanh, lệ đời gót sen bước tới. Tin lời sư dạy, chắc rằng tam-cung công-chúa là đây, chúng đều cúi đầu lạy chào, thì lễ một cách rất thành cần. Công-chúa vội vàng tiếp lễ, đáp lại ý thành cần mà bạch rằng:

— Nà-mô A-Di-Đà-Phật! lạy Phật, lạy Tồ, bạch sư-trưởng, sau nữa thừa cùng các vị đạo hữu: Kẻ tục-nữ lòng thành mộ đạo, và trộm nghe tôn-sư đạo-pháp cao-siêu. Vậy đem mình quy-y trước cảnh chiền già, đầu dâm dờng lễ nghi quá bề thạnh hậu. Cúi xin tôn-sư dẫn cho tục-nữ yết lễ Như-Lai Phật-Tồ, đặng nêu ra nột niệm kiến thành.

Sư Mã-Chánh chứng quã lòng thành, dẫn Công-chúa lên trước tam-bảo, tham lễ Phật-Tồ và các vị thần-thánh trong chùa một lượt. Đoạn rồi Công-chúa cúi đầu lạy sư Mã-Chánh, xin thọ giáo mà thờ làm thầy. Các sãi vải lui bước lánh mình, đều tỏ ra ý kính dị. Sư bèn mời Công-chúa ngồi tại trước phương-trượng, ngô lời từ-mẫn mà phán nhủ rằng:

— Các tăng-ny ở đây đều là nhơn-vật hạ-lưu, còn công-chúa là giá quý lá ngọc nhành vàng, mà lại đi làm người xuất gia, dặng bày hàng với kẻ tầm thường, e không xứng đáng. Vả lại, xuất gia nhiều nôi tân khổ, Công-chúa quen nền-nếp cao-lương cầm-tú, chịu sao cho nôi cái phong-vị dưa muối nâu-sông? Thôi, chi bằng trở về hưởng phú-quí vinh hoa, hơn là giam mình vào nơi cửa thiền khổ hạnh.

— Nà-Mô A-Di-Đà-Phật! Bạch lạy sư-trưởng! người nào có chơn tánh của người nấy, tin-nữ tôi trộm tưởng: phú quý vinh-hoa đều là tục lụy, luân hồi khổ-thú, dễ mê lòng người, dầu sang làm ông vua, cũng khôn tránh khỏi cuộc

vô thường đem tới ! Ngày nay tín-nữ đem thân theo đạo, đầu nát xương cũng không đổi lòng này.

Câu chuyện chưa giải quyết bề nào, thì xảy nghe tin báo có triều-sứ tới chùa, phụng mạng khám-sai truyền chỉ cho tự chủ. Sư Mã-Chánh vội vàng chạy ra cửa nghinh tiếp, rước sứ vô chùa, bài trí hương-án sẵn sàng, mở chiếu tuyên đọc, thấy đại ý nói : « Vương-thượng truyền mạng cho chủ chùa phải khuyên Công-chúa trở lại Vương-cung, nếu không thì sẽ sai quân đốt hết chùa chiền, giết ráo tăng-chúng... »

Cả sư-trưởng và chúng tăng ny nghe chiếu chỉ, đều hoảng sợ hết hồn đồng thỉnh năn nỉ với công-chúa :

— Cúi xin công-chúa đem lòng quảng-dại từ bi, bảo-toàn đạo Phật, chớ có lẽ vì một mình công-chúa mà trước hủy-hoại tam-bảo, sau tàn-sát tăng-đạo, thì công-chúa đành lòng như vậy hay sao ? Huống chi việc tu hành khổ nào nhiều bề, đã vô ích cho mình, mà còn hại đến kẻ khác.

— Công-chúa ung-dung đáp lại : Bạch sư-trưởng cùng các vị đạo-hữu, tín-nữ tôi trộm tưởng : đã là người xā thân học đạo, há có tiếc mình ? dầu thú dữ nuốt thịt nhai xương, cũng chẳng hề lứt chỉ, huống chi đốt chùa là sự chưa tới, có cần lo trước làm chi ?

Thấy Công-chúa khăng-khăng một dạ đá vàng, không còn có lý-thuyết nào mà lay chuyển cho đặng. Vả lại, cửa không là nơi quảng đại, chẳng có lẽ ngăn cản đường tu. Chúng tăng ny đã quăng lưới lứt lời, hết đường biện-hác, những sự hoạn-nạn sẽ tới, cũng thiệt khá sợ, bèn kiếm chuyện làm khó cho Công-chúa rằng :

— Bạch công-chúa phải biết rằng : tn hành chẳng phải là việc dễ, vì cửa Thiền theo đạo bình-đẳng, không phân biệt trên dưới, sang hèn giàu khó, đều nút luật như nhau. Bao nhiêu công chuyện nhà chùa, như : gánh nước, nấu cơm, hái rau, bửa củi, thỉnh chuông, đánh trống, đốt đèn, thấp nhang, v. v... từ việc thờ Phật cúng tăng, cho chí việc tiếp khách thập phương, anh em đều phải chung phận gánh-vác khó-nhọc, cùng làm cùng chịu, không ai được xô đẩy cho ai. Nếu kẻ nào không hết sức cần-lao, thì sư-trưởng sẽ dùng hình roi vọt trách phạt. Cúi-xin Công-chúa thương-lượng cho kỹ, đừng để ăn-năn về sau.

Tưởng rằng trách bị một vị thiên kim công-chúa bằng những việc nô lệ trần ai, thì chắc không bề nào chịu nổi



phải thổi chi. Có dè đầu công-chúa một miếng gan vàng dạ sắt gặt đầu ưng thừa hết thấy, chẳng nài khó nhọc dè-hèn, chỉ quyết chí ma-luyện tu-hành cầu cho được vẹn tròn công quả. Sư-trưởng cùng chúng tăng ny đã cùng đường làm khó, phải dè cho công-chúa thọ phép qui y.

Nhà chùa lên đèn nhang, cho công-chúa làm lễ thọ giới. Công-chúa liền xin với sư-trưởng Mã-Chánh trao cho các kệ « Vô sanh » « Vô minh » và « Vô-tịnh », đều sớm qui chơn mà nương mình Pháp-giới chư tôn. Từ đây cảm y dôi lấy ca-sa, một vị công-chúa nhà vua đã thành là ny-cô cửa Phật.

### 10. — KIM-TINH ĐIỀM HÓA DIỆU-THIỆN

Lòng thành một điềm, đã thấu chín lần, cảm động tới Đại-đế Thiên-thần, bèn triệu Kim-tinh giáng lâm hạ thổ, hiệp đồng với Lục-dinh thần-tướng, Ngũ-nhạc sơn-linh, Bát-bộ Long-vương và các thổ-dịa thần-kỳ, đều mau tới đại bao cho mình Diệu-Thiện, chia việc mà làm cho xong hết : cọp dữ vác củi, chim thiêng hái rau, gánh nước về phần Trường-lão Long-thần, thỉnh chuông đánh trống về phần Già-lam Hộ-giáo, không một chút nào động tới mình Diệu-Thiện, khiến cho y được rảnh rang chuyên-trí tu hành.

Chư thần đều ngưỡng thờ đại-đức háo sanh của Đại-đế Thiên-thần, đồng một lượt lãnh mạng sống trần ỹng-hộ. Quả nhiên chẳng ưỡng phí một chút tận lực gì của ny cô Diệu-Thiện, mà trăm việc thấy đều xong xuôi, chuông sớm mở trưa, cũng cứ đúng giờ mà lên tiếng.

Một ngày kia trai-phòng tụ hội các sãi vãi nói chuyện riêng với nhau rằng :

— Quái lạ thay ! Diệu-Thiện ny cô cảm-tú sẵn nền, đỉnh chung sẵn nếp, mà sao chịu nổi nầu sồng lam-lũ, dưng muối lạt-chay ?? Và lại thuở nay quen thói xuống ngựa lên xe, kẻ hầu người hạ, ngày nay lâm vào những công việc gian-nan cần-khở, mà cũng làm nổi dặng thay ? Cái này có lẽ là một vị Bồ-tát hóa thân, theo lối chơn tu từ kiếp trước vậy ?

Họ tưởng vậy, chớ họ có biết đầu trong đó tự có trời Phật phù-trợ, bao nhiêu công việc đều do quý thần làm thế cho. Còn chịu nổi dưng muối lạt-chay, nầu sồng lam-lũ, đó là nghĩa :

*Cầm-lú lọt màu nên vãi ắm ;  
Đỉnh-chung lợm giọng hóa chay tra.*

Tuy vậy mà kiếp tu thiết cũng gian-truân, một vị chơn tu vì đạo bỏ cả mình, đem mình liều với đạo, đã được qui ngấm thần trợ, người kính kẻ vì, chớ có tranh quyền giành lợi cùng ai, mà chịu những thiên ma bách chiết ! Điều đó có lẽ đúng như lời một vị đại-biën nhà Nho (Mạnh-Lữ) đã nói : « Trời sẽ giáng trách nhiệm lớn cho người đó, ắt trước làm cho khô cái tâm chí, nhọc cái gân xương, thiếu thốn cái thân, đói khát cái thể, làm gì thì trái loạn cái công việc, là để cho động tâm nhẩn lảnh, dặng thêm ra cái tải của mình chưa hay. » Sách Bình-Pháp cũng nói rằng : « Đặt vào đất mát rồi mới cón, đặt vào đất chết rồi mới sống ». Trải xem những lý-thuyết ấy, thì thấy rằng Thích Nho đồng một lối, mà là kiến lệ của nhà tu hành đó dư ?

Tức như Diệu-Thiện ny-cô, đã đành một kiếp chơn tu, tới đây tướng đã yên phận tu-hành, nào dễ dẫu chỉ vì cha mẹ chẳng biểu đồng tình, mà nạn lớn sẽ đem lại sau lưng đó.

#### 11.— SAI THẦN HỘ-CỨU KIM-THÂN

Từ khi Diệu-Thiện công-chúa bái từ cha mẹ xin phép tới chùa Bạch-Hạc tu hành, phụ-vương Diệu-Trang đã thiết kế cản ngăn, mà không thể dặng. Sau khi công-chúa đã tới chùa an-trụ, đức vua thường sai người thám-dọ tình hình. Một ngày kia quân về phúc tấu rằng : « Công-chúa đã yên thân thọ giới tại chùa ấy, đêm ngày tu trai niệm Phật, nghiêm nhiên thành một vị ny-cô.

Đức vua nghe tấu nổi giận lời đỉnh, tức thời khiến tướng sai quân, tiểu lược thiên-lâm, sắc cho Tất-lực tướng quân lãnh ba ngàn binh mã, chở theo xe cỏ, phủ vây tự-võ, không cho một sai vãi nào chạy thoát ra ngoài. Rồi đó phóng hỏa đốt chùa, khól lửa mù trời, tiếng la dậy đất, bá ngày rông-rã, các sai vãi kinh hoảng, ai nấy đều sâu oán Diệu-Thiện ny-cô, vì một người mà liên lụy đến bao nhiêu người, trước đức chưa thấy dẫu, đã đem lại một trường họa lớn ! Ny-cô lâm vào địa-địa này, bội phần đau-dớn, ngược mặt lên trời la khóc, kỳ đảo các vị linh-thần và khẩn vái đức Linh-Sơn Đại-Thế-Chí Bồ-Tát rằng :

— Xin ngài mau mau chuyển pháp-luân mà cứu vớt chúng sanh là năm trăm sai vãi chùa này, còn thân này thì chết cháy cũng không dám tiếc.

Khấn rồi, liền cầm cây trăm tre đâm vô lưới mình, miệng ngậm máu tươi day qua hương đống phung vô đống lửa. Tấp lòng thành cảm động trời đất: giấy lát mây đen tối dầm bốn phía, mưa xuống như trút, thế lửa liền tắt, cứu thoát được tất cả sai vãi năm trăm người.

Tất-lực tướng-quân thấy chuyện thành-linh, vội-vả sai người về triều phục mạng. Trang-Vương được tin phúc tấu, lại càng thêm giận, bèn xuống lệnh sai quân giết hết sai vãi trong chùa.

Bá-nha vương-hậu tâu dâng một kế như vậy : Bảy giờ dựng một rạp hát tại ngoài chùa, sai nhạc-công kết lụa gai hoa, làm trò tuồng-hát vui vầy, cho động lòng nó. Nghĩa là nó đã trải qua cái cảnh khổ, thành-linh thấy chuyện vui vẻ, hoặc nó hồi tâm chẳng. Vương nghe kể của hậu bày, thì cho là phải, mà xuống lệnh thi hành tức thời. Dè dàu công-chúa chẳng-thèm ngó nhìn một chút nào, mà còn la mắng bọn phường nhạc nữa.

Trang-Vương thấy không còn kế nào chuyển động được lòng Công-chúa thì càng nổi giận lôi-dinh, tức thời sai quân bắt công-chúa giải ra pháp-trường, chánh pháp hành hình xử trảm. Các quan văn võ đều bày lễ nghi tế sống; mẫu-hậu và hai chị cũng đều tới nơi ôm lấy mình công-chúa mà khóc, tiếng thê-thảm dội vô lồ tai phụ-vương, làm cho ngài phải động lòng, mà truyền chỉ hoãn hình, sai giải vô lãnh cung giam-cầm, và khiến quân nội-thị cùng mọi người cùng-quyển kiếm cách can-gián nữa, cầm lấy cho được hồi tâm. Nhưng công-chúa coi thác như về, dầu chết cũng cam, chớ không thể nào tòng mạng hoàn tục đặng. Phụ-vương đã hết bề cảm hóa, mà nư giận nổi lên càng dữ, ngài bèn quyết kế cất đức ân-tình, ban ra hai trương lụa bồng, truyền đem công-chúa ra thả cò tức thời, trị tội bất hiếu thông thiên, dặng rằng kẻ làm con ở trong thiên hạ.

Trong lúc quân-nhơn vàng chỉ giải công-chúa ra pháp-trường chánh pháp, dầy thành người coi đông như kiến cỏ, làm kinh-dộng đến vị thần thành-hoàng, liền biểu tấu lên thiên-dinh, xin kịp thi hành thần-lực cứu hộ cho Diệu-Thiện. Ngọc-hoàng chuẩn tấu, liền sắc cho các vị, thiên-thần địa-kỳ đến giảng làm ủng hộ cho mình Diệu-Thiện, búa đao không phạm được tới chơn thân. Lục-dinh thần-tướng thì đoạt lấy Diệu-Thiện công ra khỏi pháp-trường, dẫn linh-hồn cho đi, dạo chơi khắp các nơi Địa-ngục, rồi cho hoàn hồn qua núi

Hương sơn, tại miệt Nam-hải, lẫn lên chơn-lộ trên động Phô-đà, phục lại toàn thân, dựng thành chánh-quả.

Chư thần lãnh mạng, bốn bề áp lại, che chở cho Diệu-Thiện ny-cô. Tới giờ hành hình, xây đầu nổi lên một trận gió cuồng, một con cọp xỏ tới, quăn nhọn tứ tán chạy hết. Con cọp chụp lấy Diệu-Thiện, cõng lên lưng, chạy đi như gió rui mây bay, láy mắt đã không thấy nữa.

Viên quan giám trăm đem chuyện lạ hồi tấu. Trang-vương cho là đứa con bất hiếu, phải chịu vạ trời, nên khiến cọp ăn thịt mất xác cho rồi. Từ đây cắt đứt ái ân, khỏi bề quả niệm tới nữa. Chớ có dè dặt thân-minh bảo-hộ, do đấng hoàng-thiên chẳng phụ người thiện-tâm.

## 12.— DẪN HỒN DẠO CHƠI ĐỊA-NGỤC

Con cọp dữ đó là gì? tức là Lục đình thần-tướng hiện hình ra dựng cứu Diệu-Thiện ny-cô vậy. Sẵn khi con cọp dữ cõng ny-cô ra khỏi nơi pháp trường ấy các vị thánh-thần hộ vệ, một trận gió hòa đưa hồn vía ny cô đi, mù-mù mịt-mịt như đám mây, mơ-mơ màng-màng như giấc mộng. Giày lát tới một chỗ nọ, người: dẫu lên ngó qua một lượt thấy là cảnh hư-không phiêu-diễn, khó phân đường nam bắc đông tây. Lúc này, ny-cô chẳng dè tỏ ý than phiền: chẳng hay duyên có gì mà thân ta lại tới chốn này vậy? Đương trong giấc ngằn ngơ kinh dị, thì xảy thấy trong đám hư-không phiêu diễn, nẩy ra một tòa cung-diện nguy nga, tàn-lọng ngình ngang, cờ pua phất phới, rõ ràng là thần-tiên động-phủ, mà chẳng biết đây là chốn nào? Thành linh có một tên võ-sĩ vận áo nẹp xanh từ trong cửa cấm bước ra, cung kính thi lễ mà bầm rằng:

— Chúng tôi vàng sắc-mạng Diêm-vương điện-hạ tới đây tiếp rước long-giá kim-liên công-chúa đồng qua thế-giới Phong-đô, đặng coi xem phép Phật hiện đức từ-bi, cứu tình khờ-não, chốn u-minh cầm cân họa phúc, chứng quả kim-thân.

Rồi đó muôn đạo tường-quang nung lẩy chơn, ngàn tia thụy-khí lướt qua mặt, thoang-thoảng những mùi hương lạ, đưa tới cõi Phong-đô, lịch-duyet những quang-cảnh gió thắm mưa sâu, là nơi âm-gian cách-biệt với dương-thế. Đến đó thì thấy mười điện Minh-vương chấp tay giờ cao chào xá, đoàn quỷ-sứ đầu trâu mặt ngựa qua lại lẳng-xăng, dãn công-chúa đi du-

liệt các nơi, tới nơi nào thì Minh-vương chỉ-biểu cho biết tình-trạng của nơi ấy :

*Đạo chơi lần địa-ngục thứ nhất.* — Địa-ngục này ở giữa dòng nước quanh quất, mặt sông lúc đầy lúc vơi. Tio ngục có những cây kiếm núi đao, trua trúa như rừng mọc, đám mình xẻo thịt, hành tội những kẻ chúng sanh thuở ở cõi dương làm con bất hiếu, làm giàu bằng đạo bất nhơn. Mãng kiếp này rồi, lại phải đả thai về cõi dương làm đứa ăn mày, chịu những nạn đói rách khổ-sở, thét rồi chết lại phải thọ bình vạc dã, nữ. Luân hồi hết kiếp này qua kiếp khác, u-hồn thọ tội, thiệt là khổ-não gian-nan.

*Đạo chơi lần địa-ngục thứ nhì.* — Địa ngục này có những giường lửa bài ra, tội nhơn phải nằm vô đó cho phỏng da cháy thịt. Đó là hành tội mấy kẻ chúng sanh ở kiếp sống hay dùng những mưu kế gian hoạt, khoa dao múa bút, làm thầy kiện thầy cò, giục bị xui nguyên, làm cho chia rẽ vợ con người ta, phá hoại gia sản, tổn-thương tánh mạng người ta, dặng kiếm lợi nuôi miệng. Kiếp sống những quen đeo xương bút máu, ăn cho láng da mặt thịt, thì kiếp chót phải đem thịt da, trả nợ cho cân. Thọ khổ đã chán rồi, lại phải hồi dương hóa làm con trùng trong đồng phân, trả nợ ăn đờ kiếp trước vậy.

*Đạo chơi lần địa-ngục thứ ba.* — Địa-ngục này có vô số những cô hồn lẳng xăng rối rít, mang gông đeo tói, la khóc om sòm. là hành phật mấy kẻ chúng sanh có những tội này : Kiếp sống đánh mắng mẹ cha, nên ngày nay phải bị cưa mình, vả miệng ; Thuở sống chẳng kính nhựt nguyệt tinh tú, nên ngày nay bị khoét con mắt làm kẻ đui. Lại có một ao màu hương, trong ao đó vô số những á gái đẹp đầu bù tóc rối, theo lẫn sóng trôi qua trôi lại tanh thúi không thể chịu nổi, đó là vì mấy á ấy thuở sống không chịu siêu-độ cha mẹ mình trong khi già yếu, nên ngày nay phải bị nạn chìm vào huyết lờ.

*Đạo chơi lần địa-ngục thứ tư.* — Các tội-tù tại nơi ngục này, kẻ thì bị quý-sứ đầu trâu mặt ngựa dùng kim cạp gán kéo ra, là bởi thuở sống quen dùng các thứ bạc hay đồng thì hành cái kẻ hiềm-độc mưu hại kẻ khác. Chịu rồi nạn ấy, lại phải về cõi dương làm kiếp trâu, bị người ta sai khiến làm việc nặng nề, thét rồi người ta đem lột da mổ ruột.

Mấy kẻ thuở sống hay làm chuyện gian dối lường gạt, thì lúc này bị quỷ-sứ bắt leo lên cột đồng nung đỏ cho cháy thịt phỏng da.

*Đạo chơi lần địa-ngục thứ năm.* — Nơi địa ngục này, có những quân Dạ-Soa ác quỷ ra tay dữ-dội, dùng cối xay sắt nghiền xương người ta cho nát bầy, hoặc bỏ người vào cối đá mà đằm. Hình này là phạt mấy kẻ dòn bà thuở sống làm dâu mà lẳng mạ cha mẹ chồng, gây nên tội ác vậy. Phía trong lại có lần ngục hầm lửa, đặng giam cầm mấy kẻ : ghen tương, gian lận, trộm cắp, tà-dâm ; Kẻ làm tội bất trung, kẻ làm giàu bất nghĩa, thì dùng hình lấy kim cặp lưỡi, máu tươi chảy đỏ khắp mình.

*Đạo chơi lần địa-ngục thứ sáu.* — Ngục này lạnh lẽo quanh năm, dầu trời tháng năm tháng sáu, cũng dưới bề đóng giá, trên cạn bay sương. Nhà ngục thì muốn trượng thành dài, chung quanh giăng lưới sắt, giam cầm bao nhiêu ma dơi, là những kẻ thuở sống đã làm nên ác lớn tội nặng như : kìm giặc, ăn cướp, giết người lấy của, ngày nay bị muôn ngàn dao cắt, đặng mà bồi thường nợ xưa. Kẻ tội tù đã bị vô ngục này, thì kiếp kiếp đời đời, không khi nào được thả ra, cho nên kêu tên là *A-tì địa-ngục*, mà chữ Hán dịch là *Vô-giang địa-ngục* đó. Chịu hình phạt tại ngục này đã đủ bề cực khổ, lại còn phải trở lại cõi trần hóa làm những giống ếch-nhái sâu bọ, dầy dọ cái thân.

*Đạo chơi lần địa-ngục thứ bảy.* — Những kẻ tội tù bị hình-phạt tại trong lần ngục này lại càng cực-khổ hơn nữa nung đồng cho chảy ra rồi rót vô cỗ họng, giầy lát trong dạ đều thành khối phào ra ; đạn sắt nung hồng, cho kẻ tội làm cơm mà nuốt, kể rồi quỷ sứ cầm dùi sắt nhẹ lưng mà đánh, dầu là người sắt đá cũng phải biết đau ! Hỏi những tội gì bị hành phạt này ? đó là mấy kẻ ở dương thế làm quan ăn của lót, dối vua bán nước, hãm hại kẻ hiền lương, đã già tay gian-hùng ngày nay phải chịu đền bù vậy.

*Đạo chơi lần địa-ngục thứ tám.* — Nơi ngục này có vị Bình-Đẳng đại-vương hiện ra kim-thân, ngồi trên tòa cao xét án, giải ra tội tù vô số, đều tới dưới tòa hầu tra. Rồi đó quỷ đầu trâu cất tiếng la vang, giải kẻ tội ra cho cạy

dữ nuốt sống. Đó là mấy kẻ thuở sống làm tăng làm đạo-mượn tiếng tu hành làm nhiều tội lỗi giả-dối, nên ngày nay bị phạt tại chốn âm-ty. Cũng có những người thiện-in tu-hành do kim-dồng ngọc-nữ dan di, đạo chốn địa-ngục, cho biết những đời khổ-thú đặng về cảnh-tĩnh thế-gian.

*Đạo chơi lần địa-ngục thứ chín.*— Nơi ngục này có một thứ gió lồi đen mù mịt, khác dứt với hết thấy các thứ gió ở thế-gian : Hễ đối với người thiện thì thổi ra khí mát mẻ tinh-thần ; còn đối với kẻ ác thì thổi ra hơi nóng nải thân thê, như cây sắt bị nung trong lò lửa vậy. Hỡi thứ gió ấy làm sao lại có lúc độc như thế ! Đó là do lòng nhơn của đức Minh-vương ngài đem đức từ-bi liên mãi chúng sanh. Hễ kẻ nào làm dữ thì dùng gió ấy trừng phạt cho chữa ; nếu kẻ kia biết dỗi dữ theo lành, ngài lại dùng gió ấy cho tâm thân mát mẻ, tiêu trừ hết tội ác, đặng hưởng phước an-khương. Những chúng sanh tại ngục này, hoặc thuở trước gây nên tội lỗi nặng nề, thì phải đọa súc sanh làm các loài trâu dê chó ngựa ; hoặc thuở này biết dỗi lỗi chữa tội, thì được siêu thăng làm người, hơn nữa là hoặc kẻ nào biết tu chí tâm lành, thì còn được vãng sanh thiên đàng nữa. Cho hay tạo nhơn ở đời trước, thọ quả ở đời sau, vẫn là đạo trời chí công, chẳng ai lọt ra ngoài vòng phước tội được.

Diêm-la-vương sở dĩ dẫn hồn Diệu-Thiện ny-cô cho dạo chơi khắp các lần địa-ngục là có ý khiến cho ny-cô lịch-duyet con đường phước tội ở Âm-ty, đặng khi trở lại dương-gian rán dạy chúng sanh dỗi dữ theo lành, mở đường sống hối cho chúng sanh, mà tu cho trọn kiếp này.

Ny-cô thê theo ý ấy, nên mỗi khi trải qua mỗi lần địa-ngục, đem kinh ra tụng niệm, tuông bóng đại hào-quang, tỏ lòng liên-mẫn chúng sanh. Những nơi ny-cô tụng-niệm chơn kiuh, thì thiên hoa rải ra, tử-khí từ trên bích-không tuông, đầy đất. Mười vị Minh-vương chấp tay giơ cao chào xá, nội vùng thế-giới Phong-dò tỏ ra bộ huyền-náo lạ thường.

### 13 — ĐƯA HỒN TRỞ LẠI DƯƠNG-GIAN

Diệu-Thiện ny-cô đã dạo chơi khắp nơi địa-ngục, phán-quan bèn tàu với Diêm-vương, xin sai quân đưa hồn ny-cô trở lại Dương-gian, từ biệt nơi đình Mạnh-bà, đặng chờ ngày Hương-sơn đặc đạo.

Diệm-vương chuẩn tấu, lại sai tên võ-sĩ vận áo nẹp xanh dải hồng Diệu-Thiện ny-cô do đường cũ trở về.

Lúc này ny-cô naur mệt say, hoảng-hốt bàng-hoàng, chẳng biết đây là chốn nào đó. Té ra ở một giắc mộng, tỉnh ra mới thấy xát mình nằm tại dưới gốc cây thông lớn, do cộp dứ tha đi bỏ lại đó, còn hồng thì vẫn vợ di khắp mọi nơi, dạo chơi chín lần địa-ngục. Rày đã thức dậy, mà chuyện trong giắc mộng, nghe những tiếng gì, thấy những hình gì, chẳng còn màng tượng nhớ được hết thảy. Chỉ ngật đời một mình hiu quạnh, ngó bốn phía lạ nou lạ nước, chẳng biết nương thân chốn nào.

Đương trong lúc ngơ ngẩn bàng hoàng. khôn đường lui tới, thì xảy thấy một chàng thanh-niên tuấn tú, mày râu nhẵn-nhụi, quần áo bảnh-bao, tổ ra bộ trắng gió đa tinh, từ đằng xa ghé lại tận nơi, xá ny-cô mà ngỏ lời thăm hỏi :

— Cô-nương ở đâu tới đó, làm sau mà một mình thơ thẩn ở chốn núi rừng này? Vì chẳng phải duyên nợ ba sanh sao xui lại nơi này gặp gỡ? Nguyện cùng cô nương xe to kết tóc, đặng trăm năm hưởng phước đoàn viên.

Thấy va buồn lời trăng hué, ny-cô chánh sắc cự :

— Ta đây là một vị vương-cung công-chúa giá quý ngàn vàng. Chỉ vì mộ đạo tu-hành, lại như trái mạng từ hôn, nên mới bị phụ-vương trách phạt. Mà tấm lòng đạo vẫn bền như sắt đá, dầu lưới Tô Trương cũng khôn chuyển lòng ta. Nhà ngươi là hạng người nào? đừng nói bậy mà mang tội với Phật !

Nghe lời đoan-chánh, người ấy biểu ra hình dung nghiêm nghị, dời qua lời cần trọng nói rằng :

— Ta đây chẳng phải là khách gió trăng, chánh thiệt vị Như-Lai Văn-Phật. Ta đi đây là thử lòng thiên hạ, thấy nhà ngươi chí tánh chơn tu, quā nhiên chẳng nhiễm mau trần, nay ta sẽ đưa đường dẫn lối. Đây chẳng phải là nơi dung đạo, người phải tới Hương-sơn thánh cảnh, mới có thể nương mình yên chí tu hành.

Diệu-Thiện nghe nói gạt mình, vội-vã cúi đầu lạy tạ :

— Nam-mô A-Di-Đà-Phật ! người trần mắt thịt, chẳng hiểu là Phật-tổ chơn-thần. Mang tội đã nhiều, cúi xin từ-bi đại xá. Nhưng chẳng rõ đâu là Hương-sơn thánh cảnh, xin Thế-Tôn chỉ thị cho hay?



— Đức Phật ngài phán rằng : Hương-sơn ở đất Việt-Nam cách đây ba ngàn dặm đường xa. Ấy là nơi động Phồ Đà, danh thắng, quá Bông-lai tiên cảnh. Ta biết người không có tư-lương đi tới đây ban cho một trái kim-đào, đem theo làm của hộ thân, hề ăn nó sẽ không đói khát, cũng không có nắng sương xâm-nhiễm, khá làm lương học đạo lâu dài. Miễn tu cho chánh quả thành công, ta sẽ chứng kim-thân bất hủ.

Diệu-Thiện cúi đầu lạy tạ, lãnh lấy trái kim-đào, một lòng hoan-hỷ tiêu-diêu, chỉ về Hương-sơn thẳng tới. Chỉ ngặt vì thể chất đào thơ liễu yếu, chơn mềm gót nhỏ, khó bề lội suối qua đèo. Nhưng một tấm lòng thành, cảm động tới sơn-thần và thổ-địa : xây đâu một sơn quán nháy ra ngang đường đón lại, nói ra tiếng người mà bạch rằng :

— Xin công-chúa chớ cần kinh hoãng làm chi. Tôi đây chẳng phải là lão-hồ sơn-thần đâu. Thiệt vắng mạng Trời Phật tiếp giá kim-thân công-chúa vậy.

Vừa rói rồi ghé lưng cho ny-cô cỡi, chạy thẳng một mạch. Đền tai nghe vo vo gió thổi cây rung, chẳng dấy giờ ngược dầu ra đã ngó thấy nơi Hương-sơn thánh-cảnh.

Tới đây mới biết Hương-sơn là một bầu non nước, phong cảnh kỳ-quan : đèo ngất thiên-dàng, hang thông địa-phủ, muôn khoảnh sóng vàng ngừng biển biếc, ngàn hàng măng ngọc rạng rừng xanh, cây nước lao-đao, chưa tỉnh thân sau giấc mộng ; khói mây mờ mịt, còn ngờ việc trước khi sanh, quả thiệt là nơi phước-địa của xứ Lãnh-Nam, có duyên đưa phước-nhơn tới đó, khiến chẳng phụ cái tiếng « Thiên-mam đệ nhất động », mà sẽ hiện ra một linh tích muôn đời.

#### 14. — HƯƠNG-SƠN TU HÀNH CHÁNH QUẢ

Kể từ khi Diệu-Thiện ny-cô tới trụ-trì tại cảnh Hương-sơn này, tháng lụng ngày qua, hầu trải chín lần sương nắng (9 năm). Sớm tu chiều dưỡng, thanh tâm dịch lự, luyện tánh rèn bình, được phép huyền cơ, đã thấu tới Thiên-quan đại-đạo ; thần thông vô-lượng, quảng-đại vô biên, phò cứu mọi sự cấp nạn cho dân thế gian, chúng sanh thấy đều cảm ân đỗi đức. Vì vậy các vị thần-thánh núi này cảm-dộng, dâng biểu đem phước duyên của ngài khải tấu lên Thiên-dình. Đức Ngọc-hoàng Thượng-đế lâm biểu chuẩn tâu, giáng sắc chứng kim-

hải cho ngài, tôn ngài thành chánh-quả nhằm ngày mười chín tháng sáu.

Rồi đó, trong tứ các vị thần-kỳ nội khu-vực Hương-sơn thành cõnh, ngoài tới tứ-hải Long-vương, ngũ nhạc Linh-tần, cho chí Địa-tạng Minh-vương, tam quan ngũ hiền ; trên thiên-dinh thì các vị Lôi-công Phong-bá, dưới địa-phủ thì các hàng ác-sát Hung-thần, tất cả Phật và Tiên, Thần và Quỷ, đồng một lượt tới nơi cung hạ ngài đặc đạo, thành từ-bi đại-pháp thân, rước ngài lên ngự tòa sen, dâng hữu hiệu Quan-Âm, tôn làm Thiên-nhơn giáo chủ. Các thần-tướng thập-phương đều qui-y tùng-phục, đại-thiên thế-giới cũng sùng-bái cúng-dường. Ngài tự mạng cho suốt thầy chúng-sanh trên thanh-tiên, dưới hoàng-toàn, thiết là bậc thủ-lãnh chư Phật chúng Thần trong cõi trời Nam, mà đem đức lượng quảng-dại từ-bi, phổ tế cho chúng-sanh ba ngàn đại-thiên thế-giới vậy.

Ngài phát tâm qui-y từ năm mười chín tuổi, qua năm hai mươi tuổi thọ giới tại chùa Bạch-hạc nơi huyện Long-thọ, rồi tới đất Nam-việt này trụ-trì tại Hương-sơn nhằm năm hai mươi mốt tuổi, chín năm tu luyện, đạo thành chánh giáo, mà tại Hương-sơn lưu một Phật tích ở Nam-phương.

Vậy các thiện nam-tử, thiện nữ-nhơn là Thích-tử Nam-phương đều nên ghi lòng nhớ lấy ngày mười chín tháng hai và ngày mười chín tháng sáu âm-lịch là những ngày via của đức Phật bà Quan-Âm tại Hương-sơn, vì ngày giáng đầ ngày mười chín tháng hai và thành đạo ngày mười chín tháng sáu.

## 15 — YÊU THẦN HÀNG PHỤC QUAN-ÂM

Sau khi Phật bà Quan-Âm đã thành đạo, ngài thường hóa phép thần thông, thấu phục yêu-thần dạng cứu-tế dân chúng. Một hòn núi cao lớn tại phương tây đó, có động tên gọi Hổ-Vân, trong động có nhà họ Hồng kia, sanh đứa con trai được mười sáu tuổi, nguyên thân nó là vị sao Thái-Ất-Ngưu-tinh đầu thai cõi tục, ý tài thần-thông đồng mãnh, thường đón đường đông tây qua lại, bắt người ta ăn thịt rất nhiều. Thuở đó tại Trung-hoa nhằm đời vua Thái-Tông nhà Đường (lối giữa thế-kỷ thứ 7), Tam-Tạng Pháp-sư Trần-huyền-Trang phụng mạng Đường đế qua Tây-phương bái Phật cầu kinh. Đi ngang qua động Hổ-Vân bị Hồng-nhi cầm lại. Đ-

đệ của Pháp-sư là Tôn-bành-giả, đã tự xưng là Tề-thiên đại-thánh, mà cũng chẳng chống được nó, phải qua Hương-sơn hỏi thăm duyên cớ, cầu Phật bà ngài thâu phục yêu quái, cứu thầy mình cho hoàn công quả thành kinh.

Phật-bà đem đức từ-bi, vui lòng đi liền, qua động Hòa-Vân, xét coi hư thiệt, rồi ngài hóa thân thiên thủ thiên nhãn, yểm trừ yêu khí, thâu phục Hồng-nhi, đặt tên là Thiện-Tài, mà dùng làm đồ-đệ, bắt chực hầu hai bên tả hữu đức Phật. Thả ra thầy trò Tam-Tạng, cho chỉ nẻo phương Tây mà đi. Tam-Tạng cảm đức tái sanh, lạy tạ rồi lên đường từ biệt.

Lại một khi ngài đi vân du ngoài bãi biển, gặp người hàng chài giăng lưới bắt được một con cá nặng ngàn cân. Con cá thấy ngài thì ngáp miệng ngheèn dẫu, làm như bộ cầu cứu. Ngài đem lòng « nơn dân á vật », bỏ ra trăm ngàn đồng mua lấy, rồi đem thả xuống biển Tây-duong. Con cá lại làm ra bộ đội đức cảm ơn : gặt dẫu vây đuôi, cuốn mình làm nên một trận gió lớn, sóng to, rồi theo lặn nước lặn xuống đáy biển.

Sau khi Phật-bà đặng-vân về núi, xảy đâu thấy một ả cung-trang mỹ-nữ theo đến liền ngay lúc đó, đem theo một hột châu dạ-minh và một chiếc tịnh-bình bằng ngọc càn vàng làm lễ dâng Phật mà bạch rằng :

— Nam-mô Đại-từ đại-bi cứu khổ cứu nạn Quan-thế-Âm Bồ-tát ! Tín-nữ tôi là Long-cung công-chúa, phụ-vương là Nam-hải Long-quân, nơn đi tuần du trong biển, chẳng may thất cơ bị người ta bắt. May đội đức từ-bi cứu nạn, mà được tái sanh, ơn này tái thế chẳng quên, vậy sai tín-nữ dâng chút lễ thành, đặng kiến tạ hồng ân đại hải.

— Phật-bà thâu nhận lễ vật, rồi sai người đưa Long-nữ ra về, thì Long-nữ dập đầu lạy mà bạch rằng :

— Tín-nữ tình nguyện xả thân qui Phật, cúi xin tôn-sư dùng làm đệ-tử, ơn ấy coi bằng trời đất cao dài !

— Đức Phật đáp rằng : Việc tu hành khó như mài cây cột sắt, làm cây kim vậy. Nhà người giá quý thiên kim công-chúa, chịu sao nổi mùi thiền khổ hạnh, sức đạo cần lao ?

— Long-nữ bạch rằng : Đó là chơn tâm của kẻ đệ-tử quyết xin đem thân nương cửa bồ đề, dẫu cần-lao, khổ-hạnh tôi bậc nào, cũng nguyện tu hành cho trọn quả. Cúi xin tôn sư mở đường phương tiện, mà thâu nạp cho.

Đức Phật xét ra thấy quả là ý chơn-thành, bèn dong làm môn đồ, cho phép cùng Thiện-Tài kết làm anh em đạo-hữu, chực hầu tá hữu, sớm hôm chuyên tâm nghe thuyết kệ giảng kinh.

Từ đó ngài thường khi biến làm các hình, tiêu-diêu các miền thế-giới, hiển linh báo ứng, tìm phương cứu khổ cứu nạn cho thế gian : hoặc hóa làm gió cá ngàn mắt ngàn đầu, bơi lội trong hồ, bắt những giống long-xà nuốt hại cá nhỏ ; hoặc hiện kim thân chơi rừng Tử-trúc, hóa làm gió mát, chữa bệnh phiến-nhiệt cho chúng sanh, hoặc hiện thân chơi chốn biển hồ, dặng cún vớt những nhơn dân chìm đắm ; hoặc hóa làm lực sĩ Kim-cang, cầm dùi búa đi giết trừ yêu khí ; hoặc đem sắt bỏ lò nung đỏ, điềm hóa làm vàng bạc, dặng chân tế cho chúng sanh đói rách nghèo cùng, đem thần lực hành đạo thay trời, ngàn mắt của ngài đã xét hết mọi bề khổ-nạn, ngàn tay của ngài đã trừ hết mọi bề khổ nạn, nam-mô « Đại-từ đại-bi cứu khổ cứu nạn Quan-thế âm Bồ-tát », công đức của ngài đã xứng đáng với danh hiệu của ngài.

Một ngày kia rơn buổi thình nhàn, Phật bà ngài ngồi tụng kinh trên động Phồ-dà, đương muốn cất tiếng bàn câu diệu-kệ xây dấu một trạm gió cuồng cuốn bụi, dất đen trời tối, tiếng người la ó, dầy đồng lớn nhỏ già trẻ thấy đều xôn-xao. Ngài ngược ra thấy một con chim đại-bằng mỏ vàng, dầy mình lông trắng như tuyết, miệng như chậu máu, cánh bay rợp một góc trời, là xuống cánh đồng, chụp từng người mà ăn thịt. Vì vậy dân-gian bị hại vô số, trong một thời gian thiệt mạng kẻ có trăm ngàn. Lòng từ-bi của Phật bà động mối xót thương loài người, bèn hóa thân làm một vị Kim-cang dũng-mãnh linh-thần, tay cầm thanh gươm búa đi trừ yêu-quái, giao chiến bảy mươi hai hiệp, mới thân phục được con yêu-bằng. Con yêu-bằng biết cơ khó bề thoát thân, phải chịu hàng-dầu, mà tình nguyện qui-y Phật-giáo. Phật bà chẳng nỡ làm hại tánh mạng nó, bèn mở lòng từ-bi mà phán rằng :

— My đã phát tâm qui-y, thì phải đời dữ theo lành, không được giết hại sanh-vật nữa. Từ đây ta phong biếu cho my là Oanh-ca thánh, theo hành cước ta đi nương tai giải ách cho đương-thế, rồi tự nhiên dặng thọ bằng tuổi trời.

Con yêu bằng cúi đầu lạy tạ đức từ-bi, xin chịu phép qui-y tam-bảo. Phật bà làm lễ cho Bằng-vương thọ giới, rồi thả

cho đi, bay vô trong rừng Tử-trúc nương mình, mà hằng ngày qua lại Hương-sơn, đặng theo hầu Phật bà mà tu luyện đạo-dức.

Từ đây yêu-thần thấy đều hàng phục, vùng Hương-sơn yên tĩnh thái-bình, mây diêm quanh quất bốn mùa, nghiêm nhiên thành một thế giới Cực-lạc.

## 16.— TRỜI PHẬT TRANG-VƯƠNG NHIỆM BỊNH

Phật bà Quan-âm từ khi đắc đạo, ngài đã đem đức đại-từ đại-bi mà cứu-khở cứu-nạn cho hằng-hà sa-số chúng-sanh. Duy còn điều phát nguyện lớn hơn hết từ buổi ban xưa là đền đáp công ơn của mẹ cha, thì vẫn chưa có mối gì hoàn nguyện. Tới đây trời Phật dẫn mối cho ngài có dịp làm thành công-quả lớn-lao.

Số là Diệu-Trang-vương từ thuở quá giận mà đem con gái ra hành hình, rồi đó chẳng dè mê-mẩn tâm-thần, thành ra người điên-khùng hoảng-hốt, một là sám-hối về chuyện nỡ lòng đoạ tình cốt nhục, hai là phiền não về nỗi không có dòng giống nối đời, nên chẳng buồn ngó-nhìn đến quốc-chánh triều-cang, chỉ đêm ngày lưu-luyến ở trong cung mà ca võ hành lạc. Lại còn sanh ra cái tánh hung dữ, kẻ thần dân hơi có tội nhỏ một chút, thì liền xuống lệnh chu-di.

Cái tội ác bạo ngược hoang-dâm đó đã kinh-dộng tới Thiên-đình, đức Thiên-đế giáng chỉ điều tra : nếu số dương đã hết rồi, thì bắt hồn y xuống âm-ty hành phạt. Nhưng tra ra thì tuổi dương thọ còn dài tới hai chục năm nữa, nên đức Thiên-đế ngài giáng chỉ cho Ôn-thần dùng hình ác-tật trừng phạt, chờ cho Diệu-thiện dùng thuốc chữa trị, đặng treo gương hiếu nữ ở thế gian.

Ôn-Nguyên-soái lãnh chỉ thi-hành ; một đêm kia Trang-vương dương yến âm ca võ tại trong cung, xảy đầu nghe trong mình cửa ngáy khó chịu, gãi tới đầu thì lan ra tới đó, giãy lâu thành như người say rượu điên cuồng. Sáng ra thấy thành chừng ghê lở phung cùi, dầy mình máu mủ gớm ghê, rách da thấy hở ra gân cốt, đêm ngày lần thấy trâm-trọng, kêu trời la đất, tánh mạng hầu nguy ở sớm chiều.

Cái chứng bệnh kỳ-quái khác thường này, viện ngự-y không biết đường nào hạ thủ khai phương, mà các cung tần cũng khó chịu với mùi tanh thúi. Bá-Nha vương-hậu kíp sai viên thái-giám điện Hoài-an đi triệu hai nhà phò-mã, thì họ đang ham vui tửu-sắc, chẳng ngó nhìn đến ngự-thê đức vua.

Các quan văn võ trong triều đều lấy làm lạ, và van nhứt có chuyện bất hủ (le Trang-vương sẽ thăng hà).

## 17. — TRIỀU-ĐÌNH YẾT BẢNG CHIÊU THẦY

Đối với chứng bệnh nguy hiểm của đức vua Trang-vương, viện ngự-y đã hết kế y-trị. Triều đình bèn hội nghị, phóng bảng yết thị ra ngoài đô-môn, dặng chiêu dụ danh-y tứ phương, hề kể nào điều-hộ dặng thánh-thê an-khương, triều-dinh sẽ luận công trọng thưởng, là truyền trao cho ngôi đại iu dặng nối trị giang san sau khi đức vua muôn tuổi châu trời. Bảng ấy yết ra, một người truyền trăm, trăm người truyền ngàn ngàn người truyền muôn, đồn - dãi khắp nơi, kinh giác tới Hương-sơn thánh-cảnh. Phật bà Quan-âm nghe tin ấy, hay rằng phụ-vương nhiễm bệnh hiểm-ác, thì trong lòng xiết dỗi kinh-boàng, nghĩ đạo làm con trước phải đền ơn sanh-thành, chẳng ở lúc này thì còn chờ dịp nào nữa? Nếu mình không tới cứu cho gấp, thì e có sự hiểm-nghèo.

Ngài nghĩ vậy rồi liền sai một đồ-dệ, kóa thân làm một vị sai già, giá vụ dặng vân, chỉ nẻo kinh-thành Hưng-lâm bay tới, ghé dưới tấm bảng, ngó qua một lượt, rồi ngược mặt lên trời mà cười khà-khà, làm cho công-chúng trong thành đều ngó trản vì thầy sai già ngộ như vậy. Sai bèn hạ tấm bảng xuống, lột lấy miếng giấy yết-thị, dút vô bọc áo, rồi xây mình trở đi.

Linh canh bảng thấy chuyện ngạc-nhiên, thì lớn tiếng la ó.

— Lão sãi diên kia làm bậy! Đó là bảng yết thị cần thầy thuốc có danh dặng sửa bệnh dặng vương-thượng, dẫu từ các quan Thái y viện cho chí các nhà danh-y thiên-hạ, đã phần nhiều dặng toa hốt thuốc, còn chưa có hiệu quả gì thay; huống chi nhà người là một thầy sãi diên khùng, coi bộ rách rưới lòi thối như vậy, sẽ mần chi dặng, mà dám cả gan làm bậy, không sợ chết sao?

Sãi nghe lời tui linh nói khinh khi mình, thì mĩn miệng cười mà trả lời rằng :

— Dọn người biết gì đâu! sãi già này xuất gia ba chục năm nay, luyện được linh đơn thánh dược. Ngày nay đi vân du thiên hạ, phổ cứu cho người thế gian đã khởi tử hồi sanh cho bệnh nhơn kẻ có hăng hà sa số. Các người bầy về triều tâu qua vương-thượng thể dề cho sãi già này một phen thí-nghiệm, vâng phép Phật đem nhánh dương-chi vậy khoa tịnh thủy, vương-thượng sẽ nhờ ơn Trời Phật mà dặng lành mạnh như thường.

Tui linh nghe sãi nói ra pháp-thuật cao kỹ thì chẳng dám làm thính, bèn đem chuyện về phủ Thừa tướng phúc bẩm.

## 18. — QUAN-ÂM HÓA PHÉP SỬA BỊNH

Thừa-tướng Triều-Chấn nghe được chuyện linh canh hồi báo, liền vô tâm-diện liền hô vạn tuế mà khải tấu rằng ;

— Muôn tâu bệ-hạ, tại ngoài ngọc-môa có một vị thần-tăng từ phương xa lại đây, hạ tấu bằng chiếu y xuống, chung ra những thủ-đoạn được thần thông thánh, có thể làm được khô-cốt hoàn hồn. Có lẽ phước-tò của bệ-hạ còn đáng cứu-trường, cho nên trời Phật khiến ra, đáng có thần-y lại điều-hệ vậy. Cúi xin bệ-hạ giáng chỉ tuyên triệu, thí nghiệm được-phương, may có thành hiệu chẳng.

Trang-vương nghe lời Thừa-tướng tâu bày, thì mặt rờng hết sức vui-mừng. Tức thời sai cung-sứ tuyên triệu ông sãi già kia vô trước long-sàng, ân-cần cố vấn :

— Y-tăng từ phương nào lại ? họ tên là chi ? thọ nghiệp ở danh-sư là người nào ? hãy nói cho quả-nhơn đặng rõ.

Sãi già phủ-phục tại trước long-án, cung-cần tâu rằng :

— Muôn tâu bệ-hạ, Viên-Thông Tất-Đạt ấy là y-dược tổ-sư của tiền-tăng, hiện có đồ-đệ năm ngàn người, sai đi phổ-tế thập phương thế-giới. Tiền-tăng thì đạo hiệu Quang-Minh Tạng, tức là một tên đồ-đệ của môn dược-sư. Nay xa nghe thánh-thê vi hòa, vậy vâng sư-mạng tới đây phụng thí thang-dược.

Trang-vương dinh-ninh yên ủi, mặt rờng hòa dịu, ban lời ngọc mà phán nhủ cho sãi nghe :

— Nếu y-tăng dụng tâm điều hộ cho quả-nhơn đặng lành mạnh như thường, thì quả-nhơn sẽ hậu tạ bằng bạc vàng châu báu chẳng thiếu gì, và phong làm trấn-quốc Thiên-sư đặng đồng thống chương non sông trăm năm ngàn thuở.

Sãi già nghe lời vua phán, tỏ bộ không vừa ý mà tâu lại rằng :

— Lời ngọc-dụ của bệ-hạ ngày nay, đối với kim-âm trên bằng chiếu y lại trái hẳn. Vì trên bằng nói : « Hễ kẻ nào sửa đặng hết bệnh, thì sẽ truyền ngôi vua cho » kia mà. Nay bệ-hạ lại trở ý phán rằng tạ bằng châu báu bạc vàng, còn non sông sẽ trao cho người khác. Tuy tiền-tăng là kẻ sĩ phương ngoại, có ham chi phú-quí mùi đời, nhưng ở bệ-hạ một lời thử thủy vô chung, đó không phải chơn tâm cầu được, thì tiền-tăng e rằng bệnh ấy không thể hết đặng, mà đem lại số mạng

vô-thường. Như bệ hạ được phương thuốc trường sanh, còn sung sướng hơn là một đời làm ông vua sống. Huống chi phương thuốc này chẳng dễ-dầu kiếm được, vì thần-dơn của tiên-lăng ở cầm nang đó, cần phải cầu lấy con mắt, bàn tay của một vị Tiên Phật làm thang.

Trang-vương nghe sãi nói câu chuyện hoang đường, thì phát giận mà quát rằng :

— Ai mà nghe được câu chuyện nhà người nói gióc như vậy. Tiên Phật nào chịu cho con mắt làm thang thuốc bao giờ? mà nhà người dám dùng yêu-ngôn cò hoặc trảm đây, tội khó dung dặng!

— Cúi xin bệ-hạ bớt giận, tiên tăng dám chắc rằng chuyện ấy cũng không khó gì, vì sẵn lòng cứu-khở cứu-nạn cho người đời, vẫn là đại-đức từ-bi của Tiên Phật vậy. Hiện nay có đức đại-thành ở Hương - sơn ngài phát nguyện xả thân tế thế, nếu bệ hạ sai quan tới cầu, chỉ dùng một hộp nhang trăm-đàn cúng-dường, ngài liền bỏ ra con mắt cánh tay phía tả dặng điều trị thánh-thê.

Hương-sơn cách đây ba ngàn dặm, Thừa-tướng Triệu-Chấu nghe được chuyện ấy, ông liền đem dạ trung thành mà tình nguyện phụng-chỉ tới cầu. Triều-dinh chuẩn cấp võ-sĩ tùy hành, nhứt dạ kiêm trình, chỉ nẻo Hương-sơn tấn phát! Còn sãi già thì cầm lại đó, vì e rằng y lỡ nói gióc kiếm đường trốn đi chẳng.

## 19.— PHÒ-MÃ ÂM MƯU THÍ QUẦN

Triệu-Thừa-Tướng phụng chỉ qua Hương-sơn, ba ngàn dặm đường dài, chưa biết ra sao, hãy gác lại đó. Đây nói về chuyện Hưng-lâm nội biến, xảy ra tại giữa vương-cung. Số là hai cung Phò-mã Triệu, Hà thấy Trang-vương bịnh nguy, mà không có vương-tử nối đời, bèn nóm ra lòng bất quĩ: quán thông với viên thái-giám Hoắc-Lễ và tên thương đầu Xách-Đáp, mưu dâm chết thầy sãi và dùng thuốc độc bỏ cho Trang-vương thăng-hà. Rồi khi ấy trong nước vô chủ khó yên, non sông sẽ chia hai cùng hưởng.

Thần-nhĩ của Phật bà Quan-Âm đã nghe trước mưa ấy, liền sai Du-Dịch Thiên-thần tức thời qua Hưng-lâm quốc dùng phép bảo-vệ vương-cung, dặn dõ thuốc độc đi, và bắt



hai tên ngự-dãng Hoắc-Lễ, Xách-Đáp giải qua cửa cung Tả-thuận trình nạp.

Du-Dịch Thiên-thần khám phụng pháp chỉ, y kế thi hành. Quả nhiên nhằm thời khắc canh ba, Hoắc-Lễ gõ cửa cung tàu dâng chén thuốc, mạo xưng là của Huệ-thượng đưa lại, uống vào có thể tiêu độc bớt đau. Du-Dịch Thiên-thần thế làm cung-tỳ, đón lấy chén thuốc dở đi, mà đem vị thuốc nước nhũ-hương đổi vô, dâng cho vua uống. Xách-Đáp thì thừa cơ định đi đâm chết thầy sãi, xảy nổi lên những tiếng ồn ào la ó. Hoắc-Lễ vội vã chạy trốn, bị Thiên thần bắt lấy trói lại, Xách-Đáp cũng bị Thiên-thần khóa tay. Mùi thuốc độc xặc xua xông lên, làm say té năm tên lính thị-vệ. Khi ấy trong cung lao-nhao lộn-xộn, làm kinh động đến đội Cầm-y, viên đại-tướng ra hiệu chỉnh quân, vây cung bắt kẻ gian-dãng giải nạp trước cung Tả-thuận, tàu trình việc ấy cho đức vua hay. Tức thời lập bàn hầu tra, đem hai tên cung nhưn Hoắc-Lễ, Xách-Đáp ra tẩn kê nào dạy bày hành thích thầy sãi, kẻ nào dạy bày đầu độc thí vua ? Phải một một cung ra, không thì sẽ bị cạy hình khảo đá.

Hai tên hung phạm coi mọi không thể ăn mặc đặng, liền hai miệng một lời, đem tình tiết cung xưng, khai đồ cho hai vị phò-mã Triệu, Hà hiệp mưu hành gian, trao kế thi thiết, ước rằng sau khi thành sự, sẽ phong làm dực-đái công thần.

Trang-vương ngự lâm đơn cung, liền nổi giận lôi đình la mắng hai đứa tặc-tử. Sáng ra bèn triệu hội bá quan văn võ, hạ đình nghị xử án hai đứa gian tặc Triệu, Hà.

## 20.— SAI QUÂN TRÓC NÃ GIAN TẶC

Triều-dinh hội nghị tội án gian tặc khi quân, trước hết điềm quân Võ-lâm, tướng-quân lãnh ba ngàn binh mã phủ vây hai dinh Hà, Triệu bắt hết gia quyến, không cho trốn thoát một người nào.

Tướng sĩ vâng mạng khởi hành, kéo quân tới hai phủ Triệu, Hà, trống chiêng nổi lên chia toán vây kín bốn mặt. Hai chàng phò-mã biết không thể thoát tội, đều lấy mười hai thước lụa đỏ, treo lên xà nhà thất cô, tự xử lấy mình. Tướng-quân cắt lấy thủ cấp đệ nạp về triều. Triều-mạng đem bêu ra giữa đô-thị, và hình dùng lăng trì xử tội hai tên

đang áo là Hoắc-Lê và Xách-Đáp, dựng rương kẻ làm tội bất trung.

Còn hai công-chúa Diệu-Thanh, Diệu-Âm cũng đều biết mình không tránh khỏi tội trời, bèn cầu cứu ở mẫu-hậu. Bà-Nha vương-hậu ghé tới ngự-sàng năn-nỉ, tâu xin Trang-vương doái tình cốt nhục mà xá tội cho con, vì tội ác ở hai thằng chồng, chớ hai con gái mình nó không tham dự mưu ấy.

Trang-vương nín thinh suy nghĩ : vì nước nhà bạc phước, chỉ sanh dựng ba đứa con gái, thì trước đã chết oan mất một đứa rồi, còn hai đứa này, có lẽ lại chu-di cho hết hay sao? Vậy ngài chuẩn cho tạm cầm vô chốn lãnh-cung, chờ sau khi sự định sẽ nghĩ.

Hai công-chúa ở nơi u cấm, xót thân tội phạm, mà than thở với nhau rằng :

— Chồng mình làm chuyện vô lương, đề liên lụy đến thân bồ-liễu, cái tội bất trung bất hiếu, chạy đâu cho khỏi vạ trời. Bây giờ đây mới biết tình là đây oan, mà rút cuộc tu là tội phước. Nhưng em ba mình đã từng hiểu qua lẽ đó, mà sao cũng chẳng khỏi thác oan? Cái thân dày dạn kiếp trần, nghĩ đến nỗi nghiệp duyên mà ngán! Em ba hỏi tuổi vàng có biết! Linh hồn rày phiêu lạc nơi đâu.

Nói rồi, sùi-sụt khóc vui, đồng té nhào xuống đất mà chết giắc. Ba hồn phất-phưởng, kinh động đến vị Thổ-thần, ngài mới báo cho hay rằng :

— Em ba của hai người chẳng phải chết đâu, nay đã thành Tiên, mà hai người không biết đó. Hiện giờ đương hóa phép sửa bịnh cho vương-thượng, rồi sau này sẽ độ cho hai thân và hai chị siêu thăng cõi Cựu-lạc, vẹn tròn quả phước vô lượng vô biên.

Nói rồi, xô cho tỉnh ra, hồn lại phụ xác, té ra hai chị em chung một đềm mộng, thuật lại không sai một chút nào. Từ đây hai chị em đồng phát thệ tu-hành, quyết chí qui-y Phật pháp, tụng kinh niệm kệ, trông cho tới cõi Bồ-đề.

## 21.— TRIỆU-TUỐNG CẦU THUỐC ĐEM VỀ

Trang-vương xảy gặp chuyện nội biến lạ dường, ngài càng phiền-não trong lòng, nên bịnh-tình càng thêm trầm-trọng, chỉ còn trông được Hương-sơn thánh-duyệt, hoặc có thể cải tử hoàn sanh dựng chưởng.

Nói về chuyện Thừa-tướng Triệu-Chấn vắng quốc mạng qua Hương-son, chẳng dám trễ nhác, đêm ngày đi gấp, chẳng mấy lâu tới nơi dặm bằng ba ngàn. Bèn sửa soạn lễ nghi, tấn yết tòa thánh, dâng quốc thư bạch chuyện quốc quân bị bệnh, y-tăng dùng thuốc, khẩn cầu được thần thủ thần nhơn làm thang.

Phật bà mở quốc-thư ra coi, rồi ngài phán rằng :

— Sứ-thần ! ta nói cho nhà ngươi hay : Ta mấy năm tu luyện tại đây, vẫn phát thệ xả thân cứu thế. Nay chúa ngươi bị bệnh kỳ-quái, thuốc thần khó trị đặng hết thay. Vị y-tăng ấy tức là thuyên bát-nhã chở người, mở đường hào sanh cho nước nhà ngươi đó. Nếu có bề lợi-ích cho quốc-gia xā-lắc, đầu bao-lồn một miếng da, một sợi tóc, ta có tiếc làm chi.

Ngài nói vừa dứt lời, liền mở hộp lấy ra một mũi dao bén như nước, lệ tay khoét ra một con mắt và cắt lấy một cánh tay đều ở phía tả, máu chảy đầm-dề đầy đất, coi màu tươi như sắc trầm hương, đoạn rời sai đồ-đệ bưng ra, trao tay cho sứ-giả.

Triệu-tướng cúi đầu năm lạy lãnh lấy, dựng vò một chiếc chậu vàng. Rồi đó khẩn tạ từ ân, và bái biệt tiên-dung-mà trở đường về nước.

Đã được hoàn nguyện, lòng trông về của Triệu-tướng lẹ như tên bay, ngày nắng đêm sương, ruid giông ngựa gió xe mây, xông pha rừng xanh núi đỏ, không từ gian lao hiểm-trở, chẳng mấy lâu đã về tới quốc-dô.

Được tin báo về triều, vương-hậu cùng há quan ra ngoài thành nghinh liếp, mở chậu vàng ra thấy thần-thủ thần-nhơn y nguyên như sống, ai nấy đều cảm động, mà sa nước mắt đầm dề.

Ông sai thì lãnh lấy thần thủ thần nhơn đem về trại-phòng, điều-luyện thuốc-thang, xong rồi, đệ vò lẫm-cung dâng nạp và tâu rằng :

— Cúi xin bệ-hạ trấn tĩnh lấm lòng, nhắm hai con mắt lại, đừng nhìn ngó, đừng kinh hoàng, mặc dầu cho tiêu-lăng dùng phép điều-tễ, sẽ thấy có hiệu quả tức thời.

Trang-vương theo y như lời, sai cầm con dao nhọn súc lấy một mũi linh-dơn dề vò đầu lưỡi, miệng sai thì niệm câu chú Lăng-nghiêm, móm vò miệng đức vua, làm cho ngài

như say như mê, chẳng biết gì hết. Rồi dó sãi cầm dao cắt cánh tay tả của vua, và chắp thế tay thần vô; lại khoét con mắt tả của vua, mà lấp mắt thần vô. Xong xuôi đầu dó rồi, sãi lại mớm vô miệng vua một chút linh-đơn, làm cho ngài hồi tỉnh. Khi ấy ngài cảm thấy nửa mình phía tả lạnh mạnh như người vô bệnh, nhưng còn nửa mình phía hữu thì vẫn đau ngứa như xưa. Ngài mới năn nỉ với ông sãi rằng :

— Xin tôn-sư sửa cho đặng lạnh mạnh toàn thân, thì quả nợon cảm ơn ngàn năm không hết!

— Ông sãi tâu lại : Cái dó là lẽ tất nhiên vậy. Nhưng muốn cho toàn thân lạnh mạnh, thì lại phải cần dùng đến mắt hữu và tay hữu của đức thánh Hương-sơn. Chẳng phải tiêu tăng cố ý nghiên khe đầu, bởi nghĩ rằng quý thể của Tiên Phật chẳng phải vật thường, nên không dám một lần cầu lấy toàn thể. Nhưng đức thánh ngài đã phát tâm phương tiện, mà làm phước át làm cho trót nếu ngày nay sai quan khàn cầu lần nữa, ngài cũng lại cho liền.

## 22.— SAI SỬ CẦU THUỐC LẦN NỮA

Một viên quan cận thị tên Liệt-Khâm đứng chầu bên long sàng, nghe lời ông sãi Quảng-Minh nói vậy thì liền tỉnh nguyện phụng chỉ, qua Hương-sơn lần thứ nhì. Trang-vương khen dạ trung thành, tức thì truyền chỉ cho cung-giám chỉnh biện lễ vật nhang huê, khâm sai Liệt-Khâm phụng sứ qua Hương-sơn, khàn cầu thánh dược lần nữa.

Lần đi này thì có thâu tiên hộ-vệ, đường xa ba ngàn dặm chỉ đi có mười hai giờ đã tới nơi cửa động Phở-đà. Ngựa xe vừa đậu ngoài am, đã có một chú Đổng-lữ chực sẵn tiếp nghinh dẫn vô trong động.

Liệt-Khâm cúi đầu bái yết, trình lên quốc thư. Phật bà mở ra coi qua, hay rằng Hưng-lâm quốc-vương đã lạnh bệnh đặng nửa mình phía tả; còn nửa mình phía hữu vẫn nguyên đau ngứa như cũ, vậy nên lại sai sứ qua đây khàn cầu thần thủ thần nhõn lần nữa, trông đặng đội thánh ân từ-mẫn hoàn-toàn.

Phật bà mở lòng từ bi, lại vui vẻ khoét ra con mắt và cắt ra cánh tay phía hữu, trao cho sứ-giã, và ngài ân-cần phán dụ gởi lời cung chúc đại-vương vạn-thọ vô cương. Liệt-Khâm khấn tạ từ ân, và bái biệt về triều phục mạng.

Đã được Tiên-Phật hoàn toàn tứ phúc, ông sãi Quang-Minh lại dùng phép củ lần trước điều tể, chẳng mấy lâu thành thê bình phục như thường, rõ-ràng như đương trong thời-bậu mưa dầm mà một ngày nay quét sạch mây-mù, lại lộ ra một mặt trời hường ở giữa chốn thiên-không vậy.

Các quan văn-võ cả thấy đều dâng biểu triều hạ, đức vua Trang-vương bèn khai yến khao mừng. Trước hết truyền chỉ tuyền triệu Quang-Minh huê thượng lên đền, trân trọng ban lời vàng úy tạ, và hứa lời lựa ngày làm lễ tế các thiên địa và thái-miếu, truyền ngôi đại-bửu cho Huê-thượng, khám tặng tôn-hiệu là Pháp-vương trấn-quốc đặng thống trị giang-san muôn đời.

Huê-thượng mỉm miệng cười nhạt mà tâu lại rằng :

— Kể xuất gia tiêu-diêu tượng ngoại, miễn đặng vô câu vô thức, vô ưu vô lự, lòng chay thanh tịnh, cầu lấy thoát khỏi lụy trần là đủ, chớ có cầu gì danh lợi, mang lấy sự phiền não ở thế-gian làm chi ? Nay chỉ nguyện bệ-hạ phát chánh thi như, tôn hiền lễ sĩ, làm ơn cho dân chúng, khiến muôn phương nhớ được hoan lạc, ấy là sự bần-tăng hoàn nguyện mà thôi.

Nói rồi, bèn tung hồ vạn tuế mà từ giả đức vua. Khi ấy xảy dẫu có đám mây hương mọc ra ở dưới chơn, huê-thượng liền cỡi lên mà bay bỗng mù xanh, giầy lát đã khuất bóng rồi, chỉ thấy một bức tiên hương từ trên không rớt xuống, một vị quan văn lượm lấy, đem tấu trình ngự lãm, thì thấy trong đề một bài thơ tuyệt cú như vậy :

*Ta nguyện là vị Phật phương Tây,  
Cứu bệnh cho người vậy tới đây.  
Lời trước khuyên người mau sám hối,  
Tu dày quả phúc kiếp sau này.*

Trang-vương ngự lãm lời thơ, coi bộ mặt rờng vui vẻ, lòng vua suy nghĩ : chẳng hay tiên thân mình có công đức gì, đáng vì Thiên-tử trong đời, mà nay đặng vị Phật sống giáng lâm ủng hộ như vậy ? Và lại cảm đức đại-thánh Hương-sơn ban cho thần-thủ, thần nhữn, sửa lành chứng bệnh hiểm ác, đó là một chuyện kỳ ở thế-gian, ơn ấy dầu đời đời chẳng quên, lẽ nên thân giá báo tạ.

Rồi đó một bề sai quan thị-vệ sửa soạn xa giá, chỉnh tề phụng liên loan nghi ; một bề sắc cho cung-giám sắp sẵn các

đồ châu báu kim-ngân, ca-sa gấm tía thêu vàng, bình bát vàng ròng cần ngọc. Vương cùng hậu trai-giới, định ngài ngự giá, văn cảnh Hương-sơn.

Tới kỳ ngự-liễn xuất hành, điềm một muôn quân Võ-lâm, Chiêng trống vang dậy, cờ tàn pháp phôi, các quan văn võ hộ giá, Liệt-Khâm thanh đạo tiền khu, nghi trượng nghiêm trang, chỉ đường Hương-sơn tấn phát.

## 28. — YÊU QUÁI HÂM DÂM CUNG-NGA

Vương cùng hậu đã khởi trình giá hạnh Hương-sơn, dặm đường còn dài, chưa biết chuyện sau ra sao, hãy tạm gác đó.

Đây nói chuyện sau khi phò-mã Triệu, Hà phạm tội, can liên đến hai vị công-chúa Diệu-Thanh, Diệu-Âm bị u cấm trong lãnh-cung, trai-giới đêm ngày, tụng kinh niệm Phật, một phần kỷ đảo cho phụ-vương mẫu-hậu khương thọ, một phần cầu nguyện cho thân chị em mình được xá tội ra khỏi lãnh cung, thì phát thệ trường-trai tu hành, không còn dám hệ niệm đến mùi tục nữa.

Nào dè đâu trong khi hoạn nạn lại thêm ra một hoạn nạn nữa, mà xảy ra chuyện yêu-quái lại xam. Số là tại phương Tây có tòa chùa Linh-sơn, dùng giống linh vật canh cửa là một con bạch-tượng và một con thanh-sư. Nhằm thuở đức Phật Như-Lai đi phò yến bàn đảo, chúng mới thừa dịp lên ra khỏi cửa động, hóa hình làm hai chàng thiếu-niên phong nguyệt, đi dạo chơi trên đô-thị nước Hưng-lâm, tìm kiếm những con gái xinh đẹp ở nhơn-gian, dặng mà trêu hoa ghẹo nguyệt. Dạo khắp trong thành ngoài phố, thỉnh linh đi ngang qua lãnh-cung, vắng nghe hai vị công-chúa tụng kinh, thỏ thẻ luối oanh, dường như tiếng hát hay đờn ngọt. Khêu gợi tình dục, chúng liền nảy sanh ra dạ bất lương, dò hỏi hai vị Thổ-thần, sự tình trong cung thuở nay thế nào, biết được tổ tướng hết thảy. Rồi đó chúng biến hình làm Diệu-Thiện công-chúa, gõ cửa cung kêu hai chị mà mạo lời thăm hỏi rằng :

— Mấy năm ly cách, hai chị nhớ ơn Trời Phật dặng mệnh giỏi chăng? Em từ khi mang tội với phụ-vương, bị phạt thất cô, hồn về âm-phủ, nhờ được một vị pháp-sư cho thuật trường-sanh, mặc ý du hành, khắp nơi thiên dằng địa-ngục. Nay thấy hai chị bị cấm lãnh-cung cực khổ, vậy lại đây rước

hai chị lên trời. Xin hai chị nhắm mắt nín thinh, đừng em lam phép đem ra khỏi lãnh-cung, rồi đó mặc ý tiêu điều tự tại.

Hai vị công-chúa tướng là tình thiết, y theo lời dặn, mặc dầu cho nó thi hành. Rồi đây hai con yêu nó lại biến hình làm hai gã thanh-niên, mạo xưng là cháu của Ngọc-hoàng, dẫn hồn hai công-chúa lên đánh non cao, ép phải kết duyên loan phụng. Bây giờ hai công-chúa mới hay là giống yêu quái, bèn lớn tiếng mắng rằng :

— Tội bây là giống giả-thú phương nào ? Mà giữa ban ngày dám mê hoặc người ta, tội trời không đấng đấng ! Huống chi ta đây là vị thiên kim công-chúa, mà bây cũng dám xâm phạm hay sao ? Nếu phụ-vương ta biết tình, sẽ lột da róc xương lấy đi đó.

Hai con yêu nghe nói thì kinh hoàng, chẳng dám làm bậy, phải chịu thả linh-hồn cho hai công-chúa về cung. Nó lại lên vô cung sau, kiếm đặng hai tên thế-nữ, rồi biến hình làm hai viên đội thị-vệ, giả truyền sắc-chỉ đòi đi hầu giả qua Hương-sơn. Hai tên thế-nữ chẳng biết làm sao, vội vả sửa soạn theo nó đi liền. Chúng dắt vô hang Vạn-huê, hai thế-nữ mở bưng mắt ra, mới thấy ra hai cái quái thanh-sư bạch-tượng, thì thất kinh chết giặc, mặc dầu cho chúng hăm dọa.

## 24.— TRANG-VƯƠNG GIỮA ĐƯỜNG BỊ KHỐN

Nói về xa-giá vương và hậu ngự-trình ruổi tới huyện Trưng-tâm, trụ tất tại hành-cung an dưỡng tinh-thần, xảy đâu tiếp được tin trong triều phi báo : tại lãnh-cung thất lạc hai công-chúa và tại hậu-cung cũng thất lạc hai thế-nữ, do yêu tinh tác quái bắt đi. Vương cùng hậu chẳng biết làm sao, mới tính ruổi gấp tới Hương-sơn, đem chuyện bạch với đức thánh, dặng xin ngài tâu lên Thượng-đế, cho phép trừ yêu.

Hai con yêu thần-thông biết uoi nên bàn với nhau rằng : Nếu tiết-lộ sự-cơ, đến tai Thượng-đế ngài hay, thì bọn mình ắt bị tội nặng. Chi bằng kiếm thế cản trở xa-giá, bắt cả vương và hậu nước Hưng-lâm cầm lại, làm bặt tin-tức, sẽ chẳng biết họ tên bọn mình là chi mà điều-tra.

Chú-ý của chúng đã định, bèn làm ra một cơn dông-tố âm-âm, mây đen kéo tới mù-mịt, đón đường xa-giá, bắt vương và hậu cầm tại trong hang núi sâu.

Khi ấy tại nước Hưng-lâm, thừa-tướng Triệu-Chấn mắc đi kiếm thể trừ yêu, vương-thượng thì bắt tin-tức, trong triều vô chủ, thành ra rối loạn lung-tung. Con trai của Hả-Phụng là Triệu-Dương thừa dịp chiếm cứ kinh-thành, đổi đặt văn võ bá quan, tiến ngôi đại-bửu, không người đối-dịch, nước Hưng-lâm thành một cuộc cách mạng thình lình.

Tại Hương-sơn thì Phật bà Quan-âm vàng mạng đức Thượng-đế sai đi kinh-lược mười tám động, chỉ để có hai đồ-đệ là Thiện-Fải và Long-nữ ở lại coi động mà thôi. Ngày kia Thiện-Tài ở ngoài thỉnh-nhàn, mới biểu Long-nữ rằng :

— Tội mình thử đi lên núi chơi, ngó coi bốn bề thế-giới có cảnh gì mua vui dặng chẳng ?

Đã biểu đồng-tình, hai người mới dắt nhau lên đánh núi cao chót vót, buông tầm con mắt, ngó suốt bốn bề, thấy về phận-giã nước Hưng-Lâm, trên thì khí yêu nhân bốc lên ngất trời, dưới thì bóng xe ngựa lằng xằng đầy đất, thì lấy làm quái-lạ, mà biểu nhau rằng :

— Hưng-Lâm là nước cha mẹ của sư phụ mình, chẳng hiểu có sao, mà trong nước vô chủ, đề đến đời lộn-xộn như vậy ?

Bởi trong lòng nghi-dị, nên tức thời xuống núi, kêu vị thần Thổ-dịa, cầu-dẫn về việc coi giữ trong am, rồi hai người giá vũ dặng vân, đi tới tận nước Hưng-Lâm, dặng dò thăm tin-tức. Tới nơi liền kêu vị Thổ-thần trong thành hỏi thăm duyên-cơ, vị Thổ-thần mới đem những chuyện quốc-biến xảy ra trên đây trình-bày, và xin hai vị thiên-tiên đừng nên tiết-lộ sự-cơ, cần phải mau thỉnh thiên-binh, mới có thể khu trừ được yêu-quái.

## 25. — TÀU TRỜI XIN BINH TRỪ YÊU

Thiên-Tài và Long-Nữ hay được chuyện ấy, lại liền dặng-vân giá vũ lên trời, đem tinh binh tàu với đức Ngọc-hoàng, xin ngài xuống chỉ sai binh, dặng diệt trừ yêu quái.

Đức Ngọc-hoàng chuần tẩu, tức thời truyền ngọc-chỉ cho mười hai vì sao Thiên-can điềm thiên tướng đốc suất một muôn thiên binh, sáu tay, ba đầu, miệng phun ra lửa, đem đủ đồ gươm báu chém quỉ, nộ thần trối yêu, Hung-thần Ác-sát khua trống trời, thẳng chỉ phận-giã nước Hưng-Lâm hạ giáng, do Thiện-Tài và Long-Nữ điều khiển quân lính, chinh tiểu hai con Bạch-tượng, Thanh-sư.



Lúc này hai con yêu đang ở trong bang Vạn-hoa, đùa cười giỡn hót với hai thế nữ, xảy nghe thủ hạ là Ngao-tĩnh cấp báo tin động, ngược đầu ra ngó, thấy thiên-binh từ trên không sa xuống đầy non, nó đều hoảng hốt vội vàng, Bạch-tượng mang giáp sắt-lạng, Thanh-sư đội mũ giải-sại, đem mười mnôn yêu chúng, đối địch với thiên binh, hai quân giao phong, một trường oanh-liệt, quân Thanh-sư bị Thiệu-Tài phóng hỏa đốt cháy, quân Bạch-tượng cũng bị Long-Nữ dùng nước ngập tràn, hai yêu đều thua, cong đuôi chạy dài như gió.

Nói về chuyện Phật bà Quan-Âm phụng chỉ đức Ngọc-hoàng đi thâu yêu mười tám động, về tấu thành công, Ngọc-hoàng ban yến đã rồi, bèn bãi tạ thiên-ân, cáo từ trở về Hương-sơn thánh-cảnh. Khi Phật-giá đi trên mây ngó xuống, thấy phật-giá nước Hưng-lâm rối loạn, ngài đã đem tri thần-thông xét biết hết thủy tinh-hình, liền quay xe hương trở lại phương Tây, bạch đức Phật Như-Lai về chuyện hai sức sanh Thanh-sư Bạch-tượng tác quái khuấy rối nước Hưng-lâm, làm hại cả cha mẹ cùng hai chị mình và bá quan văn võ. Đức Phật Như-Lai liền cho phép ngài điềm Phật-binh thâu phục yêu quái. Ngài lại biến hình làm Quang-Minh huê-thượng hồi trước, dẫn xuống hạ giới chinh yêu.

Tới nơi thì thấy hai đồ-đệ Thiệu-tài và Long-Nữ đã đánh đuổi được Thanh-sư, Bạch-tượng rồi, ngài bèn tới hang núi cao, cứu giá vương và hậu. Vương hậu đã thoát ra khỏi nơi nguy hiểm, ngài hiện thân Quang-Minh huê-thượng từ giả về núi; bèn kia thì quân Võ-lâm hộ giá về triều.

Ngư-giá về tới ngang đường, gặp Tiên-phong tướng-quân Hốt-tất-Liệt đón trước xe loan, tấu bày về chuyện tác-tử Triệu-Dương phản quốc soán vị. Trang-vương giáng chỉ sai Hốt-tất-Liệt đi cùng đại tướng-quân Chu-Kiệt hồi binh đánh giặc, bắt được Triệu-Dương chánh pháp hành hình. Đã thâu lại cơ đồ rồi, hai tướng mới đem quân rước xa giá về triều phục vị.

## 26 — QUAN-ÂM GẶP MẶT CHA MẸ

Trang-vương trải qua mấy hồi biến-cố, thọ mạng hầu dứt, quốc-tộ hầu nguy, đều nhờ ơn đức thánh Hương-sơn bảo toàn đức hậu công cao, chẳng biết lấy chi báo đáp. Ngài bèn phú

cho Thừa-tướng Triệu-Chấn ở triều giám quốc, dựng ngài cùng vương-hậu và hai công-chúa Diệu-Thanh, Diệu-Âm sửa soạn nghi vật, ngự giá thân hành tới Hương-sơn bái thánh-ân :

Phật bà Quan-Âm từ khi cứu giá trở về, vẫn chắc rằng lâu mau gì phụ-vương và mẫu-hậu cũng sẽ tới Hương-sơn này tạ lễ. Ngày kia ngài ngồi rảnh trong động, bỗng làm con mắt tuệ ngó ra thế-giới, thấy xa giá Trang-vương ruổi lệ như gió, bèn vội vả sai Thiện-Tài bày hương-án tiếp nghinh thánh-giá, mà mình thì hóa thân làm một vị Vô-quang ngồi thom lỏm tại trong rèm châu.

Xa-giá tới nơi cửa am, gởi lời tiêu đồng thông báo, rồi vương cùng hậu bày ra các đồ bửu-bối, dâng lễ kiền thành.

Trong khi bái yết tiên-nhan, vương-hậu ngó thấy tiên-cô tướng mạo phi phàm ; mà dung-quang in hệt như Diệu-Thiện công-chúa, bà chẳng dè ứa hai hàng lệ, tỏ ý ngậm ngùi. Tiên-cô ngồi trên tòa sen, mỉm miệng cười thắm, rồi bước xuống tòa, cúi đầu lạy cha mẹ và dâng lời tạ tội :

— Con bất hiếu trái mạng cha mẹ, trốn tránh tại đây, từ lâu thiếu lễ thần hôn, mang tội nhiều lắm ! Cha mẹ cũng coi con như giọt máu rơi vậy, cần chi mà nhọc xe giông ruổi tới đây ?

Vương và hậu hỏi đến lịch sử từ khi ly-biệt tới rày, thì Phật bà đem hết các chuyện : Phụ-vương truyền mạng xử-tử, rồi Ngọc-hoàng sai sơn thần hóa cọp công ra khỏi pháp-trường, bỏ xác tại dưới gốc cây thông . . . . . Hồn về cõi âm, Diêm-la-vương sai quỷ-sứ dẫn hồn đi dạo chơi các lần địa-ngục, thấy các loài chúng sanh phải chịu những tội luân-hồi khổ-não . . . . . Rồi lại dẫn hồn về gốc cây thông, khiến cho nhập xác . . . . . Kể gặp dạng đức Phật Như-Lai ban cho trái tiên-đào, chỉ nẻo cho con tới nơi Hương-sơn tu hành chín năm . . . . . Kết quả đắc đạo thành chánh-giác, được tôn làm Phật-chủ, pháp hiệu Quan - Âm, chưởng-giáo Hương-sơn này . . . . . Rồi hóa phép tế-độ chúng sanh, thâu phục ma-quái . . . . . Tường thuật đầu đuôi, tâu bày suốt một lượt. Kể lại nói tiếp :

— Đức Thượng-đế giận phụ-vương thuở nay làm nhiều chuyện oan-nghiệt, gây nên ác-nghiệp, nên ngài sai Ôn-thần giáng phạt bằng một chứng bệnh hiểm-ác, dựng mà quả báo ! Con chẳng dám tiếc tay và mắt, phải xả thân dạng cứu

bệnh phụ-vương. Lại khi phụ-vương cùng mẫu-hậu bị hai con yêu Thanh-sur, Bạch-tượng hãm hại trong động núi cao, con cũng phải xin phép đức Phật Như-Lai, mà hóa thân cứu giá. Phụ-vương và mẫu-hậu hẳn còn nhớ thầy sãi già hai lần xuất hiện mà xưng hiệu là Quang-Minh huê-thượng đó, chính là mình con biến-hiện ra đây. Đó là con cảm ơn chín chữ cao sâu, nên miễn rồi bổn-phận làm con trong một phần muôn vậy, dầu xương mòn thịt nát dầu dăm kê công. Có điều cúi xin phụ-vương từ đây đừng ép con lấy chồng, nên rộng dung cho con ở đây tu-hành, cho tròn công-quả.

Trang-vương nghe Phật bà thuật lại chừng ấy câu chuyện, thì trong lòng cảm động vô cùng! Lại thấy ngài vì cha mà thành không mắt không tay, thì càng như cắt ra từng khúc ruột! Hai công-chúa Diệu-Thanh, Diệu-Âm mới hỏi :

— Như em xả thân cứu bệnh cho cha, lòng hiếu ấy dễ mấy ai bì kịp! Song ngày nay em đã tu thành chánh-quả, đủ phép thần-thông, cứu khổ cứu nạn cho đời còn được thay, hưởng chi là bệnh-hoạn, của mình. Vậy em có phép chi có thể sửa cho lành mắt lành tay lại đặng?

— Phật bà đáp : có thể sửa đặng, nhưng cái đó là Trời Phật đề dành phần sấm hối cho cha mình vậy. Nếu ngày nay cha mình phát tâm sám-hối, kiên thành cầu nguyện Trời Phật thì mắt và tay em sẽ lành lại tức thời.

Theo như lời ấy, Trang-vương liền truyền chỉ lập đàn chay tại trên đỉnh núi Hương-sơn, hiệu triệu tăng-đạo tuyên kệ tụng kinh. Vương cùng hậu và hai công-chúa đều tu trai bảy ngày đêm, kiên thành lễ bái, cầu trời khấn Phật, nguyện phủ-hộ cho Quan-Âm Diệu-Thiện được tay mắt nguyên lành. Cuộc lễ vừa tan, thì Phật bà quả nhiên nảy sanh ra hai tay hai mắt, dung nghi chỉnh hạ, chẳng khác chi ngày bước ra, vả thêm có phép Phật nhiệm mầu, tinh-thần lại càng hoạt-động.

Bấy giờ Trang-vương mới thấy đạo Phật quảng-đại, phép Phật thần-thông, thì lòng ngài hoan hỷ mười phần, mà ngàn cho mùi đời phú-quí vinh-hoa, chẳng khác gì đám mây nổi, mà còn gây nên tội ác, chịu những điều phiến-não cõi trần. Vậy ngài triệu hội các quan văn võ tại hành cung hiệp bàn, sai quan Hàn-lâm thảo tờ thiện-chiếu, trao ngôi cho Thừa-tướng Triệu-Chấn, mà ngài thì ở Hương-sơn tu hành. Vương-hậu và hai công-chúa cũng biểu đồng-tình, một nhà đồng tâm theo đạo, trông rằng vẹn tròn quả phước, ngày sau thành Phật chứng kim-thân.

## 27. — MỘT NHÀ PHƯỚC-QUA ĐOÀN-VIÊN

Nhắc lại chuyện hai con Thanh-sư Bạch-tượng từ khi hưng yêu tác quái, khuấy rối cung quyền nước Hưng-lâm, bị Thiện-Tài Long-Nữ thỉnh thiên binh đánh đuổi chạy xa, ngày nay đức Phật Như-Lai dùng phép bắt về, mới đem ra hỏi tội :

— Tội bầy đã gọi thân cửa Phật, mà chẳng giữ thanh-qui, lại đi phá giới tham dâm, phạm những tội đại-gián, đại-ác. Huống chi Hưng-lâm là nước cha mẹ của vị Hương-sơn giáo-chủ, bầy há chẳng biết hay sao ? mà dám cả gan làm càn, bầy thiệt là đũa vô thiên vô địa vậy ! tội ấy chiếu luật phải cầm vào A-tỳ ( vô gián ) địa-ngục, dùng binh ván đá dè nát cái thân, không kiếp nào được hồi sanh, đặng làm lệ răn cho kẻ khác.

Phật-chỉ đã giảng. Minh-vương hầu vâng phép thi hành. May nhằm kỳ Phật bà Quan-Âm triều yết Thế-tôn, ngài mới đem lòng đại-từ đại-bi mà bạch với Phật :

— Cầu bạch đức sư phó ! kẻ súc sanh mạo phạm thiên-diên, dầu trăm ván đá ép thân, cũng chưa hết tội ! Song kẻ đệ-tử trộm nghĩ : Phật-giáo lấy từ bi làm gốc, hãy nên mở đường sám-hối cho giống hữu-tình. Vả chẳng, kẻ đệ-tử đưng muốn mở rộng đạo giáo tại phạm-vô Hương-sơn, vâng phép Phật mà phò độ cho cha mẹ và hai chị, chẳng muốn vì chuyện nhà của kẻ đệ-tử, mà thi hành trọng phạt cho giống súc-sanh. Vậy cúi xin sư-phó mở lượng từ bi, khoan dung cho chúng một phen, và cho phép kẻ đệ-tử lãnh chúng đem về Hương-sơn, vâng phép Phật diêm hóa cái thân, khiến cho chúng sau này cũng theo về chánh quả.

Đức Thế-Tôn khen đức độ cửa Phật bà Quan-Âm là hợp đạo từ-bi quảng đại, vậy ngài chuẩn y như lời. Phật bà bái từ Thế-Tôn, lãnh lấy Bạch-tượng Thanh-sư, đem theo về núi. Về tới cửa động, hai vị công chúa Diệu-Thanh, Diệu-Âm ngó thấy hai con súc-sanh Bạch-tượng Thanh-sư, chẳng dè tâm-hỏa bừng lên, dường muốn nuốt sống nó đi vậy. Vì bị nó hằm hại thuở trước, ngày nay lại gặp, chùng muốn róc xương rút gân, mới tiêu được nư giận trong lòng. Phật bà Quan-Âm bèn khuyên giải rằng :

— Đạo Phật lấy tịnh làm chủ, hề là người quân-tử thì obằng nghĩ ác cũ làm chi. Ngày nay cả gia quyến ta đã cùng

theo đạo tu-hành, đều nên dập tắt tâm hỏa, khiến cho thanh lương sanh ở trong dạ, tự nhiên có bề lạc thú vô cùng.

Từ đây cửa Phật bao la, dung đậu một đoàn hòa khí, vương cùng hậu và hai công-chúa đều nhứt tâm vui đạo, nhờ có Phật bà Quan-Âm diềm-hóa, chẳng bao lâu đã thành nền phước-quả đoàn-viên.

Tức thành đã thấu tới Trời, ngày kia vị Thái-Bạch Kim-tinh phụng sắc-chỉ của đức Ngọc-hoàng-Thượng-đế ban tới Hương-sơn thánh-cảnh. Đồng gia bày hương-án nghinh-tiếp, mở ra tuyên-độc, trong lòng sắc phong tặng đồng gia liệt vị như vậy :

Sắc phong Diệu-Thiện làm Quan-Âm Phật, ban cho kiểm-liên pháp-toạ, toạ trấn Hương-sơn, làm một vị Cam-ứng linh-thần, thi hành đại đức từ-bi, cứu-tế khổ-nạn cho chúng-sinh Nam-hải.

Sắc phong Diệu-Âm là Văn-Thù Bồ-tát, cõi thanh-sur tọa trấn: cần khôn.

Sắc phong Diệu-Thanh làm Phổ-hiền Bồ-tát, cõi Bạch tượng du hành thế-giới.

Sắc phong Diệu-Trang-vương làm Thiện-Thánh Phật.

Sắc phong Bà-Nha hậu làm Huệ-thánh phu-nhơn.

Còn các đồ-dệ của Quan-Âm Phật là họn Đại-băng cùng Thiện-Tài, Long-nữ có công phù-trì Phật-giáo, đều được dự phong gia-hiệu, gọi ơn mưa móc Ngọc-hoàng.

Đó mới hay đạo trời chỉ công : dư-khương vẫn đề dành cho nhà tích thiện, duyên xưa dầy dạn, ắt có phước sau đời-dào. Mà kiếp tu của Phật bà Quan-Âm đã dày công vì nước vì nhà, đặc hiệu đặc trưng, phương-danh cùng binh-tích lưu-truyền, Hương-sơn thành một dấu Phật tại cõi trời Nam muôn thuở.

x

x x

Xét ra thuở Diệu-Thiện công-chúa vâng lời đức Như-Lai Văn-Phật qua tu hành tại nơi Hương-sơn thánh cảnh này nhằm buổi đời nước Việt-Nam ta nội thuộc Đường-Thái-tông Trung-Quốc, vào lối cuối thế-kỷ thứ bảy. Khi ấy kêu là động Phổ-đà đó, chỉ là một cảnh núi hoang hiu quạnh, gần nơi rừng tía, xa hẳn với chốn bụi hồng. Ngài là phong cốt Phật

sanh, độc tu ở cảnh giả-lam thiên-tạo mà thôi, chứ không có chùa chiền chi hết. Cho tới chừng ngài đắc đạo thành chánh-giác, nơi đó cũng vẫn nguyên là một cảnh thiên-tịch, người trần không ai đạo gót tục mà tìm đất được tới chốn thanh u đó bao giờ.

Trải qua trên một ngàn năm tới đời hậu Lê, nhằm triều Chánh-hòa (1680-1705) vua Hy-tông, mới có một vị lão tăng đạo hiệu là Huyền-Quang huề-thượng đi vân du tới cảnh Hương-son nầy thấy là nơi sơn thủy hữu tình, bèn lập một thảo am, đặt hiệu là Thiên-cù-tự (tục kêu là chùa Chò), mà trụ-tri ở đó. Ngày thường thì huề-thượng rẻ cây vạch cỏ, lội suối qua đèo, hành cước lần mò được tới động Non-Hương tức là động Phồ-đà của Phật bà Quan-Âm trụ-tri thuở xưa mà tức là tòa chánh điện Hương-tịch (tục kêu là chùa Trong) ngày nay vậy.

Huyền-Quang huề-thượng viên-tịch, sau hai chục năm lại có Hòa-khê thiên-sư nổi nghiệp tổ-đăng, truyền qua Thông-Lâm thiên-sư, Thanh-Quyết thiên-sư, lần lần mở mang Phạm-Võ, và hiệp đồng với công-dân hai làng Yến-Vĩ, Hội-xá, kiến trúc ra các chùa, các đền, lại do các quan địa-phương hai triều Lê, Nguyễn trông hai trăm năm lần lần tô điểm thêm ra, nên mới có những cảnh : đền Trình, chùa Thiên-chủ, chùa Tiên-san, chùa Giải-oan, đền Chấn-song, chùa Hương-tịch... non sông rạng vẻ, mà thành cảnh danh-thắng thứ nhứt trong cõi trời Nam ngày nay (lược thuật theo cuốn Hương-son Thiên-phồ).

« Núi có tiên thì nổi danh » và lại thiên tạo hiệp với nhơn vi, mà Phạm võ trang nghiêm thế nào .... phong cảnh kỳ vĩ thế nào .... Phật-tích hiển-ứng thế nào .... đã hiện hình ra cả trăm ngàn bài thi ca của các nhà danh môn cự-công tạo-nhơn mặt-khách cõ cặn đề vịnh đầy cả sườn non vách phần các nơi, và lại có cuốn sách *Chùa Hương-tịch* của ông Dương-tự-Giáp tường thuật và dẫn đường chỉ nẻo cho khách thập phương do các lối tới chùa. Các nhà Thích-tử và các nhà du-khách do đó mà khảo, và tới nơi lễ Phật viếng cảnh sẽ thấy. Còn ở cuốn sách nầy chỉ kỹ-thuật lịch sử *Quan-Âm xuất thế* là một Phật-tích phương Nam mà thôi.

# CHU'ÔNG III

---

## SÀI-LĨNH GIÁNG THẦN

(Thuật theo những sách : ĐẠI-VIỆT SỬ-KÝ, KHÂM ĐỊNH VIỆT-SỬ, AN-LĂNG THẦN-TÍCH SÀI-SƠN PHẬT-LỤC)

---

Cũng Phật, cũng vua, cũng Thần, cũng Thánh. Ấy là tiền-thân của một vị Đạn-tri Thiên-tử triều Lý, hay là hầu thân của một vị Hương-liên Thích-tử họ Từ ? Ấy là pháp-thân của một vị Thiên mô, Thánh-tồ chùa Thầy, hay là hóa-thân của một vị Thượng-đẳng Phúc-thần làng Láng ? Một thân viên thành bao nhiêu phúc-hỏa, do một đạo mà hoàn nguyện bao nhiêu thiện duyên. Cứ đem bửu-lục tra trường, thì thấy ngài là một vị chơn tu đắc đạo, pháp hiệp Đạo-Hạnh, đủ hình dung đạo-bạch cao thâm.

Ngày họ Từ, húy Lộ, thác sinh tại làng An-lăng (tục kêu là làng Láng), nơi huyện Thọ-xương (nay là huyện Hoàn-long, nội địa kinh thành Thăng-long (nay là thành-phố Hà-nội).

Thánh phụ húy Vinh, đời theo đạo Phật, làm quan triều Thần-võ (1069-1072) cuối đời vua Thánh-tông nhà Lý, tới chức Tăng-quan Đô-Sát. Thánh-mẫu Lăng-thị nằm mộng thấy một đóa sen hương mọc tại bàn tay tả, bèn thọ thai mà sanh ra ngài.

Ngài sanh ra sẵn có đạo cốt tiên-phong, mà tánh tình thì lỗi lạc xuất trần, hào mai bạt tục, nhưng vẫn chăm chỉ học vấn, mười mấy tuổi đã thi đậu Tăng-cang Bạch-liên-giáo, sớm nổi nôi tông-giáo nghiệp nhà.

Nói về thánh-phụ vẫn tinh thuật Bạch-liên, có phép

tàn lình, thường đêm lên vô phủ hoàng-thần Diên-thành hầu gian thông phu nhơn Phạm-thị, Hầu biết vậy mà không sao được. Nhưn thuở nay vẫn nghe danh Lê-đại-Điền là một nhà phủ-lục cao tay ở làng Dịch-vọng (làng sở-tại phủ Hoài-đức ngày nay ở ngoài cửa Đông thành Thăng-long), pháp thuật huyền diệu, bèn cầu dùng phép trừ cho. Đại-Điền làm phép yêu bùa rồi lấy năm sợi chỉ năm màu xe lại và trao cho Phạm phu-nhơn mà dặn rằng : Đêm năm ngựa mà vắt ngang sợi chỉ trên bụng, hề thấy động thì kết mối thắt lại, ma<sup>c</sup> la lên cho hay. Phu-nhơn y theo lời dặn của Đại-Điền chừng đến đêm, người nhà nghe tiếng phu-nhơn la ó lên, mới thắp đèn vô phòng mà soi, thì chẳng thấy gì hết. Kể đến Đại-Điền vô xét, thì thấy sợi chỉ treo tòng-tọng tại máng áo trên tường. Điền đem đập chết, con rắn liền hóa ra hình người, nhận mặt thấy rõ ràng là ông Từ-Vinh, Điền liền đem thầy ma liêng xuống sông Tô-lich. Xác trôi theo dòng nước, tới cầu Tây-dương ngang cửa nhà Diên-thành hầu, thì dựng đứng lên, tay chỉ vô nhà hầu, mà không trôi đi nữa. Hầu sợ hết hồn hoảng vía, vội vả sai người đi mời Đại-Điền tới nơi, dùng phép ấn quyết làm sao, xác liền ngã ra, mà trôi xuống thôn Hạ-dinh làng Nhơn mục (tục kêu là làng Mộc, thuộc huyện Thanh-trì tỉnh Hà-đông ngày nay) thì ngừng lại. Dân làng Nhơn-mục vớt xác lên mai táng, sau thấy hiển ứng nhiều sự linh dị, mới lập miếu phụng sự, húy nhựt nhâm ngày mùng mười tháng giêng. Còn bà Tăng-thị sau khi góa chồng thì xuất gia làm tỷ-khưu-ny, tu hành tại chùa Yên-hoa làng Thượng-an-quyết (tục kêu là làng Cót, thuộc phủ Hoài-Đức tỉnh Hà-đông ngày nay), ngày qua tháng lại, chẳng bao lâu cũng qua đời, xá li táng tại đất chùa, mùng mười tháng tư ấy là húy nhựt.

Chuyện gia-biến ấy, Từ-công vẫn biết là lỗi tại cha mình. Nhưng đạo làm con xót đến công-ora sanh dưỡng cù lao, thì đối với Đại-Điền vẫn phải coi là cái thù chẳng đội chung trời vậy. Cho nên ngài không lúc nào quên trong dạ về sự rửa hờn trả oán, mà tính chưa ra kế gì. Ngày kia, ngài rình lúc Đại-Điền ra đi, toan dùng phép lấy gậy đánh vô lóng. Tay vừa dơ gậy, thì xảy nghe trên không có tiếng la-thét (Thôi thôi) và dường như có người cản cây gậy ra, không thể đánh xuống được. Ngài biết thuật của mình còn kém, lên buồn gậy tử về,



định tu-luyện lấy pháp-thuật thần-thông, rồi sẽ thi hành thử-đoạn báo-phục về sau.

Rồi đó ngài rủ hai đạo-hữu là Giác-Hải và Minh-Không cùng đi qua Tây phương, đặng cầu Phật học đạo. Đi tới nước Kim-si, thì thấy núi sông hiểm-trở, không biết lối nào mà đi. Đang trong lúc ngơ-ngần khôn đường tới lui, xảy thấy một ông già bơi một lá thuyền con linh-đỉnh giữa sông, coi ra bộ một nhà đạo-mạo ẩn-dật. Ba người đứng trên bờ tay thi lễ, thuyền ngừng chèo lại, ba người mới hỏi thăm đường qua Tây-phương, thì ông già đọc bài kệ rằng :

*Đạo-lý đương nhiên lộ công hành,  
Đa-công viễn học tất thành danh  
Uông-dương vạn khoảnh hồ lao thiếp,  
Chỉ nhật hà thanh đồ thánh sanh.*

Diễn nôm :

*Đạo là đường cái cùng đi,  
Có công tìm đạo có kỳ thành danh,  
Đường xa chẳng quản công trình,  
Sống trong sẽ thấy thánh sanh có ngày.*

Ông già đọc dứt lời, lại nói tiếp rằng : Đường núi gập-gình, không thể đi bộ được. Các người đã có chỉ cầu đạo, thì lão tặng cho chiếc thuyền và cái gậy này, gậy đề chỉ đường, thuyền đề chở người, cứ theo dấu cây gậy chỉ mà chèo đi, sẽ tới nơi bờ đạo.

Ba người lạy tạ ơn mà lãnh lấy thuyền và gậy. Rồi đó cứ theo lời ông già mà bơi thuyền theo dấu gậy chỉ, đi riết tới một xứ kia ngó thấy phong cảnh lạ lùng : cây bàu rợp đường, vàng ròng trái đất, sen trở như tranh vẽ, chim kên như nhạc tâu, khác dứt với cảnh vật Ta-Bà, trong lòng tưởng tượng ra một thế-giới cực lạc. Neỏ thuyền lên bờ, hỏi thăm đường đất, mới hay Tây-Thiên-trúc tức là nơi đây.

Bởi trân trọng chiếc thuyền và cây gậy là bửu-vật thần cho, coi ngang sức với thuyền bát-nhả và gậy thần-tích, chẳng

dâm bỏ bờ-vò ngoài bến, nên để cho hai bạn lên trước tìm lối vào cửa Phật, mà Từ-công thì ở lại ngoài bến, đứng coi chừng bừ-vật là gậy cùng thuyền.

Một ngày, hai ngày, ba, bốn, năm ngày . . . Cắm thuyền dậu bến đợi bạn, mà bất tin bạn, chỉ thấy ông già bữa nọ lại ra gánh nước ngoài sông, mới hỏi thăm tin, thì ông già nói :

— Hai người được Phật truyền phép, về xứ từ bữa qua rồi.

Từ-công mới ngậm-ngùi than thở về nỗi bị bạn gạt mình thì ông già lại nói rằng :

— Không sao đâu mà hòng lo, nhà ngươi hãy gánh đôi nước này theo ta về, rồi ta sẽ chỉ cho lối vào cửa Phật.

Từ-công vâng lời gánh lấy đôi nước, thì thấy gánh bằng đôi giỏ thưa mà nước không chảy, ấy mới lạ thay ! Về tới nhà, mới hay ông già ấy tức là Phật hiện thân ra vậy, Phật bèn truyền cho kinh Đại-Bi-Đà-La-Ny và các phép lạ như phép độn thủy, độn thổ và những phép chú-nguyện, ấn-quyết. mà cho về.

Từ-công giận Giác-Hải và Minh-Không gạt mình học lên lấy phép mà về trước mình, bèn chú nguyện cho hai người về đến ngang đường thì bị đau bụng mà không đi được nữa ; Ngài lại làm phép độn thủy độn thổ dựng về lấy trước, đi nháy mắt đã về tới phương Nam.

Ngày tháng cõi Ta-Bà này so với ngày tháng cõi Cực-Lạc thì thiệt thối thoát như thoi đưa : tính từ khi khởi trình từ phương Nam qua phương Tây lối chừng trong một tháng trời, bởi nhờ có thuyền và gậy của Phật dẫn đi ; lưu ở nước Phật có mười ngày, mà nay về tới phương Nam, tính theo ngày tháng Âm-lịch từ khi đi cho tới ngày về, đã trên mười năm, thật là :

*Trong động Bích-sa trời đất khác :*

*Bên hành Hồng thụ tháng ngày dài.*

Từ-công về gần tới nơi quê-hương, thì Minh-Không và Giác-Hải vẫn chưa về. Ngài bèn hóa làm hình con cạp núp

tại trong bụi rậm nơi chùa Thiên-Hưng (tục kêu là chùa Tổng, vì chùa của chung hàng tổng, là hai làng La-phù, Ngải-cầu đất huyện Từ-liêm, thuở ấy thuộc phủ Quốc-oai trong xứ Sơn-tây, ngày nay thì thuộc phủ Hoài-Đức trong tỉnh Hà-đông), chờ khi hai bạn về qua, thì găm thét vang trời, dặng mà hăm dọa. Minh-Không sẵn có trí tuệ, biết liền là Từ, bèn cười xòa mà đọc câu dao rằng :

*Chữ rằng : « Như ý sở cầu :*

*Muốn làm nghiệp ấy thân sau được làm.*

Từ-công biết lời sư nói ắt nhằm, liền sám-bối mà xin lỗi :  
— Lỡ giận nhau như vậy, nếu thân sau của đệ có quả bị nghiệp-chướng ấy, thì xin hai sư-huynh lấy tình bằng hữu mà cứu chữa cho.

Minh-Không nhận lời, từ đó kết làm nghĩa huynh nghĩa đệ, mà chia tay mỗi người trụ trì mỗi cảnh : Minh-Không là người huyện Gia-Viễn (Nay thuộc phủ An-Khánh tỉnh Ninh-bình), thì về trụ trì tại chùa Giao-Thủy (tục kêu là chùa Keo) nơi quê Giác - Hải trụ trì tại chùa Thiên - Hưng. Còn Từ-công thì lên tu-luyện tại hang Cốc-Cổ núi Thạch-thất (1) cất am tại đó, đặt hiệu là am Bồ-Đà, xưng pháp hiệu là Đạo-Hạnh, Thiền-sư. Từ khi ngài trụ trì ở đây, có đức từ-bi cho người ta yêu, có lượng quảng-dại cho người ta kính, lại có phép biến-hóa thần - thông cho người ta kính phục, cho nên người xứ ấy đều kêu là *Thầy*. Mà cái lẽ « Núi có tiên thì nổi danh », vậy kêu chùa ngài tu là chùa *Thầy*, núi ngài ở là núi *Thầy*, rồi sau thành tên núi là Sài-Sơn, vì lối viết chữ nôm thuở xưa thì chữ *Thầy* do chữ Sài-cá ra vậy.

Tại trước cửa hang ngài ở, có cây thông già, người xứ ấy kêu là cây rồng. Hằng ngày ngài chuyên trì các bài chú trong kinh Đại-Bi-Đà La-Ny, cứ mỗi khi tụng hết một lượt trong một bài, thì cây thông rụng xuống một lá, lâu ngày

---

(1) Cửa hang ấy hõm vào như mái nhà bằng đá, cho nên kêu tên núi là *Thạch-Thất*, thuộc huyện Thạch-thất xứ Sơn-Tây sau đổi thuộc huyện Ninh-Sơn, qua triều Nguyễn đổi tên huyện là An-Sơn.

tụng hết bao nhiêu bài bao nhiêu lượt, thì lá cây thông lần lần theo mà trơ trọi hết tron. Ngài biết đức Phật đã chứng minh tron quả cho mình, thì là pháp-thuật của mình đã khá rồi đó.

Ngày kia có bốn người dị dạng, chon di không đến đất, tới trước mặt ngài mà bạch rằng :

— Thưa thầy, chúng tôi là tứ trấn Thiên-vương, thấy công-dec của thầy đã đoan viên, vậy đến cung dịch cho thầy sai khiến.

Ngài thấy pháp thuật của mình đã tới bậc quỷ thần phải kính phục, thì có thể đem ra thi hành mà trả thù cho cha được rồi. Rồi đó ngài trở về làng An-lãng là nơi quê-hương, thân hành tới cầu An-quyết (tục kêu là cống Cát) trên sông Tô-Lịch, dựng thí nghiệm pháp thuật : Bèn thả cây gậy xuống mặt nước, nước chảy xuôi mà cây gậy trôi ngược, tới cửa nhà Đại-Điền thì ngừng lại mà dựng đứng lên. Ngài ngó lên trên không, thì thấy im lặng như tờ, chớ không có tiếng la « *thối thối* » như trước nữa. Đại-Điền thấy vậy bèn nói :

— Người không nhớ chuyện ngày trước hay sao ?

Chưa kịp đề-phòng, thì cây gậy đã bay lên đánh Đại-Điền chết tươi, liệng xác xuống sông Tô-Lịch. Sau khi Đại-Điền đã thác, thường hiển-ứng linh-dĩ, nên dân tiền-thôn làng D'ch-vọng phải lập miếu thờ.

Thù đã trả rồi, lòng trần cũng sạch lạng như rửa. Từ đây ngài tiên-diêu tự tại, thường khi đi vân du các nơi sơn thanh thủy tú, thâu thái tinh-hoa trời đất, dựng mà tu luyện đạo mầu. Đạo đức càng cao, pháp thuật càng diệu, ngài từng đem lượng quảng-đại-từ-bi phổ tổ cho vạn loạn, dùng trí thần-thông biến-hóa cứu nạn cho chúng-sanh, động Sài-Son dựng một cảnh Già-lam, xứ Sơn-tây truyền một dấu Phật-tích.

Tưởng vậy là vẹn toàn chánh-quả, cứ do đó mà yên cõi niết-bàn, pháp thân bất diệt bất sanh, ngọn lửa trần-duyên đã theo giọt nước dương chi tưới tắt.

Nào dè đầu nghiệp duyên chưa dứt, mối thù tại sông Tô-Lịch còn muốn đem sợi dây trần-lụy mà buộc ngài ở kiếp sau. Số là thuở đó nhằm đời vua Lý-Nhơn-Tông, năm hội-tướng Đại-khánh (cải nguyên lần thứ sáu) thứ sáu (Ất-Vị - 1115), hoàng-thượng đã năm mươi một tuổi, vẫn chưa có con trai, những nóng lòng về nỗi thiếu người nối nghiệp đế-vương, thường dâng nhang cầu-tư các nơi Phật-tự Thần-từ, cũng đều chưa thấy có hiệu-quả. Tháng ba năm ấy, tại bến Tung làng Trường-hương thuộc phủ Thanh-hóa (nay là tỉnh Thanh-hóa) có cây cao rút một tàu mo, khô xuống đất, hoá thành đứa con trai vóc chừng ba tuổi, tướng mạo ngộ-nghĩnh và tu-tánh khôn-lanh tự xưng là con vua, tên gọi Giác-Hoàng, phạm trong triều ngoài nội có chuyện chi, nó đều biết mà nói ra được hết. Hương-chức sở tại thấy chuyện lạ ấy, không dám ăn-nặc, mới đem trình quan bôn-hạt, quan bôn-hạt thảo sớ tâu lên triều-dình. Hoàng-Thượng lâm sớ rồi, sai trung sứ tới nơi điều-tra, thì thấy quả nhiên như vậy. Ngài bèn sai người bắt về kinh-khuyết, cho ở tại chùa Chơn-giáo. Hằng ngày ngài ngự chùa quan sát, hỏi chuyện gì thì nó ứng-đổi như thần. Ngài chẳng dè say-dắm dẫu-yêu, mới đem vô phủ dưỡng tại trong cung, coi dường con ruột. Chẳng hay thần-tánh đức vua thuở ấy bị ma ếm quỷ giục làm sao, mà lại đi muốn lập đứa quái-nhi ấy làm Hoàng-thái-tử, nhưng cả tôn-nhơn và đình-thần không ai thuận. Đại-ngự-sứ dâng sớ can rằng :

— Thiên hạ là thiên hạ của tổ-tông đời trước gầy dựng nên, chớ chẳng phải của riêng bề-hạ ngày nay, bề-hạ không có phép đem xā-lắc mà trao riêng cho người khác họ được. Nếu Giác-Hoàng quả có thiên mạng, thì phải đầu thai vào trong cung-cấm, mới có thể nối trị ngôi trời.

Đức vua nghe theo, bèn xướng chỉ thiết lập đàn-tràng tại chùa Báo-thiên bảy ngày đêm, đại hội tăng-đạo lễ Phật tụng kinh, cầu cho Giác-Hoàng đầu thai vào trong Hoàng-thất.

Về phần Đạo-Hạnh Thiên-Sư đã dùng thần-nhi mà nghe biết việc đó, ngài bèn dùng phép độn-thỏ tới đất Thanh-hoa-

đem thân nhơn quan sát nguyên nhơn, thì biết rằng đó là do xác Đại Điện khi thác từ sông Tô-Lịch trôi ra biển, thể-phách dầu tiêu hóa, mà tinh-anh còn vô-vấn ở bến Tung này. Nay thừa dịp hóa hình, mưu lớn vào Hoàng-cung đặng lo trả oán nhà họ Từ mình vậy. Nếu đề nó đặc chí, thì nhà họ Từ mình phúc tông tuyệt tự còn gì.

Ngài bèn tức tốc ra kinh thành Thăng-long, thì đàn tràng đã lập được ba đêm ngày. Nhơn có chị gái của ngài là Từ-nương dự hàng thi nữ trong hoàng-cung, vả lại có chơn túc-trực ở trai-dàn, ngài bèn trao bùa cho trấn yểm.

Nhằm lúc đó, Giác-Hoàng thỉnh linh bị bệnh, thần sắc bơ thờ, nó tâu với vua rằng :

— Hiện giờ lưới sắt giăng khắp trong ngoài, cửa khóa mấy lần, không có lối vào đâu thai được, chắc là có phù-phép trấn yểm chi đây.

Nói vậy rồi bèn tắt hơi. Đức vua tỏ ý ngậm ngùi, mới sai khám xét trong ngoài, thấy nơi trai đàn quả có bùa yểm, mà xét ra thời khắc, thì chính nhằm phiên túc-trực của Từ-nương. Đức vua nổi giận lôi đình, mới truyền chỉ đem tra, thì Từ-nương phải cung xưng rằng :

— Hiện có em trai là Từ-Lộ tu hành tại động núi Thạch-thất, pháp hiệu Đạo-Hạnh Thiên-sur, trao cho miếng giấy dán nơi trai-dàn đó thôi, thần thiếp ngày thơ, không biết là cái gì hết.

Đức vua liền giăng khăn-sắc, sai linh thị-vệ đại bộ Từ-Đạo-Hạnh, dò vào lầu Hưng-Thánh xét hỏi, thì Từ-công cũng khai thẳng là vì triều-dình trừ giống yêu quái, ngoài ra thiệt không có ý chi.

Đức vua dương cơn giận lôi-dình, truyền chỉ hạ ngục Đại-Lý. Tới phiên án, các quan Đô-sát-viện, Đại-Lý tự và Hình-bộ hội-dồng tại tòa Tam-pháp thẩm phán, buộc cho tội khi quân phản quốc, nghĩ án xử tử. Duy có hoàng-đệ Sùng-Hiền hầu dâng sớ ngỏ rằng :

— Thần trộm nghe Từ Đạo-Hạnh là tặc chơn tu đắc đạo, đủ phép thần thông, vì nước trừ yêu, ấy là lòng trung-

thành vậy. Nếu Giác-Hoàng quả là chon mạng, thì Đạo-Hạnh đã không trừ nổi. Nay chịu khuất phục ở dưới pháp thuật của Đạo-Hạnh mà chết, thì thấy rõ ràng là cái quái vật làm yên nghiệt cho quốc gia. Vậy cúi xin bệ-hạ lưu Từ-Đạo-Hạnh làm tay hộ quốc tỵ dân, sau này chẳng phải vô dụng. Huống chi bệ hạ đương lúc tu nhơn cầu phúc, mà làm lại đi chuyện hình phạt, và hình phạt lại nhằm nhà Thích-tử, thì thần trộm tưởng thiệt mạng lỗi với cửa Phật thay !

Đức vua sẵn tánh nhơn từ, nghe lời Sùng-hiền-hậu mà đặc ân khoan xá cho Từ-Đạo-Hạnh.

Cảm lòng cứu-tử. Từ-Đạo-Hạnh Thiền-sư tới phủ Sùng-Hiền tạ ơn, xin đầu thai làm con, dựng báo đền đức hậu.

Sùng-Hiền-Hậu tỏ ý mừng rỡ, đề lời trông đợi từ ân. Nhằm lúc đó phu-nhơn Đờ-thị đương tắm ở hậu phòng, thỉnh linh ngó vào chậu nước thấy có bóng Từ-Thiền-sư, thì sợ hoảng hết hồn, vội vả sai thị-tỳ đem chuyện nói cùng hầu. Hầu liền đem nguyên nhơn nói cho phu-nhơn nghe, và yên ủi đừng sợ. Trong khi cảm tưởng, Đờ-phu-nhơn vì đó thọ thai.

Tới chừng Thiền-sư từ giả với Sùng-Hiền-Hậu về am, thì ân cần căn dặn :

— Cái duyên túc-thế, sau này thành nghĩa cha con. Hiện nay quí phu-nhơn đã có tin mừng, thì ngôi trời át về nhà điện-hạ. Vậy cúi xin điện-hạ nhớ lời bản tăng dặn lại : hễ khi lâm-sản, thì mau sai người tới tộ-am báo trước cho hay.

Khi ấy nhằm đầu tháng năm, Từ Thiền-Sư trở về am động Sài-Son, tiêu diêu tháng Bụt ngày Trời, sen tàn, cúc lại nở ra, hết đồng qua xuân, hoa-đâm đã tới kỳ nảy búp. Bữa kia nhằm ngày mừng bảy tháng ba năm Hội-tướng Đại-khánh thứ bảy (Bính thân 1116), thấy trò Từ Thiền-sư đương tụ hội nơi phương-trượng, cùng nhan đàm kệ giảng kinh, bỗng có sứ-giã phủ Sùng-hiền tới nơi, báo tin Đờ-phu-nhơn lâm sản mà có ý nan sản.

Chuyện này ngài vẫn biết trước, nên công-việc chùa chiền ngài đã sắp đặt đâu đó sẵn sàng cả rồi. Chừng đó ngài chỉ

rơi lệ ngậm ngùi, từ giả các môn đồ và để lại lời di-chức :

— Thấy đây trần duyên chưa dứt, còn phải lìa nơi rừng tía, vào chốn bụi hồng, giáng sanh cõi trần Mai mười ba năm, tạm làm quốc vương một độ. Chừng nào nghiệp duyên đã mãn, thì thầy lại trở về làm Nguyên-Chủ cõi trời Đâu-suất (Tam-thập-Tam-thiên). Hễ sau này người trần thấy xác thầy đã nát, ấy là lúc thầy đã chứng đạo Nê-Hoàn, vào cõi niết-bàn, không còn phải mắc vòng sanh diệt nữa. Thôi các con ở lại, rán tu cội phước, rồi sẽ có ngày thầy chứng quả cho các con.

Các môn-đồ thương nỗi ly-biệt không ai cầm được nước mắt. Ngài ân-cần yên-ủi, lại dạy tiếp bài kệ rằng :

*Thu lai bất đáo nhạn âm qui,  
Di sử như gian đồng phát bi !  
Vị chúc môn đồ lưu-luyến trước,  
Cồ-si kỷ độ tác Kim-si.*

Diễn nôm :

*Thu về, tin nhận chẳng về,  
Để cho như thế gọi bề xót vầy !  
Môn-đồ quyến luyến chi đây :  
Thầy xưa có dịp làm thầy kiếp sau.*

Đoạn rồi, ngài tắm gội, thay áo quần, vô trong hang Các-Có quặt mình vô đá mà hóa. Nơi hòn đá ngài nằm hóa đó, về sau vẫn còn vết người in sâu. Môn-đồ ngài và người làng sở tại thấy sự linh dị khác thường, bèn chế cỗ khám bằng gỗ trầm-hương, rước nguyên hình nạm vô, xây tháp phụng sự.

Ngài hóa th ận nhằm giờ ngọ bữa đó, qua giờ mùi thì trong phủ Sùng-Hiền Đờ phu-nhơn liền sanh con trai. Ấy vậy là tiền thân một vị Thiên-môn Thánh-lỗ chùa Thầy đã giáng đản làm một vị hoàng-diệt-triều Lý, mạng danh Dương-Hoàn, ghi tên vào sổ ngâu-hoàng (sổ họ nhà vua).

Công-tử Dương Hoán sanh ra, cái kỳ-trưởng-dục tri-giác khác dứt với độ người thường : mau lớn sớm khôn, rõ ràng là con Trời con Phật.



Qua năm Hội-tướng Đại-khánh thứ tám (Đinh-dậu 111'), Hoàng-thượng Nhơn-tông ngự hành cung Khai-Thụy xét việc gặt lúa, nhằm ngày rằm tháng mười, đêm ấy mặt trăng hiện ra hai quầng, ngài nhơn nghĩ đến chuyện tuổi già không con, bèn xuống chiếu sắc cho hoàng đệ là các vị Hầu : Sùng-hiền, Thành-Khánh, Thành-Quảng, Thành-Chiêu, Thành-Hưng đều đem con vô cung, chịu ơn hoàng gia giáo dục, đợi xét coi tài đức, lựa lấy người hơn có thể phú-thác đại-nghiệp sau này. Khi ấy con của Sùng-Hiền-Hầu là Dương-Hoán tuổi mới lên hai, mà thông minh lạ thường, đức vua ngài rất thương yêu, vả lại chiếu thế hệ ngân-hoàng, thì nhà Sùng-Hiền-Hầu là ngành thứ nên lập. Bèn xuống chiếu lập Dương-Hoán làm Hoàng-thái-tử, sai Thân-Anh phu-nhơn đứng ra làm mẹ đỡ đầu.

Qua năm đầu Thiên-Phù Khánh-thọ (cải nguyên lần thứ 7 — Đinh-vị 1127) Hoàng-thượng Nhơn-Tông thăng hà, Thái-tử Dương-Hoán được mười hai tuổi phụng di chiếu lên ngôi Hoàng-đế, qua năm (Mậu-thân — 1128) cải nguyên Thiên-Thuận ấy là vua Lý-nhơn-Tông. Tôn mẹ đỡ đầu là Thân-Anh phu-nhơn làm Hoàng-thái-hậu. Qua năm thứ hai lại tôn cha sanh đẻ Sùng-Hiền-Hầu làm Thái-Thượng-Hoàng, mẹ sanh là Đồ phu nhơn làm Hoàng-thái-Hậu.

Sau khi vua Thân Tông đã lên ngôi Hoàng-đế, ngài nghĩ đến gốc-gác của ngài giáng-thần thác-sanh là núi Thạch-thất, bèn đổi tên hang Các-Cổ là nơi Từ-Thiền-Sư hóa thân làm hang Thanh-hóa; Lại nhơn am Bồ-Đà là cửa hang đá hòm võ mà cất nổi ra một mái thành tòa chùa nhỏ, đặt tên là chùa Phật-Tịch (tục kêu là chùa Hang hay là chùa một mái); núi Thạch-Thất cũng đổi tên là núi Phật-Tịch; Lại nhơn am Hương-Hải của Từ-công thuở trước cất làm một tòa chùa lớn tại dưới chân núi, đặt hiệu là chùa Thiên-Phúc (chùa tại chợ Thầy, tục kêu là chùa Cả), đều là đề kỷ-niệm Từ-Đạo-Hạnh Thiền-Sư là tiền thân của ngài.

Nhà Lý nguyên là dòng-giống Thích-Tử chùa Tiên-

Sơn (I), vua Thần-Fông lại thác tích ở cửa Phật chùa Thầy, cho nên một đời bửu-tộ của ngài rất sùng-thượng đạo Phật: Ngoài chuyện báo bồn là việc kiến-trúc các chùa kỷ-niệm Phật-tích, ngài còn kiến-trúc hai tòa chùa Quảng-Nghiem, Tư-Thánh, khánh thành nhằm năm Thiên-thuận thứ ba (Canh-tuất-1130). Qua năm thứ năm (Nhâm-tí-1132) lại kiến-trúc ba tòa chùa Linh-Cảm, Thiên-Ninh, Thiên-Thánh và tồ tượng đế-Thích. Và lại ngài là vị vua thông minh đại-độ, tu-chánh lập-sự đều thề theo đạo quảng-đại từ-bi của nhà Phật, thường xá tù tha thuế luôn-luôn. Làm lành được hưởng phước lành, chư Phật cũng hiển-nhiên chứng-quả: như ngài mới lên ngôi trong năm đầu Thiên-Thuận, hai cây phước tại hai chùa Thiên-Long, Thiên-Sông không có gió tự-nhiên động, làm như vẽ múa, ấy là chư Phật đã chứng ngôi bửu-tộ cho một vị Phật-Hoàng: Đồng năm đó chư Phật âm-phù cho Thái-phó Lý-công-Bình đánh phá giặc Chơn-Lạp tại chốn Nghệ-An, đức vua đều gia-lâm hai chùa và các chùa trong thành bái tạ ơn Phật.

Duy có một điều nghiệp chướng, là do tiền-thân ngài lộng giả thành chơn, một vị đạo hữu Minh-Không đã chứng lời « như ý sở cầu » mà thực hiện ở hậu thân là đời ngài vậy. Số là ngài lên ngôi tới năm thứ sáu thì cái nguyên Thiên-Chương Bửu-Tự, qua năm Thiên-Chương Bửu-Tự thứ tư (Bính thin — 1136) ngài thỉnh linh mắc một chứng tật kỳ-quái: mồm miệng và tay chơn này ra nanh vuốt, mọc ra lông lá lác-lỗ đầy mình, găm thét sáng đêm tối ngày, y hệt như con cọp hiện hình tại bụi cây rậm nơi chùa Thiên-hưng hàm-dọa hai đạo-hữu Giác-Hải, Minh-Không trong kiếp trước vậy. Thái-y-viện đã chịu thúc thủ vô sách, lại chiêu-tập danh-y thiên hạ, cũng không có thuốc nào chữa lành.

Huê-thượng chùa Thiên-Hưng là Giác-Hải nghe được tin này mới gửi thơ nhắn cho huê-thượng Minh-Không tại chùa

---

(1) Vua Thái-tổ thác tích tại chùa Tiêu-Sơn. Cõi dẫn tích ở bài « Khảo qua về lịch-sử sùng Phật của các đời trong nước Việt-Nam » đầu bộ sách này.

Giao-Thủy, khuyên nên y lời nừa trước, dùng thuật điều-dộ cho thánh thể được yên lành.

Minh-Không huê-thượng ngĩ tình bằng hữu kiếp xưa, quyết ra tay cứu chữa. Bèn đặt câu phong-dao dạy cho bầy con nít hát mà truyền rao khắp xứ, câu rằng :

« *Tập-tầm vớng, chỉ có Nguyễn-Minh-Không chữa được bịnh Hoàng-dế* ».

Câu đồng-dao ấy truyền-bá đi khắp trong nước đồn-đãi tới kinh-thành Thăng-Long. Triều-dinh sai sứ điều tra, tới xứ Ninh-Bình, mới hay Nguyễn-Minh-Không là một vị cao-tăng trụ-tri tại chùa Giao-Thủy. Bèn sai trung-sứ phụng ngọc-diệp suất sáu chục cấm binh đem nghi vật tới chùa diên thỉnh. Minh-Không huê-thượng ân cần tiếp sứ, sai đồ-dệ sửa-soạn cơm chay thiết đãi quan quân. Quan quân trên sáu chục người, mà nhà chùa rầu có một nồi cơm nhỏ, sư ra mời khách cười, mà nói chơi rằng :

— Nam-Mô-A-Di-Đà-Phật ! xin thiên-sứ cùng ngự-quân chứng giám cho nhà chùa. Xứng đáng với câu khẩu quyết tự xưng là *Bần-lãng*, thì nhà chùa thiết là khổ hạnh, tương đũa chay lạt, xin mời quan khách ném thử ba hạt, gọi là của Bạt cho thơm.

Quan quân thấy cơm ít mà người thì đông, chắc là chẳng bõ gì ăn, nhưng nê lòng sư, chẳng dám chối từ, cũng phải dề lời cảm ơn mà đồng ngồi lại thọ lộc. Dè đâu quan quân đều đem lòng « vục đạo » mà chịu ơn « thí thực », thì đều no « lòng đạo » hết thầy, mà cơm và các món ăn hãy còn dư nhiều.

Ăn cơm xong rồi, trung-sứ giục giả hành trình, rước sư xuống thuyền tấn phát. Xuống thuyền thì sư bảo quan quân hãy tạm nghỉ một thời khắc, chờ nước triều lên rồi sẽ nhổ neo.

Đường nhứt-trình Ninh-Bình — Thăng-Long, đi bộ thì phải ba ngày mới tới ; còn đi thủy mà nếu không thuận,

huồm xuôi gió, thì phải bốn năm bữa không chừng. Chẳng hay sư dùng phép độn - thủy làm sao, mà trong một giấc quan quân ngủ quên, thuyền quan đã tới Đông-Tân đậu bến. Khi ấy nhằm tuần rằm tháng sáu, chừng quan quân thức giấc dậy, bừng mắt ra đã thấy bóng trắng xé ngang cây tháp Báo-Thiên. Bèn lật dật sửa soạn lên bờ, rước sư vô kinh đề yên nghĩ.

Sáng ra triều - đình triệu sư vô đền bệ yết, thấy đức vua ngự trong một cỗ kiệu song - loan bằng sắt, sơn sơn thép vàng, chấn song sắt bao quanh bốn bề, khóa vàng nghiêm cẩn. Trước đây ngài vẫn găm thét như cọp, chừng ngó thấy mặt Minh-Không huê thượng, thì dường như có ý ihen thua với người cũ, mặt hùm cúi gằm xuống, không dám ngược nhìn.

Minh-Không bèn sai khiêng một cái vạc lớn ra giữa sân rồng, đồ vô mười hai ve dầu, và bỏ vô một trăm cây đinh sắt, giùm lửa đun sôi. Đương lúc dầu sôi sùng-sục, Minh-Không thò tay vô vét ra đủ trăm cây đinh. Rồi sai người rước kiệu vua ra, mở khóa tháo then, vua cũng chịu phép mà nằm co như con cọp phục. Sư bèn dùng nhánh hèo nhúng vô vạc dầu mà vẩy vô mình vua một lượt. Vẩy tới đâu thì lấy tay mà chà sát tới đó, nhanh vuốt và lông lá theo tay sư mà rụng đi hết trơn. Từ đây sơn quân lại phục nguyên hình quốc-quân, ngự ngài rồng mà quân lâm vạn dân như cũ.

Cảm công cứu bệnh, vua tứ hiệp Minh-Không là quốc-sư, ban cho vàng bạc rất nhiều, lại quyền đất hai trăm hộ phong làm thực-ấp.

Bệnh vua dầu hết, nhưng con Trời con Phật dầu có ở lâu cõi trần. Cách đó hai năm, qua mùa thu năm Thiên-Chương Bửu-Tự thứ sáu (Mậu-ngọ-1138), ngài được hai mươi ba tuổi, ở ngôi mười một năm, thăng-hà tại điện Vĩnh-Quang. Thái-Tử Thiên-Tộ tuổi mới lên ba, nối ngôi Phật-Hoàng, ấy là Anh-Tông hoàng-đế.

Sau khi vua Thần-Tông đã cởi áo long-bào mà về châu cửa Phật, thì tại làng An-Lăng và núi Sài-Son thường hiển-ứng nhiều tích linh-dị. Vua Anh-Tông mới nhớ ra tiền-thân của Hoàng-khảo thác sanh tại làng An-lăng, mà Sài-Son là nơi hóa thân. Bèn sắc tặng Từ-Đạo-Hạnh Thiên-Sư làm Thượng-Đẳng Phúc-Thần, cất chùa Chiêu-Thiền, sai dân làng An-Lăng tế, thời phụng tự; Còn tại Sài-Son thì tạc pháp-thiền thân Từ-Đạo-Hạnh Thiên-Sư đặt bàn thờ ở chùa Phật Tích tông-tự với Phật, lại lập đền tại địa-phận làng Thụy-Khuê (ở tại núi Sài-Son), tạc ngự-dung vua Thần-Tông, sai dân làng Thụy-Khuê và mấy làng phụ-cận phụng-sự.

Ứng-nghịem lời Từ Thiên-sư khi hóa thân di-chức: trải Lý qua Trần, trải Trần qua Hồ, ngót ba trăm năm, tới đầu thế kỷ thứ 15 (1414 — 1427), sau khi họ Hồ cướp ngôi nhà Trần triều Vĩnh-Lạc nhà Minh bên Trung-Hoa sai bọn Trương-Phụ, đem binh qua xâm chiếm đất Việt-Nam ta, họ muốn trấn yểm các linh tích. Ngày kia Trương-Phụ đem quân đi tuần sát các cảnh danh thắng, tới hang Thánh-Hóa, người thấy mùi hương ngào ngạt, mới vào hang quan sát, mở khám thờ ra coi, thì thấy trong khám đặt ngồi một vị Thiên-sư, thề phách đã từ-trần, mà tinh thái vẫn còn như người sống vậy. Phụ cho đó là một dấu-tích linh dị, bèn sai quân khiêng khám tới chùa Hương-sơn tại phía đông-nam núi, dùng lửa củi thiêu hủy đi. Nhưng đốt rông rã bấy ngày đêm, không làm thế nào cho cháy tiêu đi đặng.

Chính nhằm số trời tới kỳ nát xác, mà sẽ chứng đạo Nê-Hoàn, ngài đã biết trước từ khi hóa thân, từng di chúc cho đồ đệ về chuyện đó. Cho nên ngày nay ngài báo mộng cho Trương-Phụ bảo dùng thứ gỗ ván-thôi (1) mà đốt, thì sẽ cháy tiêu. Làm theo lời thần mộng, thì đốt cháy tiêu liền. Nhưng khói lửa bốc lên, kết thành lệ-khí, quân Minh mắc dịch chết mất

---

(1) Thứ gỗ hòm chôn người chết mà sau khi cải thổ thải ra,

rất nhiều. Trương-Phụ lo sợ xiết bao, phải làm lễ tạ quá, rồi đem tro than xá-lị luyện với bột hồ, nắn làm cốt tượng y như nguyên hình, nấp vào trong khám, để thờ tại chùa Thiên-Phúc, từ đó bệnh dịch mới yên.

Thần-tích hiền linh, các triều sùng tự, cầu gì được nấy; thường hiện ra những chuyện linh ứng rõ ràng: Qua đời Lê-Thánh-Tông, nhằm năm đầu Quang-Thuận (1460), con gái quan Thái-úy Trinh-quốc-công Nguyễn-đức-Trung được tuyển vào cung nội-thị, phong hiệu Sùng-Nghi, cho ở cung Vĩnh-Ninh. Khi ấy vua chưa có con trai, Quang-Thục hoàng-hậu sai Trinh-Quốc-công tới am Từ-công nơi núi Phật tích dâng nhang cầu tự, trong khi lễ bái, bỗng có hòn đá nhỏ bay ngang qua mặt, quốc-công luộm lấy đem về sai thợ tạc một cốt tượng đồng, diềm tám bằng hòn đá ấy, lập am mà thờ. Ứng diềm đá bay, bà Sùng-Nghi thọ thai, qua tháng tám năm sau, bà nằm mộng thấy rồng vàng bay vào bụng mà sanh ra hoàng-tử Tăng Hoàng-tử được mười tuổi nhằm năm đầu Hồng-Đức (vua Thánh-tông cải nguyên lần thứ nhì — 1470), lập làm đông-cung thái-tử, mẹ sanh là bà Sùng-Nghi được đặc ân sách lập làm Quý-phi. Sau khi vua Thánh-tông băng hà; Thái-tử Tăng nối ngôi, ấy là Lê-Hiến-tông, mẹ sanh tôn là Quý-phi Nguyễn-thị làm Hoàng-thái-hậu-phụng dưỡng tại điện Trường-Lạc. Nhờ tích đản-dục, tới năm Cảnh-Thống thứ hai (1498), hưng công sửa lại chùa Thiên-Phúc và am Từ-công, đặt hiệu là Hiền-Thụy am, lập bia ghi tích.

Lại còn có chuyện thần-bí, khiến cho người ta chẳng biết đầu mà lường: Sau khi nhà Lê trung-hưng, nhằm năm Thạnh-Đức thứ tư (1656) đời vua Thần-Tông, chúa Tây-vương Trịnh-Tạc tới chùa Chiêu-Thiền làng An-Lãng điều-tra thần-tích. Trong khi ấy dân làng đem trình một gương kính Phật, ấy là những kinh sách do thuở đức Từ-công qua Tây-Thiên học Phật đem về, trân-tàng tại chùa. Trong đó có bộ kinh bằng tám lá đồng, khắc toàn chữ triện.

Chúa bèn sai từ-nhơn sao lục lấy, chẳng dè chép xong một lượt mà dò lại, thì bỗng sao hóa ra giấy trắng, mà bỗng cái cũng thành là đồng tròn. Chúa kinh dị vô cùng, bèn lễ-tạ về phủ. Từ đó phải đem lòng kính viễn, không dám tiết mạn quý-thần.

Ấy là thuật qua mấy tích quan-hệ với triều đình quốc gia mà thôi, chớ những chuyện cảm thông cầu ứng ở dân gian thì không biết thuật. Nhưng trải xem lịch sử, cũng đủ hay cái kiếp lệ « chẳng thiêng ai gọi là thần ».

Bởi vậy cho nên dầu biển lở dâu bồi, sau đời vật đổi, mà ngàn thu tự-quán, muôn thuở lửa hương, từ đời Lý-nhơn-tông trải qua mười thế-kỷ (1072-1949. .) tới nay, sự thấy nghe vẫn ở tại mắt người ta, thì người ta vẫn đề lòng sùng bái kỷ-niệm, cứ hằng năm qua tiết xuân-quí, thiên hạ lại nhắc đến câu phong-dao :

*Nhớ ngày mừng bảy tháng ba,*

*Trở vào hội Láng, trở ra hội Thầy.*

Bởi vì hai nơi ấy đều là nơi thác tích của ngài, cho nên nhằm ngày ngài hóa thân Thiên-sư làm thân Hoàng-đế, thì thế gian đồng một ngày kỷ niệm ở hai nơi ấy.

Trước hết hãy xin kỹ thuật hội kỷ-niệm tại chùa Láng : Tại gian giữa chùa Chiêu-Thiên có hai pho tượng : một pho mặc đồ ca sa tăng-mạo, theo pháp-phục thiên sư, đặt tại dưới phía trước tòa Phật Thế-Tôn ; một pho mặc đồ đại-miền long bào, theo triều phục hoàng-đế, đặt tại trong khám. Hằng năm nhằm ngày mừng bảy tháng ba là ngày Thánh-đán thì trước một bữa rước bình nhang tới làng Nhơn-mục châu đền Thánh-phụ.

Chính bữa Thánh-đán thì bày nghi-trượng như oai-vệ Hoàng-đế xuất hành, viên chức và dân-dinh chấp sự đều túc-mục chính-tề, phụng-ngình Thầu-tượng ở trong khám ra, rước tới đền Hoa-lăng tại làng Yên-hòa (Thượng-Au-

quyết-tục kêu là làng Cót), đặng châu Thánh-mẫu. Khi rước kiệu tới sông Tô-Lịch thuộc địa-phận làng Hạ-An-quyết, tại đó có cái cống gạch xây ngang qua sông (tục kêu là cống Cót), thì không đi lên trên, mà cả kiệu-phu và vệ-sĩ cùng viên-chức phù giá đều lội xuống nước. Khi ấy là mùa sông cạn, cũng có thể lội qua. Tích đó do tục-truyền rằng : Chỗ này nhằm nơi Đại-Điên liệng xác Thánh-phụ thuở xưa, nên về sau thành cái hèm kiệu ngài đi ngang qua đó thì xây sanh ra mỗi cảm động mà nhẩy xuống vớt vảy.

Qua sông lên bộ, đi dọc theo con đường làng Thượng, tới Tiên-thôn làng Dịch-vọng, đi ngang qua miếu thờ Đại-Điên, thì mưa giáo phất cờ, trống chiền âm-ỷ, làm ra bộ giao chiến với quân địch. Bên làng Dịch-vọng cũng bày trận giả, làm ra bộ nghinh-dịch giao phong. Chiều đến rước về, cũng lại làm tuồng như vậy. Vì diễn ra những tấn náo-kịch ấy, nên hội Láng vẫn có tiếng vui thuở nay

Hội Thầy thì lại vui hơn, vì chùa Thầy ở nơi sơn thủy hữu tình : nào đèo Chợ-Trời, nào hang Thánh-hóa, non cao vòi-vòi, động thẳm om-om, cây ngàn năm hạc đậu rĩa lông đá trăm thước hầu ngồi gãi vế. Lên cao mà ngó qua phía hữu, thì mấy làng xóm kề bên, nhà ngói nhà tranh, xan-xát như chén úp ; ngó qua phía tả, thì một con sông chạy thẳng, thuyền xuôi thuyền ngược, lững xẵng như lá trôi, cảnh tí thiên nhiên, tự hóa công dã chứa sẵn cho khách thập-phương một kho thắng thưởng. Mà nhằm ngày hội Thánh, thì lại càng thêm tô thêm cho cái vẻ non sông. Cho nên hằng năm tới ngày mừng bẩy tháng ba, thì cây cỏ dập-diều, én anh nỏ nức, ngựa xe như nước, áo quần như ném, người lên núi cầu thần, kẻ vô chùa lễ phật, thộn-nam tín-nữ thì xu hướng về chủ nghĩa cầu phúc ; giai-nhân tài tử thì xu hướng về chủ nghĩa chơi xuân, qua lại lững xẵng, dòng như số cát sông Hằng, đều nhằm núi Phật-Tịch mà tìm tích Phật. Cho nên hội chùa Thầy đã nổi danh tứ xứ, phở vào phong-dao cùng với bơi Đám, rước Giá, giã La, đều là thắng-



hội xứ Sơn-Tây, từ xưa tới nay, cả ngàn năm như một ngày vậy.

Ngày ấy là ngày Thánh-đán, đồng một sự tích như Bửu-lực chùa Láng nên mở hội kỷ-niệm đồng một ngày.

Những lễ-nghi cúng-tế rước-xách trong đám hội ấy thì đại khái như vậy :

Trên núi, trong chùa Phật - tích là am Phồ - Đà, trên kiềng trập-treng, trống chuông rộn-rã, tụng kinh cúng Phật, tỏ ra quang-cảnh Không-môn ; Dưới chợ thì bày ra nghi-trượng triều-dinh : tại sân chùa Thiên-Phúc tức là am Hương-Hải, cờ tàn phấp-phới, guơm-giáo oai-nghiêm. Trong chùa, tại trên chánh-tâm cũng thờ một cốt tượng Hoàng-Đế và một cốt tượng Thiên-Sư. Một bên thì tăng đạo tuyên kệ tụng kinh ; một bên thì quan viên tế-lễ triều bái. Ngoài ra có những cuộc : đu tiên, múa rối và chèo hát, ấy là các trò giúp vui. Chiều đến thì phụng nghinh thần vị lên kiệu rước từ đền về chùa, oai-vệ theo ngự-dung Hoàng-Đế. Hằng năm diễn kịch, đi Phật về Vua, là kỷ-niệm dấu thiêng, do Thiên-Sư mà hóa, sanh làm Hoàng-Đế vậy.

Cứ phụng khao Bửu-lực, thì ngài là Phật chăng ? là Thần chăng ? là Thánh chăng ? Đó là theo nghiệp-duyên thác sanh cõi trần, đóng các vai tướng đời, dề tùy thời làm các chuyện đời dưới trần vậy, chớ theo lời ngài trong thuở hóa thân di-chức, mà tìm tới nơi hồn-sắc, thì Tam-thập tam thiên Nguyên-Chủ, mới là chơn thân của ngài.



# CHƯƠNG IV

---

## **BỔ-TÁT HIỆN HÌNH**

(Thuật theo bộ sách CÔNG-DU TIẾP-KỶ)

---

Hồ Ba-Biên, một cảnh danh thắng của đất Bạch-Thông châu. Xét trong địa dư sử Việt-Nam ta, thì hồ này tại giáp địa phận ba tỉnh : Thái-Nguyên, Tuyên-Quang và Bắc-cạn về miệt thượng-du trong Bắc-bộ Việt-Nam ngày nay vậy. Ngày nay ta thấy cái cảnh danh thắng ấy, thì biết rằng hồ Ba-Biên do thiên tạo địa thiết mà thôi, chớ có biết đâu tạo thiết từ đời nào, và hỏi có gì mà tạo thiết thành một vùng hiên khơi tại giữa chỗ đất bằng này ? Khảo-cứu tới nguyên nhơn, mới biết do một có « biên dâu » trên trái đất này rất lạ.

Nguyên tục truyền rằng : Thuở xưa tại địa-phương ấy, mấy làng ở miệt Nam-mẫu đặt hội « Vô già », lập đàn làm chay, người thập phương tới coi đông-đảo, ngựa xe như nước, quần áo như ném. kẻ thì viếng cảnh thăm chùa, kẻ thì cầu Trời khấn Phật, nào là thiện-nam tín-nữ, nào là tài-tử giai-nhơn, không thiếu gì hạng người. Mà hề người nào đã tới hội này, chắc ai nấy đều nhắm vào chủ-nghĩa « từ-bi bác ái » làm mục đích. Nhưng không dám chắc cho họ, nếu họ đều cầm vững cái chủ-nghĩa từ thiện ấy, thì đã đất bằng vẫn nguyên đất bằng như

cũ, chớ khi nào nổi lên lần sóng, mà biến thành hồ Ba-biền ngày nay.

Số là trong đám người thập-phương có đủ nam thanh nữ tú kia, xảy có một bà già ăn mặc lối thời, chơn tay thì phụng cùi lở lở, từ ngoài hước tới, chen lẫn vô giữa chỗ công-chúng mà xin ăn. Công chúng thấy bộ đơ-dáy gồm ghê, tới đâu họ cũng nhiech mắng xua đuổi, bà già chẳng xin được đồng tiền nắm gạo hay tấm bánh miếng quà nào.

Tới chiều, gặp hai mẹ con người làng Nam trầu. bà già kia mới kêu ca đói khát khổ-sở, hai mẹ con người ấy thấy vậy thì động lòng thương, liền mở gói trao tuốt cho bà già mà nói rằng :

— Mẹ con tôi chỉ có nắm cơm và chút muối mè (vừng) là lương bữa tối đây, thôi chúng tôi nhaje cho bà ăn tạm đỡ đói.

Bà già cảm tạ, thọ lấy mà ăn, còn hai mẹ con người kia thì dắt nhau về nhà nhịn đói.

Tối lại, bà già hồi chiều lại theo gót hai mẹ con người kia tới nhà mà nói năn nĩ rằng :

— Tôi cảm ơn hai mẹ con nhà di nhịn đói cho tôi ăn, tấm lòng từ thiện biết là chừng nào, công đức ấy thiệt có phước hằng-hà sa số. Nhưng người đã làm phước thì làm cho trót ; xin cho tôi ngủ trọ đỡ một tối, ngổ hầu tạ ơn công đức của nhà người.

Nhà này chỉ có một căn nhà lá vách đất, một gian nhà ngoài và một chái làm buồng, người ấy liền vui lòng cho bà già vô nằm tại hộ ván nhà ngoài, mà mẹ con mình thì nằm trong buồng. Lối chừng nửa đêm, nghe có tiếng rầy ở nhà ngoài ầm ầm như sấm, vang dội bốn vách, khác dứt với hộ người ta. Bèn thắp đèn ra soi, thì thấy một vật hình như con rắn trăn, vóc lớn vài ôm, cuộn khúc mà nằm xù-xụ tại giữa gian nhà một đồng. Mẹ con sợ sệt hoảng hồn hết vía, vội vã vô buồng đóng chặt cửa lại, nằm thiếp chẳng dám thở ra hơi.

Tối chừng trời đã hừng dờng, mẹ con lộ mắt qua key hức

vách dóm ra, thì thấy con rắn trăn đã biến đầu mất rồi, mà bà già thì vẫn nằm tro tại nguyên chỗ đó. Mẹ con biết chắc là chuyện thần-dị, mới mở cửa ra, khăn áo chỉnh tề, tới trước váo lăm lể van vái. Bà già thức dậy, ngồi trên ván nghiêm sắc mặt mà bảo rằng :

— Bữa qua ta coi trong đám hội, người đông « Hàng-hà sa số », mà thấy đều « khâu Phật tâm-xà », giả từ giả bí, không có một kẻ nào chơn tâm háo thiện. Đạo trời « quả báo », chẳng lâu ắt có nạn trầm-luân. Duy có mẹ con nhà may còn có chút lương-tâm, sẽ may được thoát qua mặt kiếp ấy. Vậy ta thương tình mà chỉ cho đường giác, hầu tránh khỏi bến mê : Hề thấy địa-phương này có sự chi khác thường, thì mau mau xa chạy lên chỗ cao, đừng có quyến-luyến nhà cửa quê-hương, mà sẽ chôn mình vô nơi bụng cá.

Nói rồi phứt đầu biến mất. Bây giờ đây ngẫm ra mới biết : bà già ấy tức là một vị Bồ-tát hiện hình, dặng xét cơ thiện ác ở thế-gian, mà thi hành luật « quả báo » vậy, thiện có thiện báo ác có ác báo, chẳng ai lọt khỏi vòng họa phúc đạo trời.

Mẹ con nhà này ghi lời của bà già vào lòng, nhưng cũng nửa tin nửa ngờ, chưa biết là chơn hay giả. Dè đầu đám hội ấy còn đương trong cuộc lễ bái, vẫn chưa tán đàn, bỗng đầu giữa chỗ đất bằng xây có mạch nước chảy ra, trước còn róc-rách một ít, sau lần lần bề-lở, tuôn ra thành vũng thành ao, lại biến thành hồ, chảy tràn trề mấy ngày nội địa phương vùng ấy dân cư đều tan ra nước, hóa thành ba mặt hồ lớn, minh mông như biển khơi, sâu và rộng ngàn trùng cho nên người ta kêu tên là hồ « Ba Biên »

Trước khi ấy, mẹ con nhà này vừa nghe sự biến, liền vội vả thâu lượm đồ đạc, chạy qua chỗ ấy lối chừng ba dặm tới nơi chơn núi, tránh khỏi nạn nước lụt. Còn bao nhiêu nhà cửa ở vùng ấy vì sự chẳng dè mà không chạy kịp, té ra đồng một lượt chết chìm xuống hồ.

Mẹ con nhà này bèn chặt lá dón cây, cắt một căn

nhà nhỏ tại nơi sườn núi mà ở. Thằng con lớn lớn, cưới vợ, sanh sản ra trai gái, về sau con cháu đông đảo, thành ra một làng, bao nhiêu các núi quanh hồ, đều là địa-phận làng ấy hết thảy, ngày nay chia ra mấy xã, thành một tổng lớn, ở chung quanh bờ hồ Ba-Biền này.

Bây giờ đem bản địa-dồ nhận ra, thì núi Côn-lôn khởi mạnh từ tỉnh Thái - nguyên, bề ngang giăng ra như vách đứng, cao sáu bảy ngàn thước, ngất-ngưỡng lưng trời, dấu chơn người ta không ai bước được tới nơi. Lối giữa lưng vô thành một cửa động, cao lối ba trượng, bề rộng một trượng rưỡi, bề dài chừng trên mười trượng, trên có những vú đá thông xuống, coi như bức vẽ, lơ buông ngũ sắc, rõ-ràng là kiểu kiến-trúc của tạo-hóa, rất khéo léo hơn người ta làm ra. Cái nguồn nước thì dẫn lại từ nước Trung-hoa, chảy qua tỉnh Cao - bằng tới châu Bạch-thông nơi tỉnh Thái-nguyên, theo trong động ấy chạy ra, chỉ phía hữu làm nguồn cho một hồ tại xã Tiên-loan; chỉ phía tả làm nguồn cho hai hồ tại xã Nam-Mẫu. Ở cùng đầu hồ ấy giáp tỉnh Tuyên-quang, có gành đá ngăn ra, thuyền bè không qua lại được. Nước từ trên gành chảy xuống như xối. Mỗi hồ châu-vi hai ba dặm, chung quanh bao bọc bằng núi, bên núi xen nhà dân cư, một mặt đều là nước và đá, cây cỏ rậm rạp, yếng nước long lanh. Trong hồ lại có những hòn cù-lao, hòn thấp, hòn cao, chìm nổi nhấp nhô, tại trong lẫn sóng. Mỗi khi sóng êm gió tạnh, thì thuyền chài đua bơi bốn phía, xem rất đẹp mắt, sánh với cảnh-trí « năm hồ » Trung-quốc cũng chẳng kém gì.

Đó thiệt là riêng một bầu trời trong thế giới ngày nay mà hỏi cái nguyên nhân, thì do một cuộc « mặt kiếp » của xã hội « bạc đức » thuở xưa vậy.

Ôi ! non sông cải tạo, đã hay ràng vận đất rày vầy; mà dâu biển hóa sanh, thiệt cũng bởi cơ trời hay đặt. Vì thử làng Nam-mẫu không đặt hội « Vô già » thuở trước

thì núi Côn-lôn cũng không thành hồ « vô phúc » mà lưu truyền cảnh lạ cho tới ngày nay. Nếu vậy thì ra Trời Phật ghét cuộc phước thiện hay sao ? Nào có phải vậy đâu, nghĩa là Trời Phật ghét cuộc phước thiện giả dối vậy. Trên xã-hội họ thường mượn tiếng từ-thiện mà bày đặt ra cuộc này cuộc nọ, để lợi dụng tài sản, mua chuộc nhơn tâm, như vậy thì chẳng những không có phước gì, mà lại thêm mang tội nữa. Tội vì giả nhơn giả nghĩa, làm cho mê hoặc lòng người, cho nên câu tục nói rằng : « Ăn mặn nói ngay, hơn ăn chay nói dối ».



# CHƯƠNG V

---

## CHƠN-NHƠN THÁC TÍCH

(Thuật theo bộ sách CÔNG DU TIẾP-KÝ)

---

« Đại-thánh khai thiên tôn nghĩa hành thiện Bồ-tát Chơn-nhơn » là pháp hiệu do triều-đình Việt-nam ta thuở xưa sắc tặng một vị Chơn-nhơn tu-hành đặc-đạo, vì sau khi hóa thân có nhiều công-đức hộ quốc tỳ dân vậy.

Chơn-nhơn là một vị Phật sống, thác tích tại nước Việt-nam ta, người làng Bối-kê thuộc huyện Thanh-cai tỉnh Hà-đông trong Bắc-bộ ngày nay. Thuở xưa Thành-mẫu năm mộng thấy Phật-tử giáng hạ, hèn thọ thai mà sanh ra ngài. Từ nhỏ mồ-côi, được sáu tuổi ở với cậu mợ làm đũa chẵn trâu, mà sẵn có Phật-tánh : thường khi ra đồng tát vũng, bắt được bao nhiêu tôm cá, đều thả hết xuống sông Vĩnh-dụ. Chẳng hề chơi giỡn với mấy đứa trẻ chẵn trâu khác, chỉ làm-tắm một mình, lượm những gạch ngói vụn, xây làm một tòa chùa nhỏ tại lễ đường, thường bữa lấy lên cơm của nhà đem in làm oản, và lấy trộm trái chuối ở vườn, đặt làm đồ lễ cúng Phật. Cậu mợ thấy làm trò con nít tin-l-ngịch như vậy, thì đánh mắng cực-khổ lắm, mà cũng chẳng chịu chừa.

Năm lên chín tuổi xuất gia làm tiểu-tăng, theo thầy qui-y thọ giới tại chùa làng, người ta đều cho là có tài b Phật.

Tới chừng lớn lên thì tới tu hành tại chùa làng Tiên-lữ (tục kêu là chùa Sở) thuộc huyện Chương-mỹ tỉnh Hà-dông trong Bắc-bộ ngày nay. Sớm hôm tụng niệm, luyện được phép thần thông, bèn khởi công cất lại chùa ấy cho thành cảnh chùa lớn, nhóm trên trăm người thợ mộc, thợ nề, hằng bữa chỉ nấu một nồi cơm nhỏ mà dạy bầy tiểu tăng rằng :

— Các con liệu sắp nhiều những cái nong lớn ra mà giờ (bới) cơm, chờ thầy về quê lấy dưa tương đem qua để dọn cho thợ ăn.

Ban đầu thì bầy tiểu-tăng chẳng ai tin, vì họ cho là thầy sai nói giỡn. Rồi đó sai đi từ núi Tiên-lữ, qua làng Đản-viên, chợ Bảo-đà (nay là làng Bình-đà), về làng Bối-khê, là một quãng đường dài lối chừng hai trăm ngàn thước ta (lối tám ngàn thước tây), nếu là người thường thì phải đi hai giờ đồng-hồ, mà sai chỉ bước có một bước trong nháy mắt đã tới tại trước thềm đá cửa chùa làng Bối-khê ngày nay bầy còn có dấu chơn bước in sâu xuống. Tới đó lấy hai lu tương và dưa cà xách đi, lại trong nháy mắt trở lại chùa Tiên-lữ, thì nồi cơm vừa chín tới. Bầy tiểu tăng dọn cơm kêu thợ lại ăn. Khi thợ ngồi vô mâm ăn, thì thấy trong mâm cơm hóa ra nhiều món đồ chay, bọn thợ trên trăm người thấy đều no nê, mà nồi cơm vẫn còn nhiều. Ăn xong rồi, sai ghé lại cắm cây dứa bếp gỗ trên miệng nồi một cái, thì cơm trong nồi xảy thấy hết ráo.

Lúc cất chùa lên rồi, thường khi sai đi gốc leo lên nóc chùa, qua lại lãng xăng, tại trên các cây hoành, bọn thợ ngó thấy thấy đều kinh hoảng hết hồn, vì e cho sai nếu sảy chơn mà té nhào thì « mô Phật », sẽ chẳng khỏi que gậy mà đi đời nhà sai. Thế mà sai vẫn tự nhiên như đi trên đất bằng vậy. Chừng ấy họ mới hay rằng sai là bậc chơn tu đắc đạo, có phép thần thông, đều lấy làm lạ thường, vậy đem lòng cung kính mà rủ nhau sắp hàng qui-lạy một lượt.



Chùa làm đã hoàn công rồi, bèn chế một cỗ khám bằng gỗ, sơn son thếp vàng, sai vô ngồi ở trong, làm phép ấn quyết, và trở lời lại cho các đồ-dệ rằng :

— Thầy đây trần duyên đã mãn, ngày rày là kỳ siêu-hóa, các đạo-tràng nên đóng cửa khám lại đủ trăm ngày rồi hãy mở ra coi, hễ thấy thơm tho thì đề mà phụng sự ; còn nếu tanh thúi thì đem chôn ra ngoài cánh đồng hoang.

Các sai vãi y theo lời di-chức của ngài, tới đúng trăm ngày mới mở cửa khám ra coi, thì trong khám chẳng thấy có gì hết, chỉ phả ra mùi hương thơm ngát, bay khắp xa gần. Rồi đó các sai vãi hiệp đồng với dân làng, muốn thợ tạc cốt tượng sơn thếp hệt như chơn dung mà thờ, thiện-nam tín-nữ cùng nhơn-dân vùng ấy thấy đều sùng bái.

Sau đó hiền linh báo ứng, dân làng Bối-khe cũng chế bài vị, lãnh duệ-hiệu, rước về chùa làng phụng sự. Hằng năm cứ ngày mười hai tháng giêng là sanh-nhật của ngài, cả hai làng Thiên-lữ, Bối-khe đều mở hội lớn, thiện tín khắp phương đua nhau tới chùa hành hương.

Tới hồi cuối đời nhà Trần, Hồ-quí-Ly cướp ngôi vua, nhà Minh bên Trung-quốc sai binh qua xâm-lấn (1417-1427), muốn trấn-yểm các nơi linh-tích tại nước Việt-Nam ta, mới đem cốt tượng Chơn-nhơn thiêu-hủy đi (đồng một dịp thiêu-hủy xá-lị Từ-Đạo-Hạnh Thiên-sư — Coi tích *Sái-Linh Giáng Thần*), nhưng rờng rả ba tháng trường, không làm sao mà đốt cho cháy tiêu đặng. Bữa kia có người tới nơi biếu rằng : « Muốn là cho cháy tiêu thì lấy tim bắc bao bọc bề ngoài, tẩm dầu vô mà đốt. »

Quân Minh làm theo như lời ấy, xây đống mưa ra máu ba ngày, quân Minh mắc dịch chết chẳng biết bao nhiêu mà kể số, họ mới đắp đất làm đống tại chợ Bảo-đà đặng lượm số binh (hiện nay chỗ ấy hãy còn vết đống), thấy tổn hao mất hết quá nửa phần. Bây giờ các chú mới sợ lết hồn, biết rằng coi linh khó phạm, vậy có ý ăn năn mà không kịp nữa. Khi ấy lại thấy Chơn-nhơn hiện hiện mà

báo rằng: « Chúng bây muốn sống mà trả Xê, thì phải tạc  
trả ta cốt tượng khác, không thì tai ách còn nhiều lắm.  
Ta báo cho hay sẽ không sót được một người ».

Quân Minh liền sai người về nước, dùng thợ chế  
một cốt tượng như cũ, rước qua chùa làng Bối-khê, lập  
đàn làm chay lễ tạ, rồi đó mới yên.

Từ ấy những nay, dân địa-phương thờ cúng quanh năm,  
cầu gì cũng đều linh ứng. Qua đời nhà Lê (Lối giữa thế-  
kỷ 15), triều-dinh bao phong Thượng-dâng-phước-thần, mười  
hai chữ trên đây tức là duệ-hiệu trong lòng sắc-văn vậy. Tới  
nay vẫn có diền lệ quốc-tế, nhang khói đời đời.



# CHU'ONG VI

---

## THÂN SAU BÀ-VÃI

(Thuật theo già-sử Nam-bộ)

---

Bà Hiếu là một người đàn bà góa tại làng Linh-chiều-dông đất Thủ-đức thuộc tỉnh Gia-định Nam-bộ Việt-Nam ta ngày nay. Bà bình sanh là người trọng nghĩa khinh tài, hay làm những chuyện từ-thiện. Nhà giàu có lắm, mà đường tử-túc thì hiếm hoi. Sau khi ông chồng thác đi, bà bèn đem gia tài bố thí cho kẻ nghèo cùng, lại bỏ ra một khoản đất lập làm nghĩa trang, để cho người ta ai chết thì chôn vào đó.

Đã làm phúc như vậy, còn bao nhiêu của lại đem lập cảnh chùa, đặt hiệu là *Hoa-Nghiêm-tự* mà tu hành tại đó cho tới khi già mà thác, thì người ta cũng cho là sự thường mà thôi.

Sau khi bà thác được ít lâu, thành linh có điệp của vua Trung-Hoa gửi qua hỏi vua Việt-Nam ta coi tại hạt tỉnh Gia-Định có cảnh chùa nào kêu là *Hoa-Nghiêm-tự* hay chăng? Vua ta giáng chỉ hỏi quan địa-phương, thì tỉnh-thần Gia-định phụng chỉ điều tra mà phúc tấu rằng có, lên làm sớ tâu trả lời vua Tàu.

Kể đó vua Tàu sai sứ qua đến tận nơi mà điều tra sự-tích, hỏi thăm ngày giờ thác của vị vãi chùa Hoa-Nghiêm, thì đúng hiệp với ngày giờ sanh công-chúa vua Tàu, mới rõ con gái của vua Tàu là do linh hồn của bà vãi Hiếu đầu thai thác sanh đây. Vì lúc công-chúa sanh ra có dấu chữ đề tại nơi cánh tay mặt như vậy : ( An-nam Gia-định Hoa-Nghiêm-từ ny). nghĩa là : *Bà vãi chùa Hoa-Nghiêm hạt Gia-định nước An-nam*. Khi ấy vua Tàu truyền điệp cho vua ta khiến quan địa-phương phải đem bài vị của bà vãi Hiếu về nộp qua Tàu. Nhưng dân làng không rên chế một bài vị khác gửi đi.



# CHƯƠNG VII

---

## KIỆP TRƯỚC ÔNG VUA

(Thuật theo bộ sách CÔNG-DU THIẾT-KÝ)

---

Trong làng Hậu-bồng thuộc huyện Gia-phúc (nay là huyện Gia-viễn, thuộc phủ An-khánh tỉnh Ninh-Bình trong Bắc-bộ) có chùa Quang-Minh (nay tục kêu là chùa Địch-dộng, như tên động núi), bốn mặt nước xanh, ngàn hàng cây biếc, phía trước đường cái, phía sau sông dài, non nước hữu tình, thiệt là một cảnh chùa danh thắng vậy.

Tục truyền rằng thuở xưa có một vị thiền-sư pháp hiệu Huyền-Chơn trụ-trì chùa ấy, ngày đêm chỉ chăm tụng kinh niệm Phật, chẳng hề nghĩ tới việc trần tục, người ta đều phục là chơn tu. Tới chừng tuổi già, một đêm kia nằm ngủ tại hậu phòng, xảy chiêm bao thấy đức Phật A-Di-Đà giáng lâm bửu-điện, kêu mình lại trước án, mà ân cần phán dụ rằng :

— Nhà ngươi có công với Phật-giáo đã trải lâu năm, vả lại một lòng từ bi, đã đạt tới thượng-giới. Kiếp sau sẽ được đấng thái thái sanh làm vị Hoàng-đế một nước lớn-dộng đem đức từ-bi quảng-dại mà thi hành như chánh cứu dân.

Sau khi thiền-sư thức dậy, mới kêu các môn đồ mà trở lại rằng :

— Thầy dậy từ nhỏ xuất gia, qui y Phật giáo những tưởng vẹn tròn quả phước, tuyệt dứt duyên trần, thân sau sẽ được tịnh-độ siêu sanh, ấy là túc nguyên của thầy vậy. Nào dè dấn nghiệp duyên chưa dứt, kiếp khác luân hồi lại phải chịu một trách nhiệm nặng nề khó nhọc tại giữa trần hoàn. Sự này đã có lời đức Phật A-Di-Đà phán dụ cho hay tại trong một giấc chiêm bao, chắc không sau tránh khỏi. Vậy các con nên nhớ lời thầy dạy : hễ sau khi thầy đã viên tịch, thì viết mấy chữ làm dấu vô thân thể, đề chứng nghiệm về sau.

Chẳng bao lâu, thiền-sư nhập niết-bàn, các môn-đồ y theo lời ấy, bèn lấy son viết mười chữ tại trên vai sãi, dùng phép nhà Phật ; lập đàn làm lễ hỏa táng, rồi lược lấy xá-lợi (than cốt) dựng vô bình bạc, xây tháp chôn cất, hôm sớm phụng thờ.

Sau lời đời Hậu-Lê, tại làng Tiên-liệt nơi huyện Vĩnh-lại (nay là huyện Vĩnh-bảo thuộc tỉnh Hải-dương) có người học-trò nghèo tên Nguyễn-tự-Cường lên du-học tại đất Trường-an (tức là động Hoa-lư, kinh-đô nhà Đinh, nhà Lý đổi làm phủ Trường-an), hằng ngày đi học ngang qua chùa ấy, thường khi ghé chùa ngẫm mát, nhưng cũng chẳng đề ý nhận tên chùa là *Quang-Minh*.

Nhằm triều Hoàng-định (niên hiệu vua Lê Thế-Tông, lối năm 1557-1599) ông ta thi đậu Tồn-sĩ khoa Giáp-trất (1558), sau làm quan tại triều tới chức [Lễ-bộ Thị-lang, vàng mạng triều qua sứ nhà Minh bên Trung hoa. Hoàng-đế nhà Minh thuở đó là vua Vạn-lịch (Thần-tông), triệu ông ta lên trước diện mà hỏi rằng :

— Tại nước Annam nhà ngươi có chùa danh-lam nào kêu là chùa *Quang-Minh* hay chăng ?

Ông ta qui mà tâu rằng :

— Muốn tàu bệ hạ, trong nước An-nam chúng tôi chùa chiền có nhiều, như những chùa : Quỳnh-lâm, Bảo-thiên, Phê-minh, Qui-diên... đều là cảnh danh-tam, thì chúng tôi đều biết. Còn chùa Quang-Minh thì chúng tôi chưa từng ở nơi nào. Nay chẳng hay có duyên cớ gì, mà vâng lời ngọc-đụ hỏi tôi ?

Vua Vạn-lich lộ ra vẻ trầm-ngâm mà phán rằng :

— Từ thuở trăm mới dân sanh, tại nơi trên vai vẫn có mười chữ sơn rằng : « An-nam quốc Quang-Minh tự Sa-việt ty-khu » ( vị sai tu hành tại chùa Quang-Minh trong nước Aa-nam), dấu vết rõ ràng. Vậy chắc hẳn kiếp trước của trăm là vị sai tu hành tại chùa ấy, nay mới giáng sanh thượng quốc, mà làm thiên-tử ở kiếp này. Bây giờ trăm muốn tẩy dấu chữ ấy đi, chẳng hay có thuật huyền bí gì làm cho sạch chẳng ?

— Muốn tàu bệ hạ, chúng tôi trộm nghe nhà Phật có phép « Đức-thủy tẩy trần » (nước đức rửa bụi), bệ hạ đã do chùa ấy mà giáng sanh, thì lại nên lấy nước giếng chùa ấy mới có thể tẩy được sạch.

Vua Vạn-lich nghe tàu, có ý cho là phải, liền bảo ông Nguyễn-từ-Cường mau về nước, kiếm chùa Quang-Minh lấy nước giếng đem qua dâng.

Ông lãnh mạng về liền, chùng về tới nước mình rồi, mới đem chuyện ấy tâu lên vua ta. Rồi đó đi đọ Lôi klấp nơi, mới kiếm được chùa Quang-Minh tại làng Hậu-bồng, chẳng dè chùa ấy là chỗ thuở trước mình đi lọc vẩn glé qua nghĩ mát tại đó.

Qua năm sau nhằm kỳ tuế-cống (lễ tới kỳ ba năm một lần đem thờ-vật qua cống hiến vua Tàu), ông ta lại vâng mạng triều đi sứ Tàu. Luôn thể lấy nước giếng chùa Quang-Minh đựng vô bình bạc đem theo qua yên-kinh dâng lên. Vua Vạn-lich bèn sai lấy nước ấy rửa long-thê, thì quả nhiên sạch hết dấu chữ. Mặt rồng vui vẻ, lại triệu ông Nguyễn-từ-Cường lên trước thềm rồng mà phán dụ rằng :

- Trăm nay nhờ được nhà người mách bảo, mới rõ được duyên kiếp thuở xưa. Nếu chẳng vậy thì vẫn lãng quên, trọn đời ra người quên gốc. Nhà người về nước nên vì trăm sửa lại chùa ấy, khiến cho rộng vẻ hơn xưa, đó chẳng những xứng lòng thành « báo ân » của trăm mà thôi ; và lại tỏ ra nước nhà người có linh tích chung đúc nên một vị đại đế Trung - hoa, ấy cũng là một truyện truyền kỳ ở trên thế-giới vậy. Nay trăm giao cho nhà người ba trăm lượng vàng và ba ngàn lượng bạc, đem về kiến-trúc ba mươi sáu gian chùa ; lại đem theo về cây đèn vàng bạc, mỗi thứ đều một cặp để làm đồ thờ Phật. Sau khi về nước, nhà người nên rán sức mà làm cho tròn công-quả này, như con mắt của trăm được ngó thấy vậy. Nếu không thì nhà Phật tự có cơ báo ứng quả nhiên, hoặc ở nơi mình nhà người, hoặc ở đời con cháu nhà người đó.

Ông Cường lấy tạ, lãnh lấy đồ vật vàng bạc mang về rồi chuyện ấy tâu lên vua ta. Vua ta lấy làm chuyện kỳ Bèn cho phép ông Cường lãnh mạng đốc công, làm theo như ý vua Tàu đã dặn. Ông Cường bèn đem số vàng bạc lãnh về đó khởi công kiến trúc một tòa chùa, trước sau đủ ba mươi sáu gian, tráng lệ nguy nga, rõ ràng một cảnh giới « chơn-như » vậy.

Lại xây một cây tháp phù-đồ cao trăm thước, ngó xa thấy vòi vòi ngắt trời, đó là nhưn tòa am hỏa táng di hài của Huyền-Chơn thiều-sư thuở xưa, mà làm thêm cao lớn ra vậy.

Duy có hai cặp cây đèn vàng bạc thì ông đốc công Cường nhà ta để làm đồ gia dụng, mà đúc những cây đèn kèm xi (mà) vàng xi bạc thế vô. Còn vàng bạc thì chẳng hay ông ta có xới đi đồng nào, thì người trần cũng chẳng biết đó là đá, cái chỗ biết họa là chỉ có Phật và tâm ông ta mà thôi vậy.

Ông ta cất chùa hoàn công rồi, về triều phục mạng. Sao đời vật đời, trải mấy xuân thu, sau trăm lúc chúa Thái-h.



Ỗ Triết-vương (Trịnh-Tùng, lối 1570 - 1620) tuổi già nghe danh ông Cường có thuật coi tướng người ta, mới triệu mà hỏi việc thân hậu :

— Như các con của ta thì đứa nào nên nối nghiệp chúa ?

Khi ấy Vạn-quận-công Trịnh Xuân là con thứ của chúa được lòng chúa thương, có chí mưu ngầm cướp ngôi của anh, mà con trưởng của chúa là Thanh-quận-công Trịnh-Tráng thì vị thứ chưa định. Ông Cường đem thuật coi tướng suy xét, cứ thẳng mà thưa rằng :

— Thanh-quận-công nếu có ngôi chúa. Vạn-quận-công lấy câu đó làm hiểm, bèn già dò mời ông Cường tới chơi nhà hỏi thăm chuyện khác, nhưn lưu lại ăn cơm, thừa dịp bỏ thuốc độc cho ông ta chết.

Sau đó chúa Thành-lữ thác, Trịnh-tráng trừ được em là Trịnh-Xuân rồi, nối ngôi làm chúa tức là Thanh-dô-vương, mới truy tặng ông Cường chức Thái-bảo, tước quận-công.

Con cháu ông Cường về sau vẫn còn, nhưng thấy đều ngu hèn, không ai nối được tài đức và sự nghiệp của ông cha. Người ta cho là quả báo về sự dùng riêng hai cặp cây đèn vàng bạc vậy.

Chùa Quang-Minh trải qua nhiều cuộc chiến-tranh tao-loạn, nhà Lê mất nước, bị quân Tây-sơn tàn phá, về sau quang-cảnh tiêu-tụy, duy có cây tháp phủ-dồ thì di-tích vẫn còn. Tuy ngày nay ở phủ cận tỉnh lỵ Ninh-Bình, dân làng cũng phổ khuyến các nhà thiện tín thập phương mà tu bổ lại cảnh già lam, nhưng phần trang-lệ nguy-nga thì không bằng thuở xưa nữa. Nay ta đi ngang qua Địch-dộng thấy cổng chùa đề ba chữ *Quang-minh-Tự* ấy là di-tích tòa chùa kiến-trúc nhâm đời Lê-thế-tông ở đó, mà quang-cảnh thì là kiểu mới do người ta tu bổ sau này.



---

IMPRIMERIE  
**VIET-HƯƠNG**  
86 Colonel Boudonnet  
**SAIGON**



GIÁ : \$00

---

Giấy phép số 1735/TXB ngày 9-11-49 Phòng Thông-Tin Chánh  
Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam.